

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2008/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2009

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/PL -UBTVQH10 ngày 26/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2008/NQ-HĐND ngày 09/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI, kỳ họp thứ 11, về quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2009;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2368/TTr-STC ngày 25/12/2008, về việc đề nghị phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2009, (kèm theo Biên bản xác định giá các loại đất của Hội đồng giá đất tỉnh Thái Nguyên, gồm các ngành: Sở Tài chính, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh lập ngày 23/12/2008),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2009, với nội dung cụ thể như sau:

(Có các phụ lục chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giá các loại đất được quy định sử dụng làm căn cứ để:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật đất Đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sở Tài Chính phối hợp với Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công tổ chức thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài Chính, Tài Nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 và thay thế Quyết định số 3033/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Xuân Dương

**GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2009**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT.

I. GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP.

1. Giá đất trồng cây hàng năm.

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Vị trí	Vùng			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu Vực III
1	Vị trí I	46	41	37	33
2	Vị trí II	41	37	33	30
3	Vị Trí III	37	33	30	27

2. Giá đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Vị trí	Vùng			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	Vị trí I	42	38	34	31
2	Vị trí II	38	34	31	28
3	Vị Trí III	34	31	28	25

4. Giá đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Vị trí	Vùng			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu Vực III
1	Vị trí I	12	10	8	6
2	Vị trí II	10	8	6	5
3	Vị trí III	8	6	5	4

4. Giá đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Vị trí	Vùng			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu Vực III
1	Vị trí I	33	30	27	24
2	Vị trí II	30	27	24	22
3	Vị Trí III	27	24	22	20

II. GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP.

1. Giá đất ở tại nông thôn.

1.1 Khung giá đất ở tại nông thôn:

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Vùng	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Trung du	123	4.500
2	Miền núi	62	3.500

1.2. *Bảng giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông:* quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, các đầu mối giao thông, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Như phụ lục 1,2,3,4,5,6,7,8,9 kèm theo)

1.3. *Trường hợp đất ở nông thôn chưa được quy định tại tiết 1.2 điểm 1 này, thì được áp dụng bảng giá sau:*

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

Loại	Vùng			
	Trung du	Miền núi		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
Loại 1	240	192	154	123
Loại 2	192	154	123	98
Loại 3	154	123	98	78
Loại 4	123	98	78	62

Đất ở nông thôn quy định tại tiết này không phân vị trí.

2. Giá đất ở tại đô thị.**2.1. Khung giá đất ở tại đô thị:**Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Loại đô thị	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Thành phố Thái Nguyên	300	18.000
2	Thị xã Sông Công, và thị trấn trung tâm các huyện	150	7.500

Trường hợp đất ở các thị trấn không thuộc trung tâm huyện, bao gồm: thị trấn Quân Chu, thị trấn Bắc Sơn, thị trấn Bãi Bông, thị trấn Sông Cầu, thị trấn Trại Cau, thị trấn Giang Tiên, giá đất ở tối thiểu được áp dụng là mức giá Loại 4, của các Vùng như quy định tiết 1.3 điểm 1 mục II.

Trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hoá lựa chọn hình thức giao đất mà tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, tính bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố ngày 01/01/2009 chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại địa phương để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp, không bị giới hạn bởi khung giá quy định trên.

2.2. Bảng giá đất ở tại các đô thị, bám đường phố, trực giao thông chính trên địa bàn tỉnh (Như phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo).

3. Đất chuyên dùng: bao gồm đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng, giá đất quy định bằng 70% giá đất ở tại vị trí đó.

4. Đất tôn giáo, tín ngưỡng; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; Đất phi nông nghiệp khác: (theo quy định tại khoản 5, Điều 6, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ), giá đất quy định như sau:

- Trường hợp đất có nguồn gốc là đất ở thì được áp dụng theo giá đất ở tại vị trí đó.
- Trường hợp đất không có nguồn gốc là đất ở thì giá đất được áp dụng bằng 70% giá đất ở tại vị trí đó.

- Trường hợp đất tại đô thị sử dụng vào mục đích xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, quy định giá đất để xác định đơn giá thuê đất bằng mức giá đất chuyên dùng tối thiểu trong vùng.

III. GIÁ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG.

Đất chưa sử dụng theo quy định tại khoản 6, điều 6 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ, căn cứ vào mục đích sử dụng mới của cấp có thẩm quyền quy định

để xác định giá đất, khi có mục đích sử dụng mới thì căn cứ vào giá đất liền kề để xác định.

B. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT.

I. NGUYÊN TẮC PHÂN VÙNG ĐẤT, XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ ĐẤT.

1. Nhóm đất nông nghiệp.

1.1. Phân vùng đất:

- Vùng trung du: bao gồm các xã, phường của thành phố Thái Nguyên; các xã, phường thuộc thị xã Sông Công; các xã, thị trấn thuộc huyện Phổ Yên và huyện Phú Bình (trừ các xã là miền núi đã quy định tại Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Ủy ban Dân tộc).

- Vùng miền núi: bao gồm các xã, thị trấn miền núi theo quy định tại Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

1.2. Xác định vị trí đất nông nghiệp:

a) Vị trí 1: Là đất nông nghiệp có địa hình bằng phẳng, có chất đất tốt nhất, có điều kiện tưới tiêu thuận tiện, thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới hành chính phường, trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

- Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được duyệt, thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư tập trung;

- Đất nông nghiệp tính từ mép trục giao thông là quốc lộ, tỉnh lộ, đường nối với quốc lộ, tỉnh lộ (đường nối cùng cấp đường tỉnh lộ), có chiều sâu vào ≤ 500 m; hoặc đất nông nghiệp cách ranh giới ngoài cùng của chợ nông thôn, khu dân cư tập trung ≤ 500 m.

b) Vị trí 2: Là đất nông nghiệp thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất nông nghiệp tiếp theo vị trí 1 nói trên + 500 m;

- Đất nông nghiệp tính từ mép trục giao thông liên huyện, liên xã (không phải là tỉnh lộ, quốc lộ) có đường rộng $\geq 2,5$ m, có chiều sâu vào ≤ 500 m;

c) Vị trí 3: Là vị trí đất nông nghiệp không đủ các điều kiện là vị trí 2.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp.

2.1. Đất ở tại nông thôn: Là đất ở tại các xã trên địa bàn tỉnh.

2.1.1. *Phân vùng đất ở tại nông thôn:* được phân theo địa giới hành chính cấp xã của vùng Trung du, miền núi như quy định tại tiết 1.1 điểm 1 mục I phần B.

2.1.2. Phân loại đất ở nông thôn:

Việc phân loại đất căn cứ vào các yếu tố: khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương. Tiêu chí phân loại cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 5m;

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) lớn hơn hoặc bằng 3,0m;

- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 5,0 m lớn hơn hoặc bằng 4 m;

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) nhỏ hơn 3,0m, nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,5m;

- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào nhỏ hơn 2m;

- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 4,0 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3 m;

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) nhỏ hơn 2,5 m nhưng lớn hơn hoặc bằng 2,0m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào nhỏ hơn 2m;

- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 2m.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

2.2. Đất ở tại đô thị: là đất ở tại các phường thuộc thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và thị trấn thuộc trung tâm các huyện.

2.2.1. Xác định vị trí đất trong đô thị:

Là đất ở tại các phường, thị trấn trên đại bàn tỉnh. Vị trí đất trong đô thị được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng cách so với trục giao thông. Các vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi:

a) Vị trí 1: Các ô, thửa đất có ít nhất một mặt bám theo mặt tiền của các đường phố, trục giao thông; có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố, trục giao thông hiện tại vào không quá 30m.

b) Vị trí 2: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1 + 150m;

- Các ô, thửa đất bám theo trục phụ có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m.

c) Vị trí 3: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp theo vị trí 2 + 250m, bám theo trục phụ của các đường chính có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m;

- Các ô, thửa đất ở sau vị trí 1, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 3,5 m nhưng nhỏ hơn 6m, cách lộ giới đường chính không quá 150m;

- Nhánh của Vị trí 2, có đường vào lớn hơn 6m, vào không quá 100m.

d) Vị trí 4: Các ô, thửa đất thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp sau vị trí 3 có ít nhất một mặt bám theo trục phụ của các đường chính có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 6m;

- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1, từ đường chính vào có đường rộng nhỏ hơn 3,5m nhưng lớn hơn 2m, cách lộ giới đường chính hiện tại không quá 100m;

- Nhánh của vị trí 2, đường vào lớn hơn hoặc bằng 3,5 m từ trục phụ vào không quá 100m;

Các vị trí kể trên, thuộc đô thị nếu gần đường phố nào thì tính theo đường phố đó.

đ) Vị trí 4A:

- Ở sau vị trí 4, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m;

- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m;

- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;

- Vị trí đất không liền kề vị trí 1 của đường phố đó có tên trong bảng giá vào không quá 100m, có mặt đường từ 2,0m đến nhỏ hơn 3,5m.

e) Vị trí 4B:

- Nhánh của vị trí 4A, có đường rộng từ 3,5 trở lên;

- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;

- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m có mặt đường rộng từ 1,5m đến 2m.

g) Vị trí 4C: Là vị trí không đủ điều kiện như trên;

II. ÁP DỤNG XÁC ĐỊNH GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT.

1. Giá các loại đất nông nghiệp:

1.1. Bảng giá các loại đất nông nghiệp được áp dụng chung cho toàn tỉnh.

1.2. Trường hợp đất nông nghiệp (không bao gồm đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản) có một hoặc các điều kiện sau:

- Có địa hình không phẳng, độ dốc lớn hơn hoặc bằng 5%;

- Có sỏi, đá trên bề mặt, ruộng sâu trũng, không thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.

Mức giá đất được xác định bằng 90% giá đất nông nghiệp tại vị trí đó.

2. Giá đất ở:

2.1. Giá đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn bám các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, được thể hiện trong các phụ lục số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 áp dụng cho các khu dân cư hiện có. Mức giá đất quy định được áp dụng đối với đất ở cùng thửa, bám đường phố hoặc trục giao thông, có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố hoặc trục giao thông hiện tại vào không quá 30m, có độ chênh lệch

cao (hoặc thấp) hơn mặt đường nhỏ hơn 1,5m {tính theo mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00)}.

Trường hợp đất ở tại nông thôn ngoài các trục giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp chưa được quy định chi tiết trong các phụ lục: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 thì áp dụng theo bảng giá đất ở tại nông thôn quy định tại tiết 1.3 điểm 1 mục II phần A. Bảng giá các loại đất. Giá đất trong trường hợp này được xác định theo loại đất ở nông thôn, không phân vị trí trong cùng thửa đất.

2.2. Trường hợp đất ở cùng thửa, bám đường phố hoặc trục giao thông, có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố hoặc trục giao thông hiện tại vào lớn hơn 30m, thì giá đất được xác định cho từng vị trí như sau:

- Vị trí 1: Từ mép lộ giới đường phố, trục giao thông hiện tại vào 30m, giá đất xác định bằng giá đất ở bám các đường phố, trục giao thông theo quy định tại vị trí đó;
- Vị trí 2: Tiếp theo vị trí 1 + 75m, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 1;
- Vị trí 3: Tiếp theo vị trí 2 đến hết, giá đất xác định bằng 50% giá đất của vị trí 2.

Mức giá đất từ vị trí 2, vị trí 3 xác định như trên, nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của đất ở quy định trong vùng.

2.3. Giá đất ở được quy định tại các trục phụ trong bảng giá, được xác định tính từ sau vị trí 1 của đường chính.

2.4. Giá đất ở thuộc đường nhánh của trục phụ được xác định từ sau vị trí 1 của trục phụ.

2.5. Trường hợp các ô thửa đất ở bám các trục giao thông đã có trong bảng giá, nhưng mức giá đất ở chưa thể hiện hết toàn tuyến, thì những đoạn còn lại cứ 250m tiếp theo được xác định như sau:

- Trường hợp đoạn đường có cơ sở hạ tầng tương đương với đoạn đã có giá quy định, thì mức giá được xác định bằng 90% mức giá của đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu đã quy định trong vùng;
- Trường hợp đoạn đường còn lại trên tuyến, có cơ sở hạ tầng và đường nhỏ hơn không quá 20% đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, thì mức giá xác định bằng 70% mức giá đoạn đường tiếp giáp, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng;

2.6. Trường hợp các ô thửa đất ở bám các trục phụ chưa được nêu ở bảng giá, giá đất ở được xác định giá như sau:

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi tương đương với trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, thì giá đất được xác định bằng giá đất đã quy định tại trục phụ tương đương gần nhất đó;

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn không quá 20% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 80% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng;

2.7. Các trường hợp ô đất, thửa đất ở bám các đường nhánh của trục phụ, vào không quá 100m, giá đất được xác định như sau:

- Đường có cơ sở hạ tầng tương đương trục phụ thì giá đất được tính bằng 90% giá đất trục phụ;

- Đường có cơ sở hạ tầng kém trục phụ, đường rộng nhỏ hơn không quá 20% trục phụ thì giá đất được tính bằng 70% giá đất trục phụ;

Mức giá xác định không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.8. Các trường hợp ô đất, thửa đất bám các đường nhánh của các nhánh trục phụ, vào không quá 100m, giá đất được xác định như cách xác định giá đất tại tiết 2.7 điểm 2 này.

2.9. Các ô đất, thửa đất liền kề vị trí 1 của các đường phố, trục giao thông đã có tên trong bảng giá:

- Trường hợp đường vào là ngõ chưa kê tên, vào không quá 100 m, mức giá được xác định như sau:

+ Đường vào từ 2m đến nhỏ hơn 3,5m: Giá đất xác định bằng 30% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

+ Đường vào nhỏ hơn 2m: Giá đất được xác định bằng 25% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

- Trường hợp vào vượt quá 100m, giá đất được xác định như cách xác định tại tiết 2.5 điểm 2 này.

- Trường hợp thửa đất không có đường vào mức giá tính bằng 20% giá đất tại vị trí 1 của thửa đất mặt đường liền kề.

Mức giá xác định không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.10. Đối với các thửa đất ở nằm bên kia đường sắt (bám theo đường sắt), đường sắt song song giáp với đường bộ, thì giá đất xác định như sau:

- Trường hợp vị trí đất ở giáp với lộ giới đường sắt, từ đường bộ vượt qua đường sắt vào thẳng đất ở, giá đất được xác định bằng 70% giá đất ở bám trực đường bộ theo quy định tại vị trí đó;

- Trường hợp từ đường bộ vào đất ở phải đi theo đường gom, thì giá đất được xác định theo từng vị trí cụ thể nhưng không được thấp hơn mức giá tối thiểu quy định trong vùng.

2.11. Đối với các thửa đất ở phía sau đất nông nghiệp, tính từ mép đường giao thông hiện tại đến đất ở có chiều sâu vào không quá 30m, giá đất ở được xác định như sau:

- Trường hợp có đường vào lớn hơn (hoặc) bằng 6m thì phần đất ở từ giáp đất nông nghiệp vào không quá 30m được tính bằng 70% giá đất ở bám trực đường giao thông theo quy định tại vị trí đó;

- Trường hợp có đường vào nhỏ hơn 6m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3,5m, mức giá tính bằng 60% giá đất ở bám trực đường giao thông theo quy định tại vị trí đó;

- Nếu có đường vào nhỏ hơn 3,5m, mức giá tính bằng 50% giá đất ở bám trực đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

Chiều sâu đất ở quy định tại điểm này, tính từ đất nông nghiệp vào không quá 30m thì xác định như trên. Trường hợp chiều sâu đất ở tính từ đất nông nghiệp vào lớn hơn 30m thì được xác định như quy định tiết 2.2 điểm 2 này.

- Trường hợp đất nông nghiệp giáp lộ giới giao thông quy hoạch, khi được phép chuyển mục đích sử dụng thành đất ở mà có phần phần diện tích đất nông nghiệp bám trực giao thông nằm trong hành lang an toàn giao thông (lộ giới giao thông) chưa được thu hồi và không được chuyển mục đích sử dụng, thì giá đất ở để tính thu tiền chuyển mục đích sử dụng đối với phần diện tích đất nông nghiệp phía sau hành lang an toàn giao thông (lộ giới giao thông) là giá đất ở tại vị trí 1, bám trực giao thông đã quy định tại vị trí đó.

2.12. Giá đất quy định trên các đường phố, trục giao thông được xác định theo mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00) làm chuẩn. Các vị trí đất có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường nhỏ hơn 1,5m, giá đất xác định bằng 100% mức giá đất đã được quy định tại vị trí đó. Trường hợp thửa đất có vị trí chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường hiện tại từ 1,5m trở lên, mức giá được xác định như sau:

a) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch cao hơn mặt đường hiện tại:

- Cao hơn từ 1,5m đến nhỏ hơn 3m, giảm giá 5% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 150.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 3m đến nhỏ hơn 4,5m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 225.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 4,5m trở lên, giảm giá 15 % so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 300.000 đồng/m².

b) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch thấp hơn mặt đường:

- Thấp hơn từ 1,5 m đến nhỏ hơn 3 m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 375.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 3m đến nhỏ hơn 5,5m, giảm giá 15% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 525.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 5,5m trở lên, giảm giá 20% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 750.000 đồng/m².

2.13. Trường hợp đất có vị trí bám 2 mặt đường:

- Trường hợp đường phố, trục giao thông lớn hơn hoặc bằng 3,5m được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá tại vị trí đường phố có mức giá cao hơn;

- Trường hợp có đường phố, trục giao thông chính và 1 đường phụ lớn hơn 2m nhưng nhỏ hơn 3,5m, được tính hệ số đa là 1,05 lần so với giá đất tại vị trí đường phố, trục giao thông chính có mức giá cao hơn;

- Trường hợp ô, thửa đất bám đường phố, trục giao thông và giáp một bên là đất công cộng có không gian thoáng đãng, được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá đất tại vị trí của đường phố, trục giao thông đó.

2.14. Trường hợp các ô đất (thửa đất) ở vị trí có trùng 2 mức giá trở lên, thì xác định giá theo mức giá cao nhất.

2.15. Đối với trường hợp đất ở tại các khu mới thực hiện quy hoạch để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, khi có quy hoạch được duyệt, Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã lập phương án báo cáo Hội đồng giá đất tỉnh thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng thời điểm giao đất.

2.16. Trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp Nhà nước tiến hành cổ phần hoá lựa chọn hình thức giao đất mà tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, tính bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá mà

giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố ngày 01/01/2009 chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại thời điểm, lập phương án báo cáo Hội đồng giá đất tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp.

3. Đất chuyên dùng: bao gồm đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng, giá đất quy định bằng 70% giá đất ở tại vị trí đó.

Trường hợp đất sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi bảo vệ hành lang an toàn lưới điện quốc gia (Trừ trường hợp đất sản xuất kinh doanh mua bán, truyền tải điện), giá đất để xác định đơn giá thuê đất được giảm trừ 20% so với giá đất cùng mục đích sử dụng tại vị trí.

4. Đất tôn giáo, tín ngưỡng; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; Đất phi nông nghiệp khác: (theo quy định tại khoản 5, Điều 6, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ):

- Trường hợp đất có nguồn gốc là đất ở thì được áp dụng theo giá đất ở tại vị trí đó;
- Trường hợp đất không có nguồn gốc là đất ở thì giá đất được áp dụng bằng 70% giá đất ở tại vị trí đó;
- Trường hợp đất tại đô thị sử dụng vào mục đích xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, quy định giá đất để xác định đơn giá thuê đất bằng mức giá đất chuyên dùng tối thiểu trong vùng.

Phụ lục số 01:**VỀ GIÁ ĐẤT Ở BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	Đường Đội Cấn (Từ đảo tròn Thái Nguyên đến đường Bến Tượng qua Quảng trường thành phố)	
1	Toàn tuyến	18.000
II	Đường Hoàng Văn Thụ (Từ đảo tròn trung tâm đến đường sắt Hà Thái)	
1	Từ đảo tròn trung tâm đến ngã tư Minh Cầu	17.000
2	Từ ngã tư Minh Cầu đến đảo tròn Đồng Quang	16.500
3	Từ đảo tròn Đồng Quang đến đường sắt Hà Thái	14.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 2: Rẽ theo khách sạn Thái Nguyên gặp đường Phủ Liễn (cạnh Sở Công nghiệp cũ)	7.500
2	Rẽ ngõ 60: Cạnh nhà trẻ 19/5 đi gặp ngõ số 2 cạnh Sở Công nghiệp cũ	7.000
3	Ngõ 62: Rẽ cạnh Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ gặp đường Phủ Liễn	6.000
4	Ngõ 13: Rẽ theo hàng rào cạnh Điện lực Thái Nguyên:	
4.1	Từ đường Hoàng Văn Thụ vào 100m	5.500
4.2	Qua 100m đến 200m.	4.500
5	Các đường trong khu dân cư Phủ Liễn II thuộc tổ 22	5.500
6	Ngõ rẽ vào đến trạm T12 (cạnh đường sắt Hà Thái)	2.500
7	Rẽ vào cạnh Sở Giao thông Vận tải gặp đường ga Thái Nguyên (đường chợ tạm Quang Trung)	5.000
III	Đường cách mạng tháng Tám (Từ đảo tròn Trung tâm đến đảo tròn Gang Thép)	
1	Từ đảo tròn Trung tâm đến Chi nhánh điện thành phố	14.000

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Từ Chi nhánh điện thành phố đến gặp đường Phan Đình Phùng	12.000
3	Từ đường Phan Đình Phùng đến cổng Ban Chỉ huy quân sự thành phố	10.000
4	Từ cổng Ban Chỉ huy quân sự thành phố đến cầu Xương Rồng	9.000
5	Từ cầu Xương Rồng đến ngã ba Gia Sàng	8.000
6	Từ ngã ba Gia Sàng đến ngã ba rẽ dốc Chọi trâu	6.500
7	Từ ngã ba rẽ dốc Chọi trâu đến ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A	6.000
8	Từ ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể cán A đến cầu Loàng	5.000
9	Từ Cầu Loàng đến đến đường sắt rẽ vào kho ba mái (cũ)	4.500
10	Từ đường sắt rẽ vào kho ba mái (cũ) đến đường sắt đi Kép	4.500
11	Từ đường sắt đi Kép đến đảo tròn Gang Thép	6.500
Trục phụ		
1	Ngõ 2: Rẽ theo hàng rào Sở Công Thương mại đến chân đồi Kô Kê	
1.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến 100m	3.500
1.2	Qua 100m đến 200m về 2 phía	3.000
1.3	Qua 200m đến 400m (có đường bê tông $\geq 2,5m$)	2.000
2	Rẽ phố Đầm Xanh: Theo hàng rào Bưu điện tỉnh đến gặp đường Minh Cầu.	
2.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 150m	3.500
2.2	Qua 150m đến gặp đường Minh Cầu	2.500
2.3	Các nhánh rẽ trên trục phụ có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 150m	2.000
3	Ngõ 38: Rẽ đối diện Công an tỉnh	
3.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
3.2	Qua 100m đến 250m	2.500
5	Ngõ 90: Đối diện đường Nguyễn Du, vào 150m	2.500
6	Ngõ 132: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 2 phía 100m	2.000
7	Ngõ 136: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.000
8	Ngõ 226: Rẽ cạnh Thành đội, vào hết đất Trung tâm Văn hoá	3.000

Giá đất ở thành phố Thái Nguyên

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	thành phố	
9	Ngõ: 277: Rẽ Trung tâm Y tế thành phố vào 150m	3.500
10	Ngõ 197: Rẽ Trường tiểu học Nha Trang vào 150m	3.000
11	Ngõ 242: Rẽ KDC Viện Kiểm sát thành phố cũ, vào 100m	3.000
12	Ngõ 248: Rẽ Ban kiến thiết Sở Thương mại cũ, vào 100m	3.000
13	Ngõ 235: Rẽ theo hàng rào Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thành phố Thái Nguyên vào 100m	3.000
14	Ngõ 300: (Rẽ khu dân cư Công ty Môi trường đô thị) - vào 150m	3.500
15	Ngõ 309: Rẽ từ Trạm xăng dầu số 10 vào đến ngã 3 đầu tiên	2.500
16	Rẽ vào Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp phường Túc Duyên (Đường phố Xương Rồng kéo dài)	
16.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	3.000
16.2	Từ ngã ba rẽ Đoàn nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đến cổng Công ty Xây dựng số 2	2.000
16.3	Từ cổng Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên	1.500
17	Ngõ 428: Rẽ vào đền Xương Rồng	
17.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3 rẽ cổng đền	3.000
17.2	Từ ngã 3 rẽ cổng đền đến hết khu dân cư quy hoạch có đường rộng $\geq 3,5m$	2.500
18	Ngõ 451 và ngõ rẽ từ số nhà 429:	
18.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.500
18.2	Qua 100 đến 250m	2.000
19	Ngõ 479: Rẽ vào xóm Xưởng đậu cũ Phường Gia Sàng	
19.2	Từ ngã ba + 200m về 2 phía	2.000
20	Ngõ 536:	
20.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.000
20.2	Từ qua 100m đến 300m	1.500
21	Ngõ 728: Rẽ theo hàng rào chợ Gia Sàng	
21.1	Trục chính vào 100m	2.500
21.2	Qua 100m đến 250m	1.500
22	Ngõ 882: Rẽ khu dân cư số 1 phường Gia Sàng	

Giá đất ở thành phố Thái Nguyên

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
22.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.500
22.2	Từ qua qua 100m đến 250m	2.000
22.3	Các đường khác trong khu dân cư số 1 Gia Sàng đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
*	+ Đường rộng $\geq 9m$	1.500
*	+ Đường rộng $\geq 3,5m$ nhưng $< 9m$	1.200
23	Ngõ 604: Rẽ vào tổ nhân dân số 16 (Dốc Chọi trâu)	
23.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
23.2	Qua 100m đến ngã ba rẽ trường THCS Gia Sàng	1.200
23.4	Ngã ba rẽ trường THCS Gia Sàng đến gặp đường Thanh niên xung phong, có đường bê tông $\geq 2,5m$	800
24	Ngõ 673: Rẽ vào nhà văn hoá tổ 4 phường Gia Sàng	
24.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
24.2	Qua 100m đến 300m	1.000
25	Ngõ 728: Rẽ vào Trường trung học cơ sở Gia Sàng	
25.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
25.2	Qua 100m đến gặp trục phụ rẽ từ ngõ 606 (Dốc Chọi trâu)	1.200
26	Ngõ 756: Rẽ vào khu tập thể cán A	
26.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
26.2	Qua 100m đến 300m	1.000
27	Ngõ đi Trại Bầu (đối diện ngõ 756):	
27.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
27.2	Qua 100m đến 300m	1.000
28	Ngõ 800: Vào 100m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	1.500
29	Ngõ 837: Rẽ khu tập thể XN Bê tông cũ,	
29.1	Vào 100m	1.000
29.2	Qua 100m đến 250m	800
30	Ngõ 933: Rẽ theo hàng rào Doang nghiệp tư nhân Hoa Thiết (Cam Giá), vào 100m	1.000
31	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ nhân dân số 4 Cam Giá, vào 100m	1.500
32	Ngõ 997: Rẽ đi tổ nhân dân số 1 Cam Giá, vào 100m	1.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
33	Ngõ 71: Rẽ đi tổ nhân dân số 2 Cam Giá, vào 100m	800
34	Đường đê Cam Giá đi cầu BADA	
34.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.200
34.2	Qua 100m đến 200m	1.200
34.3	Qua 200m đến cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng	800
35	Ngõ 950: Rẽ vào nhà văn hoá tổ 1 phường Phú Xá	
35.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.000
35.2	Qua 100m đến 250m	800
36	Ngõ rẽ Công ty Cổ phần Bê tông Lưu Xá; XM Lưu Xá	
36.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng Công ty Cổ phần Bê tông và Nhà máy XM Lưu Xá	1.000
36.2	Từ cổng Công ty cổ phần Bê tông đến hết khu dân cư	800
37	Đoạn đường Cách mạng tháng Tám cũ (qua dốc nguy hiểm) gặp đường Cách mạng tháng Tám mới	
37.1	Từ đường rẽ vào Công ty Cổ phần Bê tông đến đường sắt vào công ty Gang thép Thái Nguyên.	2.000
37.2	Từ đường sắt vào Công ty Gang thép đến chân dốc bể dầu (gặp đường Cách mạng tháng Tám mới)	1.500
38	Ngõ 108: Rẽ khu tập thể đường sắt (phường Phú Xá)	
38.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 150m	800
38.2	Qua 150m đến đầu khu tập thể đường sắt	700
38.3	Từ đầu khu tập thể đường sắt đến hết khu tập thể	700
39	Ngõ 236/1: Đối diện trạm cân Công ty Gang thép (Phú Xá)	
39.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.000
39.2	Qua 100m đến gặp đường sắt đi Kép	700
40	Rẽ theo hàng rào Công ty TM kim khí Gang thép, có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 200m (Cam Giá)	1.000
41	Rẽ đến cổng Văn phòng Công ty Gang thép	2.500
42	Ngõ 266/1: Rẽ từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt đi Kép	1.500
43	Ngõ 209/1: Rẽ vào đôi bia (cũ)	

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
43.1	Từ đường Cách Mạng tháng Tám vào đến ngã ba	1.500
43.2	Từ ngã ba đi 2 hướng + 200m	800
44	Ngõ 113: Rẽ theo đường sắt sang chợ khu Nam	
44.1	Từ đường Cách Mạng tháng Tám đến đường rẽ Công ty Cổ phần Vận tải Gang thép	1.500
44.2	Từ đường rẽ Công ty cổ phần vận tải Gang thép đến gặp đường Lưu Nhân Chú	1.000
*	Ngách rẽ vào văn phòng Công ty CPVT Gang thép	800
*	Đường liên thôn, liên xóm tổ 26 và 27 Cam Giá (các nhánh rẽ từ ngõ 113 vào 100m), có đường rộng $\geq 3,5m$	800
45	Rẽ vào xóm cửa hàng rau cũ (qua đường Phố Hương)	
45.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.000
45.2	Qua 100m đến 300m	1.500
46	Rẽ sau Liên đoàn Địa chất đến gặp đường Phố Hương	2.500
47	Ngõ 474/1: Từ đường CMT8 đến cổng phụ chợ Dốc Hanh	2.500
48	Ngõ 566/1:	
48.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.000
48.2	Qua 100m đến gặp đường Phố Hương	1.500
49	Ngõ 210: Từ đường CMT8 vào đến cổng Công ty CP Đầu tư và sản xuất công nghiệp	2.000
50	Ngõ rẽ từ số nhà 621/1: (phòng khám số 3 cũ)	
50.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
50.2	Qua 100m gặp sân vận động	1.000
51	Ngõ 628/1: Rẽ cạnh Liên đoàn Địa chất Đông Bắc đến hết đường	1.500
52	Ngõ 648/1: Rẽ cạnh kiốt xăng số 7 đến sân vận động Gang Thép	
52.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
52.3	Qua 100m đến sân vận động Gang thép	1.200
53	Ngõ 457/1: Rẽ vào khu dân cư Nhà máy Cơ khí (phường Hương Sơn)	
53.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
53.2	Qua 100m đến 200m	1.200

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
53.3	Qua 200m đến 500m và các nhánh khác trong khu dân cư có đường bê tông $\geq 2,5m$	800
54	Ngõ 593/1: Rẽ vào Khu dân cư Nhà máy FERRO (phường Hương Sơn)	
54.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
54.2	Qua 100m đến 200m	1.200
55	Ngõ 639/1:	
55.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
55.2	Qua 100m đến 200m	1.200
55.3	Qua 200m đến 500m và các nhánh khác trong khu dân cư có đường bê tông $\geq 2,5m$	800
56	Ngõ 655/1: Rẽ giáp đất Nhà văn hoá Gang Thép	
56.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
56.2	Qua 100m đến 200m	1.200
IV	Đường Lương Ngọc Quyến (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngã 3 Bắc Nam đường Bắc Nam)	
1	Ngã ba Mỏ Bạch đến ngõ 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo	13.000
2	Từ ngõ 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo đến giáp đất bến xe Thái Nguyên	10.500
3	Từ đất bến xe Thái Nguyên đến đảo tròn Đồng Quang (gặp đường Hoàng Văn Thụ)	14.000
4	Từ đảo tròn Đồng Quang đến ngõ 464 rẽ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	14.000
5	Từ ngõ 464 rẽ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên đến đường Phan Đình Phùng	9.000
6	Từ đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Thống Nhất (Ngã 3 Bắc Nam)	9.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào khu dân cư Mỏ Bạch	
1.1	Ngõ 53: Rẽ vào KDC Xây lắp Nội thương cũ đến hết đất thu viện Đại học Sư phạm	3.000
1.2	Ngõ số 105: Từ trục chính gặp trục qua cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	5.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1.3	Ngõ 185: Rẽ vào Sở Giáo dục Đào tạo đến cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên	5.500
1.4	Ngõ 231: Rẽ đến cổng Ngân hàng Đầu tư phát triển	5.500
1.5	Trục đường nối 3 ngõ: 105; 185; 231 qua cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	5.000
3	Rẽ các ngõ: 60; 78; 110; 140; 166:	
3.1	Trục chính vào 150m	5.000
3.2	Qua 150m đến 250m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	3.500
4	Ngõ 92: (Vào khu dân cư quy hoạch phường Quang Trung), vào 100m	4.000
5	Ngõ 220: Rẽ vào khu dân cư Ngân hàng tỉnh cũ, vào 100m	3.500
6	Ngõ 297: Rẽ cạnh Công an cứu hoả vào 150m	2.500
7	Ngõ 301: Vào 200m	3.000
8	Ngõ 309: Rẽ vào cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
8.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.000
8.2	Từ Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn rẽ phải 150m	2.500
8.3	Từ Sở Nông nghiệp PTNN rẽ trái gặp đường Chu Văn An	
9	Ngõ 256: Rẽ vào KDC Lâm sản đi gặp ngõ 274	4.000
10	Ngõ 274: Rẽ đi gặp ngõ 256 và 108 từ Bến xe vào trường Thống Nhất	4.000
11	Ngõ 357 đến gặp đường Chu Văn An (đối diện Bến xe)	2.500
12	Ngõ 108: Rẽ cạnh chợ Đồng Quang và Bến xe Thái Nguyên	
12.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến vào đến hết đất bến xe	6.000
12.2	Từ giáp đất bến xe qua ngã 3 rẽ đi đến cổng trường tiểu học Thống Nhất	3.500
12.3	Từ cổng trường tiểu học Thống Nhất qua 150m	2.500
12.4	Từ ngã 3 rẽ đi trường tiểu học Thống Nhất (12.2) rẽ trái đến gặp ngã 3 rẽ khu dân cư số 2 Quang Trung	2.500
12.5	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn (12.4) từ ngã 3 rẽ trường Tiểu học Thống Nhất đến ngã 3 rẽ khu dân cư số 2 Quang Trung) có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 100m	1.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
13	Từ đường Lương Ngọc Quyến rẽ đi trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến gặp đường Hoàng Văn Thụ (Cạnh Công an phường Hoàng Văn Thụ)	7.000
14	Ngõ 310: Rẽ đối diện Cty CP Dược và Vật tư Y tế, vào 50m	5.000
15	Ngõ 346 vào 50m	3.500
16	Ngõ 481: Rẽ theo hàng rào Bệnh viện đa khoa TW gặp đường Nguyễn Huệ	3.500
17	Ngõ 464: Rẽ vào Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
17.1	Từ trục chính đến ngã ba rẽ vào tổ 7 Đồng Quang	4.000
17.2	Từ ngã ba rẽ vào tổ 7 Đồng Quang đến cổng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	3.500
17.3	Từ ngã 3 rẽ vào tổ 7 Đồng Quang đến gặp đường rẽ đi Công ty TNHH Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên	2.500
17.4	Trục ngang nối từ ngõ 464 của ngã ba thứ nhất đến trường tiểu học Đồng Quang	3.000
17.5	Ngách 55; 96A vào 100m	2.000
18	Ngõ 499: Rẽ theo Bệnh viện Đa khoa trung tâm	3.000
19	Ngõ 511; 513 vào đến đường quy hoạch Khu dân cư số 8 Phan Đình Phùng	
19.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường quy hoạch KDC số 8	3.000
19.2	Các đường trong KDC số 8 Phan Đình Phùng đã xong cơ sở hạ tầng	2.500
20	Ngõ: 488: Rẽ đến cổng trường tiểu học Đồng Quang	3.000
21	Ngõ 556 vào 50m	2.500
22	Ngõ 566: Rẽ vào Công ty TNHH Khai thác thủy lợi	
22.1	Từ trục chính đến hết đất Công ty cổ phần tư vấn XD cơ sở hạ tầng	3.000
22.2	Từ giáp đất Công ty cổ phần tư vấn XD cơ sở hạ tầng đến gặp ngõ 464	2.500
22.3	Đường ngang nối từ ngõ 566 với ngõ 596	2.500
23	Ngõ 596:	
23.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến vào 200m	3.500
23.2	Đoạn còn lại là đường bê tông $\geq 2,5m$ đến khu dân cư số 1 Đồng Quang	2.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
23.3	Các đường trong KDC quy hoạch số 1 phường Đồng Quang	3.000
24	Ngõ 603: Đi gặp đường Nguyễn Huệ	
24.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 đầu tiên	3.000
24.1	Từ ngã 3 đầu tiên đến gặp đường Nguyễn Huệ	2.500
25	Ngõ 627 vào 100m (nhà khách Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)	3.000
26	Từ đường Lương Ngọc Quyến rẽ đến cổng Nhà hàng Hải Yến (Rẽ từ Cục bảo vệ thực vật)	2.500
27	Ngõ 723: Rẽ cạnh Hạt Kiểm lâm thành phố - vào 150m	3.500
28	Ngõ 735 đi gặp ngõ 126 đường Bắc Nam	3.500
V	Đường Bến Tượng (Từ đê Sông Cầu qua cổng Cục Thuế cũ gặp đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Từ đê sông Cầu đến giáp đất chợ Thái	8.000
2	Từ đất chợ Thái đến gặp đường Phùng Chí Kiên	12.000
4	Từ đường Phùng Chí Kiên đến ngã 6 gặp đường Phan Đình Phùng	10.000
5	Ngã 6 đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Cách mạng tháng Tám (rẽ Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên)	8.000
	Trục phụ	
1	Ngõ 5: Rẽ Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp cũ	
1.1	Từ đường Bến Tượng vào 100m	3.000
1.2	Qua 100m đến 250m	2.500
2	Ngõ 19: Vào 100m về 2 phía (giáp chợ Thái)	3.500
4	Ngõ 29: Vào khu dân cư Cục Thuế (đến hết hàng rào Bảo tàng tỉnh)	6.000
5	Rẽ vào nhà thờ	
5.1	Từ đường Bến Tượng vào 150m	6.000
5.2	Qua 150m rẽ đi 2 phía đến 250m	4.000
6	Đường trong khu dân cư quy hoạch tổ 15,16 Trung Vương	4.500
7	Ngõ 101; 111; 129: Từ đường Bến Tượng vào 200m	5.000
8	Rẽ đến cổng Tỉnh uỷ cũ (qua trường Mầm non Trung Vương gặp đường bao quanh Tỉnh uỷ)	4.500

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9	Ngõ 159: Rẽ khu dân cư lô 2 Tỉnh uỷ đến gặp đường bao quanh Tỉnh uỷ	4.000
10	Rẽ vào tổ 16 phường Túc Duyên (Giáp cầu Bóng tối), vào 100m	2.000
VI	Đường phố 19/8 (Từ đường Bến Tượng gặp đường Nguyễn Du)	
	Toàn tuyến	3.500
VII	Đường phố Quyết Tiến (Từ Ủy ban nhân dân phường Trưng Vương đến gặp đường Nguyễn Du)	
	Toàn tuyến	7.000
VIII	Đường phố Cột Cờ (Từ đường Bến Oánh đến đường Phùng Chí Kiên)	
	Toàn tuyến	6.000
IX	Đường Nguyễn Du (Từ đường Đội Cấn qua cổng trụ sở UBND thành phố Thái Nguyên gặp đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Từ đường Đội Cấn đến gặp đường Nha Trang	12.000
2	Từ đường Nha Trang đến gặp đường Cách mạng tháng Tám	10.000
X	Đường Nha Trang (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến gặp đường Bến Tượng qua cổng trụ sở UBND tỉnh)	
1	Toàn tuyến	12.000
XI	Đường Hùng Vương (Từ Quảng trường 20/8 qua rạp chiếu bóng đến gặp đường Bến Tượng)	
1	Toàn tuyến	12.000
	Trục phụ	
1	Các ngõ: 6; 8; 12: Từ đường Hùng Vương rẽ vào 200m đầu có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	3.500
2	Ngõ 40: Vào Nhà văn hoá tổ 20 phường Trưng Vương	3.500
XII	Đường Phùng Chí Kiên (Từ đường Hùng Vương gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Hùng Vương đến gặp đường Bến Tượng	8.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Từ đường Bến Tượng đến gặp đường phố Cột Cờ	8.000
3	Từ đường phố Cột Cờ đến gặp đường Phan Đình Phùng	5.000
	Trục phụ	
1	Đoạn nối từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Nha Trang (Đối diện trường THCS Trung Vương)	9.000
2	Ngõ 1; 9; 24; 42: Vào 100m đầu	3.000
3	Ngõ 160; 120: Vào 100m đầu	2.500
4	Ngõ 3 và 5: Vào 100m đầu	2.000
5	Ngõ 7 vào chùa Đồng Mỗ: Vào 100m đầu	2.000
6	Ngõ 9: Từ đường Phùng Chí Kiên vào đến ngã 4 gặp đường quy hoạch khu dân cư số 6 Túc Duyên	2.500
7	Ngõ 11: Từ đường Phùng Chí Kiên vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch khu dân cư số 6 Túc Duyên	2.500
XIII	Đường Bắc Kạn (Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã ba Mỏ Bạch)	
1	Từ đảo tròn trung tâm đến giáp đất Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thái Nguyên	13.000
2	Từ đất Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thái Nguyên đến ngã 3 Mỏ Bạch	11.000
	Trục phụ	
1	Ngõ 678: Rẽ theo hàng rào Đội cảnh sát bảo vệ tỉnh đi gặp đường Phủ Liễn (toàn tuyến)	4.000
2	Đường rẽ vào khu dân cư đôi Két nước (cũ) đường $\geq 3,5m$ (2 ngõ)	4.500
3	Ngõ 568: Rẽ đối diện cầu Gia Bầy vào tổ 16	
3.1	Từ đường Bắc Kạn vào 150m	4.500
3.2	Qua 150m đến 300m (2 phía)	3.500
4	Ngõ 432: Rẽ vào khu dân cư cạnh Cty CP Đầu tư và XD Thái Nguyên (vào 100m)	3.500
5	Ngõ 366: Vào tổ văn hoá số 13	
5.1	Từ đường Bắc Kạn vào 50m	4.500
5.2	Qua 50m đến 100m	3.000

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6	Ngõ 332: Vào tổ văn hoá số 10	
6.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	4.000
6.2	Qua 100m đến 250m	3.000
7	Ngõ 330: Rẽ khu dân cư trường Chính trị tỉnh vào 100m	3.000
8	Ngõ 290: Từ đường Bắc Kạn vào 200m đầu	3.000
9	Ngõ 238: Đường rẽ khu dân cư cạnh trường Bưu điện	
9.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	4.500
9.2	Qua 100m đến 250m	3.500
10	Ngõ 236: Rẽ khu dân cư Kho bạc và Xây lắp Nội thương 4	
10.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.500
10.2	Qua 100m vào khu dân cư đến 250m	4.500
10.3	Các đoạn còn lại trong KDC có đường rộng $\geq 2,5m$	3.500
11	Ngõ 1: Rẽ khu tập thể Sở Xây dựng (theo hàng rào Công ty Vận tải số 10) gặp đường goòng cũ	3.500
12	Ngõ 997: Rẽ khu dân cư Chi nhánh điện thành phố	
12.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	4.000
12.2	Qua 100m vào khu dân cư quy hoạch có đường rộng $\geq 3,5m$	3.000
XIV	Đường Phủ Liễn (Từ Đảo tròn Trung tâm đến HTX Bắc Hà)	
1	Đảo tròn Thái Nguyên đến ngõ 54B (rẽ quán Cây xanh)	10.000
2	Từ ngõ 54B đến hết đất HTX Bắc Hà	8.000
	Trục phụ	
1	Ngõ 54B: (Ngã tư rẽ đi quán Cây xanh)	
1.1	Từ đường Phủ Liễn vào vào 100m	4.000
1.2	Qua 100m đến 250m có đường rộng $\geq 3,5m$	3.000
2	Ngõ 54A: Đi qua trường THCS Nguyễn Du đến nhà văn hoá tổ 25 phường Hoàng Văn Thụ	
2.1	Từ đường Phủ Liễn đến hết đất trường THCS Nguyễn Du	4.000
2.2	Từ giáp đất trường THCS Nguyễn Du đến nhà văn hoá tổ 25 phường Hoàng Văn Thụ	2.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2.3	Các ngách rẽ trên Ngõ 54A	
2.3.1	- Ngách rẽ vào khu dân cư Viện Kiểm sát tỉnh TN- vào 100m	2.500
2.3.2	- Ngách rẽ theo hàng rào Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Thái Nguyên vào 200m	2.500
2.3.3	- Ngách rẽ theo hàng rào trường THCS Nguyễn Du vào 300m	2.500
2.3.4	Ngách rẽ vào Đài Truyền hình tỉnh Thái Nguyên, vào 100m	2.500
3	Ngõ rẽ KDC Phủ Liễn 1 gặp đường đi ngõ số 2 và 60 đường Hoàng Văn Thụ	6.000
4	Ngõ 100: Rẽ đi gặp đường ngõ 54A (THCS Nguyễn Du)	2.500
5	Ngã ba HTX Bắc Hà - Gặp đường quy hoạch khu dân cư Mỏ Bạch (Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh TN).	
5.1	Ngã ba cạnh HTX Bắc Hà đến hết đất trường tiểu học Đội Cấn	4.000
5.2	Từ hết đất trường tiểu học Đội Cấn đến ngã ba vào nhà văn hoá tổ 25 phường Hoàng Văn Thụ	3.500
5.3	Từ ngã ba vào nhà văn hoá tổ 25 đến gặp đường QH khu dân cư Mỏ Bạch (TTGDTX)	3.000
XV	Đường Chu Văn An (Từ đường Hoàng Văn Thụ đi đoàn Ca múa Dân gian Việt Bắc)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến Ngã ba ngõ 21 sang trường cấp III Lương Ngọc Quyến	5.000
2	Ngã ba ngõ 21 đến cổng Đoàn Ca múa Dân gian	3.500
3	Cổng Đoàn Ca múa Dân gian đến hết khu dân cư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.000
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ theo hàng rào Trung tâm Nước sạch nông thôn vào 100m	3.500
2	Ngõ 21: Rẽ đến cổng trường cấp III Lương Ngọc Quyến	3.500
2.1	Ngách rẽ khu dân cư Phát hành sách: Vào 100m	2.500
4	Rẽ vào khu dân cư trại dưỡng lão (cũ): Vào 100m	2.500
5	Ngõ 39: Vào làng Giáo viên Lương Ngọc Quyến: Vào 150m	3.000
6	Ngõ 14: Rẽ theo hàng rào trường tiểu học Đội Cấn gặp trục phụ đường Phủ Liễn	3.500

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
7	Ngõ 26: Rẽ đến cổng Trung tâm Hướng nghiệp	2.500
8	Ngõ 59: Từ Trường THCS Chu Văn An đi gặp đường Lương Ngọc Quyến	2.500
9	Ngõ 70: Từ Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc gặp trục phụ đường Phủ Liễn (Nhà văn hoá tổ 25 phường HVT)	2.500
XVI	Đường Minh Cầu (Nối đường Phủ Liễn gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Phủ Liễn đến gặp đường Hoàng Văn Thụ	9.000
2	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến gặp đường Phan Đình Phùng	10.000
	Trục phụ	
1	Ngách 5 ngõ 2A; ngách 15 ngõ 66 (KDC tổ 22 HVT) vào 150m	5.500
1	Ngõ 01: Rẽ theo hàng rào Công ty Lương thực vào 100m	4.000
2	Ngõ 02 và 04: Rẽ theo hàng rào chợ Minh Cầu vào khu dân cư sau chợ Minh Cầu, đường đã xây dựng cơ sở hạ tầng	5.000
3	Ngõ 62: Rẽ chân đồi pháo vào sân kho HTX Quyết Tâm	
3.1	Từ đường Minh Cầu vào 100m	3.500
3.2	Qua 100m đến hết đất sân kho	2.500
4	Ngõ 92: Rẽ đến Trạm xá Công an tỉnh (theo đường cũ)	3.500
5	Ngõ 100: Vào trạm xá Công an tỉnh (đường mới) vào 100m	4.000
6	Ngõ 146: Theo hàng rào Trung tâm giáo dục trẻ em thiệt thòi vào tổ 19 Phan Đình Phùng	
6.1	Từ đường Minh Cầu vào 200m	4.000
6.2	Qua 200m đến gặp đường Nguyễn Huệ	2.500
7	Ngõ 153: Rẽ khu dân cư đối diện xí nghiệp Bia Thái Nguyên	
7.1	Từ đường Minh Cầu vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch KDC có đường rộng $\geq 9m$	4.500
7.2	Trục còn lại trong khu dân cư quy hoạch có đường rộng $\geq 9m$	4.000
8	Ngõ 160: Rẽ theo hàng rào Công ty May Thái Nguyên, vào 150m	2.500
9	Ngõ 206: Rẽ vào KDC Công ty May Thái Nguyên (đối diện Khách Sạn Thái Hà), vào 150m	2.500
XVII	Đường Nguyễn Huệ (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua trường tiểu học Nguyễn Huệ gặp đường Phan Đình Phùng)	

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất Bệnh viện Đa khoa TW Thái Nguyên	5.000
2	Từ giáp đất bệnh viện Đa khoa đến gặp đường Phan Đình Phùng	3.500
Trục phụ		
1	Các đường trong KDC quy hoạch A1,A2 có đường rộng $\geq 9m$	
1.1	Khu dân cư lô 2 + lô 3	4.500
1.2	Khu dân cư lô 4 + lô 5	3.500
1.3	Khu dân cư lô 6 + lô 7	3.000
2	Ngõ rẽ từ số nhà 65 vào 200m	2.500
3	Ngõ rẽ từ số nhà 132 vào 100m	2.500
XVIII	Đường Phan Đình Phùng (Đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường sắt Hà Thái)	
1	Từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Lương Ngọc Quyến	8.000
2	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường Việt Bắc	7.000
Trục phụ		
1	Rẽ cạnh số nhà 18 đường Phan Đình Phùng đến gặp đường bao quanh Tỉnh uỷ	3.000
1.1	Các đường trong khu quy hoạch dân cư số 1 Trưng Vương (cạnh Đảng uỷ khối cơ quan dân chính Đảng)	2.000
2	Rẽ vào khu dân cư sau UBND phường Túc Duyên (Đoạn trục phụ vuông góc với đường Phan Đình Phùng)	3.500
3	Rẽ vào tổ 14,15 phường Túc Duyên	
3.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	2.500
3.2	Qua 100m đến 250m	2.000
4	Lối rẽ đối diện Tỉnh uỷ vào tổ 14 phường Túc Duyên đi gặp ngõ tổ 14, 15 Túc Duyên	1.500
5	Rẽ vào tổ 13, 14 phường Túc Duyên	
5.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 200m	2.000
5.2	Qua 200m đến 500m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.200
6	Rẽ theo hàng rào Tỉnh uỷ gặp đường bao quanh Tỉnh uỷ (công Tỉnh uỷ cũ)	3.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
7	Ngõ rẽ từ Công an phường Phan Đình Phùng vào 100m	3.000
8	Ngõ 281: Vào 100m	2.500
9	Ngõ 158: Rẽ vào trường Dân lập Nguyễn Trãi	
9.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	2.500
9.2	Sau 100m đến 250m	2.000
10	Ngõ 198:	
10.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào đến ngã 3 đầu tiên	3.000
10.2	Từ ngã 3 đầu tiên đi về hai phía 100m	2.500
11	Rẽ cạnh số nhà 321 vào 100m (tổ 27 Phan Đình Phùng)	3.000
12	Ngõ 377: Rẽ sau Công ty Thức ăn gia súc gặp đường phố Xương Rồng	2.500
13	Ngõ 366: Rẽ vào tập thể Công ty Thức ăn gia súc cũ	
13.1	Vào 50m	3.000
13.2	Sau 50m đến 150m	2.000
14	Ngõ 392: Rẽ gặp đường Nguyễn Huệ	2.000
15	Ngõ 446 và 466: Rẽ khu dân cư Hồng Hà vào 150m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	3.500
16	Các trục đường trong KDC số 3 + 4 Đồng Quang đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
16.1	Đường rộng $\geq 14,5m$	4.500
16.2	Đường rộng $\geq 9m$ và $\leq 14,5m$	3.500
XIX	Đường phố Xương Rồng (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng trường THCS Nha Trang đến đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất trường THCS Nha Trang	4.000
2	Từ giáp đất trường THCS Nha Trang đến gặp đường Phan Đình Phùng	3.500
	Trục phụ	
1	Rẽ vào chùa Ông, vào 100m	2.500
2	Ngõ 54: Vào 100m	2.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2.1	Ngách rẽ KCD Đoàn Nghệ thuật Thái Nguyên, vào 50m	2.000
3	Rẽ theo hàng rào cạnh trường THCS Nha Trang, vào 100m	2.500
4	Từ Trạm biến áp Việt Xô theo đường bê tông đi tiếp gặp đường Cách mạng tháng Tám	
4.1	Từ Trạm biến áp Việt Xô đến 200m theo đường bê tông	2.500
4.2	Sau 200m đến hết đường bê tông	2.000
5	Từ Trạm biến áp Việt Xô ra đập hồ Xương Rồng, vào 150m	2.500
6	Rẽ các ngõ còn lại có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	2.000
XX	Đường Bến Oánh (Từ đường Bến Tượng đến cầu treo Bến Oánh)	
1	Từ đường Bến Tượng đến ngã 3 phố Cột Cờ	12.000
2	Từ ngã 3 phố Cột Cờ đến rẽ Công ty TNHH KD nước sạch Thái Nguyên	10.000
3	Từ rẽ Công ty TNHH KD nước sạch Thái Nguyên đến rẽ bến phà Soi	7.500
4	Từ rẽ bến phà Soi đến công xiphông qua đường	4.000
5	Từ công xi phông đến cầu treo Bến Oánh	3.500
	Trục phụ	
1	Ngõ 315: Rẽ khu dân cư Công ty CP Thương mại tổng hợp (Nông sản thực phẩm cũ) đi gặp đường phố Cột Cờ	5.000
2	Ngõ 230: Rẽ khu dân cư Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	
2.1	Trục chính vào hết đất truyền hình	3.500
2.2	Qua đất truyền hình đến hết khu dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$	3.000
3	Ngõ 224: Rẽ đến công Công ty TNHH KD Nước sạch Thái Nguyên	4.000
4	Ngõ 155; 222; 165; 201:	
4.1	Đường bê tông rộng $\geq 3,5m$, vào 100m	3.000
4.2	Đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ nhưng $< 3,5m$, vào 100m	2.500
5	Ngõ 182: Rẽ xóm phà Soi đến đường Thanh niên (đê Sông Cầu)	
5.1	Trục chính vào đến khu tái định cư kè Sông Cầu	2.500
5.2	Từ khu tái định cư kè Sông Cầu đến gặp đường Thanh niên	2.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
5.3	Các đường ngang trong khu quy hoạch tái định cư	2.000
6	Rẽ cạnh số nhà 160 vào tổ 5 Túc Duyên	
6.1	Vào 100m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.000
6.2	Qua 100m đến 250m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.500
7	Ngõ 140; 114 và 57:	
7.1	Vào 100m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.000
7.2	Qua 100m đến 250m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.500
8	Ngõ 68; 16 và 5:	
8.1	Vào 100m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.500
8.2	Qua 100m đến 250m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.200
9	Ngõ 1 đi bến đò Oánh vào 100m	800
XXI	Đường bao quanh Tỉnh uỷ (Nối từ đường Hùng Vương đến đường Phùng Chí Kiên)	
1	Từ đường Hùng Vương đến chân dốc Tỉnh uỷ (Cổng cũ)	4.000
2	Từ chân dốc (cổng cũ) Tỉnh uỷ hết đất Tỉnh uỷ	3.000
3	Giáp đất Tỉnh uỷ gặp đường Phùng Chí Kiên	3.500
	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ trục chính vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.500
XXII	Đường Túc Duyên (Từ đường Phan Đình Phùng qua cổng trụ sở UBND phường Túc Duyên đi Huống)	
1	Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất UBND phường Túc Duyên	3.500
2	Từ hết giáp đất UBND phường Túc Duyên đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên	3.000
3	Từ giáp đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên đến lối rẽ đi cầu phao Huống Trung	2.500
4	Từ lối rẽ đi cầu phao Huống Trung đến cầu treo Huống	1.300
	Trục phụ	
1	Rẽ vào khu dân cư số 6 Túc Duyên	

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1.1	Từ đường Túc Duyên vào đến hết đất cơ quan Thi hành án thành phố Thái Nguyên	3.500
1.2	Từ giáp đất cơ quan Thi hành án thành phố Thái Nguyên đến đường bê tông khu dân cư hiện có	2.500
2	Rẽ vào hết đất trường tiểu học Túc Duyên	2.500
3	Rẽ theo hàng rào UBND phường Túc Duyên, vào 100m	2.000
XXIII	Đường Bắc Nam (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba Bắc Nam gặp đường Thống Nhất)	
1	Toàn tuyến	6.500
	Trục phụ	
1	Ngõ 46: Rẽ KDC số 4 Phan Đình Phùng, vào 50m (đường đất)	1.500
2	Ngõ 50: Rẽ đi hết KDC số 4 Phan Đình Phùng gặp ngõ 46 (đã xong cơ sở hạ tầng)	2.000
3	Ngõ 67: Rẽ đi tổ 18 Gia Sàng	
3.1	Vào 100m	1.500
3.2	Qua 100m đến 200m	1.300
4	Ngõ 105: Rẽ đi tổ 19 Gia Sàng (sân kho HTX cũ), vào 100m	2.000
5	Ngõ 141: Đi gặp ngõ 536 đường Cách mạng tháng Tám vào 50m	1.500
6	Ngõ 92: Rẽ đến cổng HTX cơ khí Bắc Nam	3.000
7	Ngõ 157; 177: Rẽ đi tổ 19 và 22 Gia Sàng, vào 100m	2.500
8	Ngõ 247: Rẽ đi tổ 23 Gia Sàng, vào 100m	1.500
XXIV	Đường Tân Quang (Từ đường Bắc Nam đến đường Thanh niên xung phong)	
1	Từ đường Bắc Nam đến hết đất trường Lê Quý Đôn	2.000
2	Giáp đất trường Lê Quý Đôn đến hết đất nhà văn hoá phố 7 phường Gia Sàng	1.500
3	Từ nhà văn hoá phố 7 phường Gia Sàng đến đường sắt	1.000
4	Từ đường sắt gặp đường Thanh niên xung phong	800
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ đối diện trường Lê Quý Đôn, vào 100m	1.000

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Các nhánh rẽ trên đường Tân Quang có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	800
XXV	Đường Gia Sàng (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng UBND phường Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng UBND phường Gia Sàng	2.500
2	Từ cổng UBND phường Gia Sàng đến ngã 3 cổng trường tiểu học Gia Sàng	2.000
3	Từ cổng trường tiểu học Gia Sàng đến ngã 3 đi khu dân cư số 1 Gia Sàng	1.500
4	Từ ngã ba đi khu dân cư số 1 Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét	1.000
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào công an phường Gia Sàng gặp đường rẽ đi xưởng đậu cũ, vào 150m	1.500
2	Rẽ vào đến cổng trường tiểu học Gia Sàng	1.200
3	Rẽ Trạm nghiên cứu sét đến giáp đất khu dân cư bệnh xá Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	700
4	Rẽ đến hết trại chăn nuôi HTX Gia Sàng cũ	700
XXVI	Đường Thanh niên Xung phong (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến gặp đường Thống Nhất)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất xưởng bia Công ty Việt Bắc Quân khu I	2.500
2	Từ giáp đất xưởng bia công ty Việt Bắc đến đường sắt Hà Thái	2.000
3	Từ đường sắt Hà Thái đến cách đường Thống Nhất 100m	800
4	Cách đường Thống Nhất 100m đến gặp đường Thống Nhất	1.200
	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ đường Thanh niên xung phong vào tập thể cán A, vào 100m	1.200
2	Rẽ dài tương niệm Thanh niên xung phong, vào 100m	800
3	Rẽ song song theo đường sắt đến xưởng cán Công ty kim khí Gia Sàng	600

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4	Rẽ từ Bờ Hồ đến nhà văn hoá tổ 7 phường Tân Lập	800
XXVII	Đường ga Thái Nguyên (Nối đường Lương Ngọc Quyến qua ga Thái Nguyên gặp đường Quang Trung)	
1	Từ ngã tư đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường sắt Hà - Thái	7.000
2	Từ đường sắt Hà - Thái gặp đường Quang Trung	5.000
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ từ số nhà 208 theo hàng rào sau chợ Đồng Quang gặp ngõ 108 đường Lương Ngọc Quyến (giáp bên xe)	4.000
2	Ngõ 216: Rẽ vào Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	
2.1	Từ trục chính đến cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên	3.500
2.2	Từ cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên vào hai phía 150m	2.000
3	Ngõ 260: Rẽ vào khu dân cư Ao dân quân	
3.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 150m	4.000
3.2	Qua 150m đến 250m	3.000
4	Ngõ 215: Vào 100m (khu dân cư bãi sân ga)	3.000
5	Ngõ 334: Rẽ UBND phường Quang Trung	
5.1	Vào 100m	3.000
5.2	Qua 100m đến 250m	3.000
6	Ngõ 334: Rẽ vào đến cổng trường THCS Quang Trung	2.500
7	Ngõ 157: Vào 100m	2.000
8	Ngõ 378: Rẽ Trung tâm Bảo trợ Xã hội	
8.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 200m	2.500
8.2	Qua 200m đến cổng Trung tâm Bảo trợ Xã hội	2.000
9	Ngõ 404: Rẽ đến cầu sắt sau Z 159	2.000
XXVIII	Đường Lê Quý Đôn (Từ đường Lương Ngọc Quyến gặp đường Lương Thế Vinh)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường rẽ cổng Sân vận động Đại học sư phạm	9.000

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Từ đường rẽ vào cổng Sân vận động Đại học sư phạm đến gặp đường Lương Thế Vinh	7.000
	Trục phụ	
1	Các đường trong khu quy hoạch dân cư Nam Đại học Sư phạm Thái Nguyên, đã xây dựng xong Cơ sở hạ tầng, có đường rộng $\geq 7m$	5.500
XXIX	Đường Lương Thế Vinh (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua cổng Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 đến đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến hết đất Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	4.000
2	Từ giáp đất Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 đến gặp đường Lê Quý Đôn	3.500
3	Từ đường Lê Quý Đôn gặp đường Mỏ Bạch (đê Mỏ Bạch)	5.500
	Trục phụ	
1	Các ngõ số 7; 22; 24; 26; 43; 60 và 80: Vào 100m đầu	3.000
2	Khu dân cư số 2 Quang Trung (đã xong cơ sở hạ tầng)	
2.1	Đường rộng $\geq 9m$	2.500
2.2	Đường rộng $\geq 6m$ nhưng $< 9m$	2.000
2.3	Đường rộng $\geq 3,5m$ nhưng $< 6m$	1.800
3	Ngõ 125: Vào 250m	1.500
4	Ngõ 96A; 96B; 147; 165 và ngõ rẽ từ số nhà 169: Vào 100m	2.000
XXX	Đường Mỏ Bạch (Từ Đường Dương Tự Minh đến cổng trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến đường sắt Hà - Thái	3.500
2	Từ đường sắt Hà - Thái đến cổng trường Đại học Nông lâm	4.500
	Trục phụ	
1	Ngõ 21: Rẽ cạnh nhà văn hóa Mỏ Bạch, vào 100m	2.500
2	Rẽ từ số nhà 01 vào 100 m xuống chân đê đường Mỏ Bạch	2.000
2	Đường rẽ song song đường sắt, vào 100m	2.000
3	Đường quy hoạch trong khu dân cư Đại học Nông lâm	

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3.1	Đường rộng $\geq 6m$	3.000
3.2	Đường rộng $\geq 3,5m$ nhưng $< 6m$	2.000
XXX I	Đường phố Đồng Quang (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua khu dân cư Tỉnh đội đi gặp đường Lương Ngọc Quyến)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến giáp đất bãi gửi xe khách sạn Đông Á	4.000
2	Từ đất bãi gửi xe Đông Á đi gặp đường Lương Ngọc Quyến	4.000
	Trục phụ	
1	Rẽ nhà hàng ASEAN, vào 150m	2.500
2	Rẽ khu dân cư đôi C25 cũ, vào 150m	2.500
3	Rẽ vào KDC số 2 Đồng Quang gặp đường Đồng Quang	3.000
4	Rẽ vào khu dân cư Tỉnh đội, vào 150m	2.000
XXXII	Đường Việt Bắc (Từ đường Thống Nhất qua trường Văn hoá nghệ thuật gặp đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Trường Văn hoá nghệ thuật	2.000
2	Từ cổng Trường Văn hoá nghệ thuật đến gặp đường Quang Trung	3.000
3	Từ đường ga Thái Nguyên gặp đường Mỏ Bạch	2.000
	Trục phụ	
1	Các trục phụ có đường bê tông $\geq 3,5m$	
1.1	Từ đường Việt Bắc vào 100m	1.000
1.2	Sau 100m đến 250m	800
XXXIII	Đường Quang Trung (Từ đường sắt Hà Thái đến ngã 3 gặp đường Thịnh Đức và đường Tân Cương)	
1	Đường sắt Hà Thái đến ngã 3 rẽ cổng Z159	7.500
2	Từ ngã ba rẽ Z159 đến ngã 3 Đán đi Núi Cốc	6.500
5	Từ ngã 3 Đán đi Núi Cốc đến ngã 3 rẽ bệnh viện A (cũ)	3.500
6	Từ ngã ba rẽ Bệnh viện A cũ đến gặp đường Thịnh Đức (rẽ Dốc Lim)	2.500

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Trục phụ	
1	Rẽ khu dân cư Z159	
1.1	Từ trục chính vào đến cổng Z159	3.000
1.2	Đoạn còn lại các đường khác trong khu dân cư Z159 có đường rộng $\geq 5m$	2.500
2	Ngõ 155: Rẽ khu dân cư X79	
2.1	Vào 100m:	2.500
2.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong khu dân cư X79 có đường rộng $\geq 5m$	2.000
3	Ngõ 233: Rẽ vào X79 và trường Dạy nghề số 1 Bộ Quốc phòng	
3.1	Vào 150m	2.500
3.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC X79 có đường rộng $\geq 5m$	2.000
4	Ngõ 243: Vào 100m	2.000
5	Ngõ 245: Rẽ Tiểu đoàn 2 vào 150m	2.500
6	Rẽ từ đường Quang Trung vào đến hết đất Ủy ban nhân dân phường Tân Thịnh	2.000
7	Rẽ vào khu tập thể Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông	
7.1	Từ đường Quang Trung Vào 150m	1.500
7.2	Các đoạn còn lại trong khu tập thể XN KS thiết kế giao thông có đường rộng $\geq 5m$	1.200
8	Ngõ 365: Rẽ tổ nhân dân số 18 phường Thịnh Đán (cạnh kiốt xăng), vào 100m	2.000
9	Ngõ 340: Rẽ tổ nhân dân số 19 phường Thịnh Đán, vào 100m	1.500
10	Ngõ 407: Vào 150m	2.000
11	Rẽ vào cổng cũ trường Cao đẳng Sư phạm đến giáp đất Cao đẳng Sư phạm	3.000
12	Ngõ 417: Rẽ vào tổ nhân dân số 20 đối diện cổng Cao đẳng Sư phạm, vào 100m	3.500
13	Ngõ 429: Vào 100m	2.500
14	Ngõ 443: Rẽ cạnh CA phường Thịnh Đán, vào 100m	2.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
15	Ngõ 470: Rẽ cạnh Bệnh viện Phụ sản, vào KDC số 2 Thịnh Đán	
15.1	Từ đường Quang Trung đến hết KDC có đường rộng $\geq 12m$	3.000
15.2	Rẽ vào lô 2 + 3 đã xong cơ sở hạ tầng có đường rộng $\geq 6m$ nhưng $<12m$	2.000
16	Ngõ 463: Rẽ cạnh báo Nông nghiệp Việt nam, vào 150m	1.500
17	Ngõ 541: Vào 100m	
18	Ngõ 573: Rẽ cạnh chợ Đán, vào 100m	1.500
19	Rẽ vào Đội Thuế phường Thịnh Đán, vào 100m	1.500
20	Ngõ 613: Vào 100m	1.200
21	Ngõ 621: Đối diện công trường Ngô Quyền, vào 100m	1.000
22	Ngõ 675: Vào 100m	900
23	Rẽ đi trường tiểu học Lương Ngọc Quyến, vào 100m	1.500
24	Rẽ vào Bệnh viện A cũ	
24.1	Từ đường Quang Trung đến cổng Bệnh viện A cũ	1.500
24.2	Từ cổng Bệnh viện A cũ đến hết đất Bệnh viện A cũ	1.200
24.3	Hết đất Bệnh viện A cũ đến giáp đất khu tái định cư phường Tân Lập	700
25	Ngõ 689; 691: Vào 100m	900
26	Ngõ 648: Vào 200m	900
27	Ngõ 721: Rẽ cạnh kênh Núi Cốc đến sau Trung tâm GDLĐXH tỉnh Thái Nguyên, vào 150m	800
28	Rẽ Trung tâm 05, 06 tỉnh Thái Nguyên, vào 200m	800
XXXIV	Đường Phú Thái (Từ đường Quang Trung qua trường Cao đẳng Giao thông I gặp đường Thống Nhất)	
1	Từ đường Quang Trung đến hết đất khu dân cư số 1 phường Tân Thịnh	2.000
2	Từ giáp đất khu dân cư số 1 phường Tân Thịnh đến ngã 3 rẽ đi qua trường Cao đẳng Giao thông I	1.500
3	Từ ngã 3 rẽ đi trường Cao đẳng Giao thông I đến công trường Cao đẳng Giao thông I	1.200
4	Từ công trường Cao đẳng Giao thông I đến rẽ Công ty CP Xây dựng Giao thông số I	1.500

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
5	Từ rẽ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông số I đến gặp đường Thống Nhất	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC số 1 phường Tân Thịnh, đã XD xong cơ sở hạ tầng	
1.1	Có đường rộng $\geq 14,5m$	1.500
1.2	Có đường $\geq 9m$ nhưng $< 14,5m$	1.000
2	Ngõ 118: Rẽ đến giáp khu dân cư số 5 phường Tân Thịnh	1.000
3	Khu quy hoạch dân cư số 5 phường Tân Thịnh đã xong cơ sở hạ tầng	
3.1	Các đường quy hoạch có đường rộng $\geq 19m$	1.200
3.2	Các đường còn lại trong khu dân cư có đường rộng $\geq 5m$	1.000
4	Từ giáp đất khu dân cư số 5 phường Tân Thịnh đến gặp ngã ba công Viện Lao ra đường Thống nhất	
4.1	Đường mới	1.500
4.2	Đường cũ	1.000
5	Ngõ 109; 107; 100; 97: Vào 100m	1.000
6	Ngõ 65: Rẽ KDC trường Cao đẳng Giao thông I (đã xong cơ sở hạ tầng)	1.500
7	Ngõ 46: Vào đến nhà văn hoá tổ 13 phường Tân Thịnh	
7.1	Vào đến hết nhà văn hoá tổ 13	1.200
7.2	Các đường nhánh còn lại có đường rộng $\geq 5m$	800
8	Ngõ 44: Rẽ KDC Công ty CP Xây dựng Phát triển Nông thôn, vào 150m	1.200
9	Ngõ 31: Vào 100m	1.000
10	Ngõ 32: Rẽ nhà văn hoá tổ 17 Tân Thịnh, vào 150m (Sau trường Cao đẳng Thương mại Trung ương 4)	1.200
	Đường Tân Thịnh	
XXXV	Từ đường Quang Trung qua trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính gặp đường 3-2)	
1	Từ đường Quang Trung vào 150m	2.000
2	Qua 150m đến cổng trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	1.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Từ cổng trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật đến giáp đất trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính	2.500
4	Từ đất trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến gặp đường 3-2	3.000
	Trục Phụ	
1	Ngõ 45: Rẽ cạnh nhà văn hoá tổ 22 phường Thịnh Đán, vào 100m	1.000
2	Ngõ 75; 58; 68; và 84: Vào 100m	1.000
3	Ngõ 101: Vào 200m	1.000
4	Ngõ 137:	
4.1	Vào 150m	1.500
4.2	Qua 150m đến 400m	1.000
5	Ngõ 191: Vào 100m	1.000
XXXVI	Đường Thịnh Đán (Từ đường Quang Trung gặp đường rẽ đi trung tâm điều hành Đại học Thái Nguyên)	
1	Toàn tuyến	2.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 5: Rẽ đến cổng phụ UBND phường Tân Thịnh	1.000
2	Ngõ 16; 30: Rẽ nhà văn hoá tổ 7 phường Tân Thịnh, vào 100m	1.000
3	Ngõ 25: Vào 100m	1.200
4	Ngõ 43: Vào 100m	1.200
5	Rẽ vào khu dân cư X74,	
5.1	Từ đường Thịnh Đán vào 150m	1.500
5.2	Qua 150m đến 250m.	1.200
6	Ngõ 75: Vào 100m	1.000
7	Ngõ rẽ vào KDC quy hoạch trường Thiếu sinh quân thuộc tổ 7 phường Tân Thịnh	
7.1	Vào 100m	1.000
7.2	Qua 100m đến 250m	800
8	Ngõ 109: Rẽ vào Toà án Quân sự QKI	
8.1	Từ đường Thịnh Đán đến cổng Toà án Quân sự QKI	1.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8.2	Từ cổng Toà án Quân sự QKI đến cổng trường Đại học số I Bộ Quốc phòng	1.200
8.3	Đoạn còn lại có đường bê tông $\geq 3m$	900
9	Rẽ đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên	
9.1	Từ đường Thịnh Đán đến rẽ cổng Văn phòng Đại học Thái Nguyên, có đường rộng $\geq 19m$	2.000
9.2	Các đường trong khu dân cư quy hoạch Nam Đại học Thái Nguyên đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
*	Đường rộng $\geq 14m$ nhưng $< 19m$	1.500
*	Đường rộng $\geq 9m$ nhưng $< 14m$	1.200
9.3	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Thịnh Đán đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên, vào tổ 2 và 3 phường Tân Thịnh	
-	Từ trục phụ vào 200m	1.200
-	Qua 200m đến 500m	800
9.4	Nhánh rẽ từ trục phụ đối diện Văn phòng Đại học Thái Nguyên đi đến cầu sắt sau Z159	900
XXXVII	Đường Z115 (Nói từ đường Thịnh Đán đến gặp đường Núi Cốc)	
1	Từ đường Thịnh Đán đến hết đất Ký túc xá sinh viên	3.000
2	Từ giáp đất Ký túc xá sinh viên đến gặp đường Núi Cốc	1.500
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ đi nhà văn hoá tổ 5 phường Tân Thịnh, vào 150m	1.000
2	Ngõ rẽ cạnh trường Vùng cao Việt Bắc vào đến cầu vượt tuyến tránh quốc lộ 3	800
3	Ngõ rẽ cạnh Trung tâm Giáo dục Quốc phòng ĐHTN, vào 100m	800
4	Ngõ rẽ đi nhà văn hoá tổ 3 Tiến Ninh (2 đường)	
4.1	Từ đường Z 115 vào 100m	1.000
5	Rẽ từ cổng Z115 đến đất KDC xóm Nước Hai	
5.1	Từ cổng Z115 đến đất khu dân cư xóm Nước Hai	700
5.2	Các đường trong khu dân cư quy hoạch Tái định cư xóm Nước Hai có đường rộng $\geq 9m$	600

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ	
6	Các đường trong khu dân cư quy hoạch Thái Sơn 2 có đường rộng $\geq 6m$ nhưng $< 9m$	600	
XXXVIII	Đường Núi Cốc (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Quyết Thắng đến Khu du lịch Công đoàn Hồ Núi Cốc)		
	1	Từ đường Quang Trung đến cổng Công ty Việt Bắc	2.000
	2	Từ cổng Công ty Việt Bắc đến ngã 3 gặp đường Z115	1.500
	3	Từ ngã ba gặp đường Z115 đến rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân	1.200
	4	Từ rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân đến đường rẽ trạm y tế xã Phúc Xuân	2.000
	5	Từ đường rẽ trạm y tế xã Phúc Xuân đến ngã ba đi Nam Hồ Núi cốc	1.200
	6	Từ ngã ba đi Nam Hồ Núi cốc đến cầu Khuôn Năm	800
	7	Từ cầu Khuôn Năm đến hết đất thành phố	600
		Trục phụ	
	1	Ngõ 15; 22; 27; 33: Vào 100m	800
	2	Ngõ 36: Vào 50m	800
	3	Ngõ 45; 51: Vào 150m	800
	4	Ngõ 38: Vào 100m	800
	5	Ngõ 70 đi xóm Gò Móc, vào 150m	500
6	Ngõ 80,100 rẽ đi chùa Cả vào 500m	600	
7	Rẽ đi Sơn Tiến gặp đường Z115, có đường bê tông $\geq 3m$	1.000	
8	Rẽ xóm Cây Xanh (đối diện X84) vào 100m	500	
9	Rẽ đi quán 300, vào 500m	400	
10	Rẽ từ đường Núi Cốc vào đến Nhà văn hoá Núi Nền, nhà văn hoá Đồng Kiêm, Nhà văn hoá Nhà thờ	500	
11	Rẽ từ đường Núi Cốc vào đến Nhà văn hoá xóm Giữa 1	500	
12	Rẽ từ đường Núi Cốc theo 2 đường vào đến Nhà văn hoá xóm Cây Thị	500	
13	Rẽ đến trạm y tế xã Phúc Xuân	600	
14	Rẽ vào đến ngã 3 rẽ đi nhà văn hoá xóm Đồng Lạnh	500	

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
15	Rẽ vào đến nhà văn hoá xóm Cây Si	500
16	Rẽ vào đến nhà văn hoá xóm Xuân Hoà	500
17	Rẽ vào đến ngã 3 Khuôn Năm Độc Lầy	400
18	Rẽ vào xưởng nông cụ 1 cũ, vào 100m	400
19	Từ ngã ba đi đập Nam hồ Núi Cốc đến đỉnh đèo Cao Trăng	600
XXXIX	Đường Tân Cương (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Tân Cương đến gặp đường nam Hồ Núi Cốc)	
1	Ngã Quang Trung đến nhà văn hoá tổ 7 phường Thịnh Đán	900
2	Từ nhà văn hoá tổ 7 phường Thịnh Đán đến đường rẽ vào chùa Yna	800
3	Từ đường rẽ vào chùa Yna đến ngã ba đường rẽ vào trường Mầm non xã Tân Cương	700
4	Từ đường rẽ vào trường Mầm non xã Tân Cương đến hết đất xã Tân Cương	650
	Trục phụ	
1	Đỉnh dốc Cao rẽ trường Lương Thế Vinh 2: Vào 100m	600
2	Rẽ chùa Yna, vào 150m	350
3	Rẽ đi Núi Guộc, vào 200m	350
4	Rẽ trường Mầm non xã Tân Cương, vào 250m	300
5	Rẽ đến cổng trường THCS Tân Cương	350
6	Rẽ đi xóm Soi Vàng, vào 200m	250
7	Rẽ đi khu xử lý rác thải rắn đến ngầm Hồng Thái	350
8	Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông rộng \geq 3,5m, vào 200m	350
9	Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông rộng \geq 2,5m, vào 200m	250
XL	Đường Thịnh Đức (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Thịnh Đức đến đất thị xã Sông Công)	
1	Từ đường Quang Trung đến giáp đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	700

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Từ đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên đến công trường THCS Thịnh Đức	600
3	Từ công trường THCS Thịnh Đức đến đường rẽ trường bắn Lữ đoàn 382	800
4	Từ đường rẽ trường bắn lữ đoàn 382 đến ngã 3 đi Sông Công	700
5	Từ ngã 3 đi Sông Công đến hết đất thành phố	400
Trục phụ		
1	Từ ngã 3 đi Sông Công đến trại ngựa Bá Vân (hết đất xã Thịnh Đức)	350
2	Các trục liên xóm, liên xã, là đường bê tông rộng $\geq 3,5m$, vào 200m	350
3	Các trục liên xóm, liên xã, là đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 200m	250
XLI	Đường Phúc Xuân (Từ đường Núi cốc đến gặp đường Phúc Trìu)	
1	Toàn tuyến	500
SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
XLII	Đường Phúc Trìu Từ đường Tân Cương đến đường Nam Núi Cốc (Dọc theo kênh Núi Cốc)	
1	Toàn tuyến	500
XLIII	Đường Nam Núi Cốc (Từ đường Phúc Trìu - đường Núi Cốc)	
1	Toàn tuyến	500
XLIV	Đường Dương Tự Minh (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến Km số 6 Quốc lộ 3)	
1	Từ ngã ba Mỏ Bạch đến đê Mỏ Bạch	10.000
2	Từ đê Mỏ Bạch đến Cầu Mỏ Bạch	8.000
3	Từ cầu Mỏ Bạch đến rẽ công phụ CT nhiệt điện Cao Ngạn	5.000
4	Từ rẽ công phụ CT nhiệt điện Cao Ngạn đến công Z127	4.000
5	Từ rẽ công Z127 đến đường băng tải than Núi Hồng	4.500
6	Từ băng tải than Núi Hồng đến cầu Tân Long	4.500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
7	Từ cầu Tân Long đến ngã 4 tuyến tránh QL3	4.000
8	Từ ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3 đến Km số 6 (giáp đất Phú Lương)	3.500
Trục phụ		
1	Đường rẽ vào cổng nhà máy xay Mỏ Bạch đến khu dân cư Sở Xây dựng	
1.1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Nhà máy Xay	4.000
1.2	Từ cổng Nhà máy Xay đến khu dân cư Sở Xây dựng có đường rộng $\geq 3,5m$	2.500
1.3	Từ Nhà máy Xay rẽ trái vào 100m	1.500
2	Ngõ 20/1: Rẽ vào khu tập thể Cầu đường, vào 150m	1.000
3	Ngõ 885:	
3.1	Vào 100m	2.000
3.2	Qua 100m đến hết khu dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$	1.500
4	Ngõ 962: Rẽ vào chợ Quang Vinh mới	
4.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.000
4.2	Qua 100m đến 200m rẽ về 2 phía	800
4.3	Tiếp theo 2 phía có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ nhưng nhỏ hơn 3,5m	600
5	Ngõ 882: Rẽ vào xóm Thần Vi	
5.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.000
5.2	Qua 100m đến 200m	900
5.3	Qua 200m tiếp theo đến ngã ba đi nghĩa trang Thần Vi	800
5.4	Các nhánh rẽ trên trục phụ có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	600
6	Ngõ 865: Rẽ cạnh UBND phường Quang Vinh, vào 100m	1.000
7	Ngõ 845: Rẽ vào cổng phụ Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	
7.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
7.2	Qua 100m đến nhà văn hóa Điện lực	1.500
7.3	Từ Nhà văn hóa Điện lực đến hết trường Mầm non Điện lực	1.200
7.4	Các đường rẽ trong khu dân cư quanh sân bóng có	1.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	đường bê tông rộng $\geq 3m$	
8	Ngõ 719: Rẽ vào cổng chính Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	
8.1	Từ đường Dương Tự Minh đến ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	2.000
8.2	Từ ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất nhà nghỉ giao ca Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	1.500
8.3	Từ nhà nghỉ giao ca Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất HTX Cộng Lực	800
9	Ngõ 740: Vào tổ nhân dân Tân Thành (đối diện ngõ 719 vào Công ty nhiệt điện Cao Ngạn)	
9.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.000
9.2	Qua 100m đến 200m	800
9.3	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	600
10	Rẽ khu tập thể Z127	
10.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Z127	2.000
10.2	Từ cổng Z127 đến hết khu tập thể Z127	1.200
11	Ngõ 615; 647 và 673:	
11.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.000
11.2	Qua 100m đến 200m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	800
12	Ngõ 616; 618: Rẽ khu dân cư cửa hàng ăn Quán Triều đến Thư viện Z127	1.000
13	Ngõ 575: Rẽ vào Ban QLDA Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn (ngõ Đá)	
13.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Ban QLDA	1.500
13.2	Từ cổng Ban QLDA đi khu dân cư Xây lắp cũ có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.000
14	Ngõ 527: Rẽ theo hàng rào Bưu điện Quán Triều, vào đến ngã 3	1.000
15	Ngõ 511: Rẽ theo đường sắt cũ vào 100m	1.000
16	Rẽ vào đến cổng Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	2.000
16.1	Nhánh rẽ vào khu tái định cư tuyến băng tải than đi gặp ngõ 511	1.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
16.2	Nhánh rẽ theo hàng rào sân vận động Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
17	Rẽ vào đường goòng 2 bên	
17.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	800
17.2	Qua 100m đến 250m	600
18	Ngõ rẽ từ số nhà 335 vào KDC tổ 6 P. Tân Long: Vào 100m	600
19	Ngõ rẽ từ số nhà 370; 404: Vào 100m	600
20	Rẽ theo hàng rào Cơ khí 3/2	
20.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 200m	800
20.2	Đường trục ngang trong KDC 3/2 có đường rộng $\geq 3,5m$	600
21	Rẽ vào Xưởng 100	
21.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	800
21.2	Đường ngang trong khu dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$	600
22	Ngõ 236: Rẽ vào Trại giam Công an thành phố cũ: vào 100m	700
23	Rẽ vào KDC tổ 9 phường Tân Long	
23.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	700
23.2	Qua 150m đến 250m tiếp theo	600
24	Ngõ 146: Rẽ đến Nhà VH tổ 11 phường Tân Long (Công ty CPVT ô tô số 10)	800
25	Ngõ 163: Rẽ vào khu tập thể Nhà máy Sứ: vào 200m	800
26	Ngõ 139: Vào UBND phường Tân Long	
26.1	Từ đường Dương Tự Minh qua cổng UBND phường Tân Long đến ngã ba cổng Trường THCS Tân Long	1.200
26.2	Từ cổng Trường THCS Tân Long đến cổng trường Tiểu học Tân Long	800
26.3	Nhánh rẽ từ trục phụ vào KDC số 2 phường Tân Long	700
27	Ngõ 128: Rẽ vào tổ 20 phường Tân Long	
27.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến ngã ba (hết đất trường Mầm non phường Tân Long)	900
27.2	Từ ngã ba rẽ theo về 2 phía đến cổng chui tuyến tránh QL3	750
27.3	Khu dân cư tái định cư phường Tân Long:	

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
*	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 16,5m$	750
*	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 9m$ nhưng $< 16,5m$	650
28	Ngõ 77: Rẽ khu dân cư tổ 15, vào 100m	700
29	Ngõ 45: Rẽ khu dân cư tổ 16, vào 100m	700
30	Đường rẽ vào đồi PAM - Tổ 16, vào 100m	800
XLV	Đường Quang vinh (Từ đường Dương Tự Minh qua Trường THCS Quang Vinh đi gặp đường Bắc Kạn)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng trường Mãn non Quang Vinh	2.000
2	Từ cổng trường MN Quang Vinh đến cổng trường THCS Quang Vinh	1.500
3	Từ cổng Trường THCS đến đất trường Tiểu học Quang Vinh, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng có đường $\geq 19,5m$	1.200
4	Từ đất trường Tiểu học Quang Vinh đến nhà văn hoá xóm Soi Dầu	800
5	Nhà văn hoá xóm Soi Dầu ra gặp đường Bắc Kạn	600
	Trục phụ	
1	Rẽ vào KDC quy hoạch Nhà máy Xay Mỏ Bạch (Rẽ sau CA phường Quang Vinh), vào 100m	1.000
2	Rẽ xóm Rừng Vầu, vào 200m	700
3	Rẽ tổ 1; 2 phường Quang Vinh vào 150m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	700
4	Đường còn lại trong khu dân cư số 1 Quang Vinh đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng: Đường rộng $\geq 9m$	1.000
XLVI	Đường Quan Triều (Từ đường Dương Tự Minh vào ga Quan Triều)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên	3.000
2	Từ cổng Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên đến ga Quán Triều	1.500
	Trục Phụ	
1	Rẽ theo hàng rào chợ Quan Triều, vào 50m	1.000

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Rẽ từ đường Quan Triều vào KDC Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng, vào 100m	800
3	Rẽ từ đường Quan Triều đến cổng trường Mầm non Quán Triều	800
4	Rẽ từ đường Quan Triều đi tổ nhân dân 15, vào 100m	1.000
5	Rẽ từ Ga Quan Triều theo đường sắt vào 100m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	900
6	Các nhánh khác rẽ từ đường Quan triều vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	800
XLVII	Đường Phúc Hà (Từ đường Dương Tự Minh gặp đường Núi Cốc)	
1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.000
2	Qua 150m đến ngã 3 rẽ trường THCS Hoàng Văn Thụ	800
3	Từ ngã 3 rẽ trường THCS Hoàng Văn Thụ đến ngã 3 cổng cân	600
4	Từ ngã ba cổng cân đến đường sắt đi ga B Núi Hồng	400
5	Từ đường sắt Núi Hồng đến cầu vượt đường tránh QL 3	600
6	Từ cầu vượt tránh quốc lộ 3 đến UBND xã Phúc Hà	350
7	Từ UBND xã Phúc Hà đến gặp đường Hồ Núi Cốc (đất xã Quyết Thắng)	350
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC tổ 17 phường Quan Triều, vào 150m	800
2	Từ ngã 3 rẽ đi qua trường Mầm non đến trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	500
3	Từ trạm cân đến cổng trạm bảo vệ số 1 Mỏ than Khánh Hoà	350
4	Từ khu tái định cư số 2 Phúc Hà đến đường rẽ nghĩa trang Đồng Bãi	
4.1	Từ khu tái định cư số 2 Phúc Hà đến ngã 3 nhà văn hoá xóm 6	250
4.2	Từ ngã 3 nhà văn hoá xóm 6 đến đường rẽ nghĩa trang Đồng Bãi	200
5	Rẽ theo suối Chàm Hồng đến hết đất Phúc Hà	
5.1	Từ Phân xưởng Cơ điện suối Chàm Hồng (xóm 14A)	250
5.2	Từ suối Chàm Hồng đến hết đất xã Phúc Hà	200
6	Rẽ ra Văn phòng Xí nghiệp Than Khánh Hoà	

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Từ đường Phúc Hà đến cầu treo Nam Tiền	300
XLVIII	Đường Thống Nhất (Từ đường Bắc Nam đến Ngã 3 rẽ Bệnh viện lao và bệnh phổi gặp đường 3/2)	
1	Từ ngã 3 Bắc Nam đến đường sắt Hà Thái	7.000
2	Đường sắt Hà Thái đến hết đất XN may Việt - Thái	5.000
3	Giáp đất Xí nghiệp May Việt Thái đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	4.000
	Trục phụ	
1	Ngõ 160: Rẽ đi tổ 12 phường Đồng Quang	
1.1	Từ đường Thống Nhất vào đến cổng nhà hàng Hải Yến	3.000
1.2	Từ cổng nhà hàng Hải Yến rẽ 2 phía đến 100m .	2.000
2	Ngõ 279: Rẽ theo hàng rào Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT đến hết đất Ngân hàng	2.000
3	Ngõ 301: Đi tổ 24 Gia Sàng gặp đường Tân Quang	
3.1	Vào 100m	1.500
3.2	Qua 100m đến 250m	1.200
4	Ngõ 321: Rẽ khu dân cư Bách hoá	
4.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	1.500
4.2	Qua 100m đến 250m	1.000
5	Ngõ 339: Rẽ cạnh kiốt xăng	
5.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.000
5.2	Qua 100m đến 250m	1.000
6	Ngõ 350: Rẽ tổ 13 phường Đồng Quang, vào 150m	1.500
7	Ngõ 369: Rẽ theo đường sắt Hà Thái vào 100m	
7.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	1.000
7.2	Qua 100m đến 250m	800
8	Ngõ 1: Rẽ đến nhà văn hoá tổ 1A,1B (song song đường sắt Hà Thái)	800
9	Ngõ 77; 89: Vào hết khu dân cư số 3 Tân Lập đã xong cơ sở hạ tầng	2.000

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
10	Ngõ 294:	
10.1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Công ty Vận tải ô tô	2.000
10.2	Cổng Công ty Vận tải ô tô qua cổng Trường Lê Văn Tám đến gặp đường Phú Thái	800
11	Ngõ 151: Rẽ Công ty kim khí Thái Nguyên và trạm đăng kiểm giao thông	
11.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	1.500
11.2	Qua 100m đến cổng Công ty Kim khí Thái Nguyên, Trạm đăng kiểm	1.200
12	Ngõ 153: Rẽ khu dân cư xưởng đậu và chợ Chè Hương, vào 100m	1.000
13	Ngõ 209; 231: Rẽ cạnh XN may Việt Thái:	
13.1	Vào 150m	800
13.2	Qua 150m đến Nhà văn hoá tổ 2 phường Tân Lập	700
14	Rẽ khu dân cư tập thể Cao đẳng Thương mại TW 4, vào 150m	1.200
15	Ngõ 287: Rẽ đối diện đường Phú Thái, vào 200m	750
16	Ngõ 289: Rẽ theo hàng rào XN Quản lý Giao thông đến hết khu tập thể có đường bê tông $\geq 2,5m$	750
17	Rẽ đến cổng Viện lao và Bệnh phổi (đường cũ)	1.500
18	Ngõ 260: Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.500
XLIX	Đường 3-2 (Từ đường Thống Nhất đến ngã ba rẽ đường Phố Hương gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Thống Nhất (Ngã 3 rẽ Bệnh Viện lao và Bệnh phổi) đến ngã tư trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính	4.000
2	Từ ngã tư trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến hết đất trường THCS Tân Lập	3.500
3	Từ hết đất trường THCS Tân Lập đến đường rẽ vào ga Lưu Xá	3.000
4	Từ rẽ vào ga Lưu Xá đến đường Phú Xá (chợ Tê Ba Nhất)	4.000
	Từ rẽ đường Phú Xá đến trường THCS Tích Lương	2.500
5	Từ trường THCS Tích Lương đến rẽ đường Gang Thép	2.500
6	Từ rẽ đường Gang Thép đến ngã 3 Phố Hương	2.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Trục phụ	
1	Rẽ tuyến tránh quốc lộ 3 vào 200m	3.500
2	Ngõ 401: Rẽ đối diện trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính, vào 150m	1.000
3	Ngõ: Rẽ đến cổng Xí nghiệp 19/5	1.200
4	Ngõ 118: Rẽ đối diện đường vào Xí nghiệp 19/5, vào 150m	700
5	Ngõ 146: Rẽ cạnh CA phường Tân Lập, vào 150m	800
6	Ngõ 168: Rẽ KDC số 1 Tân Lập	
6.1	Vào 150m	1.500
6.2	Qua 150m và các đường quy hoạch rộng $\geq 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	1.200
6.3	Các đường quy hoạch rộng $\geq 5m$ nhưng $< 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	1.000
7	Ngõ 547: Rẽ hết cụm công nghiệp số 2	1.500
8	Ngõ 226: Vào 150m	1.000
9	Rẽ từ cạnh số nhà 631 vào đến hết KDC xưởng thực nghiệm	1.000
10	Ngõ 272: Vào Nhà khách Kim loại màu	
10.1	Từ đường 30 - 4 vào 100m	1.500
10.2	Qua 100m đến sân bóng	1.200
11	Ngõ 709: Rẽ vào đến cổng Công ty 472	1.500
12	Ngõ 360: Vào 100m (Đối diện đường vào Công ty 472)	1.000
13	Ngõ 775: Vào 100m (Đối diện Ki ốt xăng dầu Hùng Hà)	800
14	Ngõ 801: Rẽ theo hàng rào doanh nghiệp Hà Thanh, vào 200m	700
15	Rẽ vào ga Lưu Xá	
15.1	Từ đường 3/2 đến cổng Văn phòng Công ty Kim loại màu	2.000
15.2	Cổng Văn phòng Công ty Kim loại màu đến cổng Xưởng sản xuất của Công ty Kim loại màu	1.200
15.3	Từ cổng Xưởng sản xuất Công ty Kim loại màu đến ga Lưu Xá	800
16	Từ đường 3-2 rẽ Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
16.1	Từ đường 3-2 vào 200m	2.000
16.2	Qua 200m đến 450m	1.500

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
16.3	Qua 450m đến nghĩa trang	1.000
17	Rẽ xóm Cầu Thông	
17.1	Từ đường 3-2 vào 200m	800
17.2	Qua 200m tiếp theo đến đập giếng Cỏi	600
18	Rẽ vào nhà văn hoá xóm Hào Thọ	
18.1	Từ đường 3-2 vào 200m	1.000
18.2	Tiếp theo đến ngã 3 cổng trường tiểu học Tích Lương	800
18.3	Từ ngã 3 cổng trường tiểu học Tích Lương Tiếp theo đi 2 phía + 250m	700
19	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 1), vào 200m	1.500
20	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 2), vào 200m	1.000
21	Rẽ xóm Trung Lương (Đối diện đường Gang Thép)	
21.1	Từ đường 3-2 vào 200m	1.000
21.2	Qua 200m đến 450m	800
21.3	Qua 450m đến đất trường Cao đẳng nghề Luyện kim	700
22	Rẽ đối diện Ki ốt xăng dầu số 2 Tích Lương đến gặp đường sắt Hà Thái	1.000
L	Đường Phú Xá (Từ đường Cách mạng tháng 8 qua đường sắt Hà Thái gặp đường 3/2)	
1	Từ đường Cách mạng tháng 8 đến đường sắt Hà Thái	1.700
2	Từ đường sắt Hà Thái đến đường rẽ nghĩa trang phường Phú Xá	1.500
3	Từ đường rẽ nghĩa trang Phường Phú Xá đến gặp đường 3-2	2.000
	Trục phụ	
1	Ngõ 83: Vào 200m	800
2	Ngõ 101: Vào 100m	800
LI	Đường 30-4 (Từ ngã ba rẽ đường Phố Hương đến hết đất thành phố)	
1	Từ ngã ba Phố Hương đến cầu Ba Cống	2.500
2	Từ cầu Ba Cống đến Bưu điện Tân Thành	2.200

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Từ Bưu điện Tân Thành đến hết đất đất thành phố	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào trường Cao đẳng nghề Cơ điện Luyện kim	
1.1	Từ đường 30-4 vào 200m	1.200
1.2	Qua 200m đến 450m	1.000
1.3	Qua 450m đến hết đất trường Cao đẳng nghề Cơ điện Luyện kim	1.100
2	Rẽ cạnh HTX Dịch vụ Nông nghiệp Trung Thành, có đường bê tông $\geq 2,5m$	
2.2	Từ đường 30-4 vào 100m	700
2.3	Qua 100m đến 350m	600
3	Rẽ vào đến công trường Văn hoá 1 Bộ Công an	700
4	Rẽ vào đến ga Lương Sơn	700
5	Rẽ vào xóm Trước và xóm Sau	
5.1	Từ đường 30-4 vào 200m	700
5.2	Qua 200m đến 400m	600
6	Rẽ theo bờ kênh Núi Cốc đi gặp đường sắt Hà Thái, vào 200m	500
7	Rẽ xóm La Hoàng, vào 100m	600
8	Các nhánh rẽ còn lại từ đường 30/4 vào 100m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	700
LII	Đường Tích Lương (Từ đường 3-2 đến Lữ đoàn 210 Quân khu I)	
1	Từ đường 3-2 vào hết đất xưởng thực hành trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	1.200
2	Từ hết đất xưởng thực hành trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đến cầu kênh Núi Cốc	700
3	Từ cầu kênh Núi Cốc đến hết đất Lữ đoàn 210 Quân khu I	500
	Trục phụ	
1	Từ đường Tích Lương rẽ sang Đại học Kinh tế Quản trị kinh doanh, vào 200m	500
2	Rẽ nhà văn hoá xóm Cầu Thông đến nghĩa trang Rừng Xiêm, vào 200m	400

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Rẽ nhà văn hoá xóm Tung, vào 200m	400
LIII	Đường Phố hương (Từ đường sắt đi kếp đến gặp đường 3-2)	
1	Đường sắt đi kếp đến gặp đường Gang Thép	4.000
2	Từ đường Gang Thép đến giáp đất phân hiệu 2 trường Cao đẳng Cơ khí Luyện kim	4.500
3	Từ giáp đất phân hiệu 2 trường Cao đẳng Cơ khí Luyện kim đến ngã tư khu dân cư số 1 phường Trung Thành (gặp đường Lưu Nhân Chú)	3.500
4	Từ ngã 4 khu dân cư số 1 phường Trung Thành (rẽ đường Lưu Nhân Chú) đến trạm biến thế số 2 Trung Thành	3.000
5	Từ trạm Biến thế số 2 phường Trung Thành đến gặp đường 3-2	2.000
	Trục phụ	
1	2 ngõ rẽ theo hàng rào Nhà trẻ 1-5 đến hết đất Nhà trẻ	2.000
2	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 25 và 37: Vào 100m	1.500
3	Các ngõ rẽ trên đường Phố Hương đoạn từ chợ Dốc Hanh đến ngã 4 đường Lưu Nhân Chú, có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	1.500
4	Từ đường Phố Hương rẽ theo 2 đường vào khu dân cư tập thể Phố Hương	
4.1	Rẽ vào 300m	1.000
4.2	Qua 300m đến 500m đường $\geq 3,5m$	700
4.3	Các đường nhánh khác trong khu dân cư có đường rộng $\geq 2,5m$. vào 100m	500
LIV	Đường Gang Thép (Từ đường 3-2 qua UBND phường Trung Thành đến gặp đường Lưu Nhân Trú)	
1	Từ đường 3-2 đến rẽ trường Tiểu học Trung Thành	2.500
2	Từ rẽ trường Tiểu học Trung Thành đến rẽ trường Độc Lập	4.000
3	Từ rẽ trường Độc Lập đến đường Cách mạng tháng Tám	7.000
4	Từ đường Cách mạng tháng Tám (bách hoá Gang Thép) vào 100m	2.500
5	Qua 100m đến 250m	2.000

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6	Qua 250m đến gặp đường Lưu Nhân Chú	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ từ cạnh số nhà 299 đến Nhà văn hoá số 3 phường Trung Thành, vào 100m	800
2	Rẽ từ cạnh số nhà 196 đi tổ nhân dân số 19 phường Trung Thành, vào 100m	800
3	Rẽ từ cạnh số nhà 207 theo hàng rào Trung tâm hướng nghiệp thành phố Thái Nguyên	
3.1	Rẽ từ cạnh số nhà 207 đến nhà văn hoá tổ 2 phường Trung Thành	800
3.2	Nhà văn hoá tổ 2 phường Trung Thành vào 300m	700
4	Rẽ cạnh Doanh nghiệp tư nhân Hải Long đi tổ nhân dân số 14, vào 100m	800
5	Rẽ cạnh đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Trung Thành, vào 100m	800
6	Rẽ từ cạnh số nhà 102 vào trường Tiểu học Trung Thành	
6.1	Từ đường Gang Thép đến ngã ba thứ 2	1.000
6.2	Qua ngã ba thứ 2 + 250m	800
7	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 153: rẽ vào nhà văn hóa đôi Độc Lập	
7.1	Từ đường Gang Thép đến cổng nhà văn hóa đôi Độc Lập	1.200
7.2	Các đường nhánh trong khu dân cư đôi Độc Lập có đường rộng bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	700
8	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 88 (cạnh Kho bạc Lưu Xá cũ) vào đến ngã ba thứ 2	1.000
9	Rẽ vào trường Độc Lập	
9.1	Từ đường Gang Thép đến hết đất trường tiểu học Độc Lập	1.500
9.2	Từ giáp đất trường Tiểu học Độc Lập đến hết đất trường THCS Độc Lập	1.000
9.3	Các đường nhánh trong khu dân cư đôi Độc Lập có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	900
10	Từ đường Gang Thép vào đến khu dân cư xí nghiệp năng lượng	700
11	Các nhánh rẽ khác từ bách hoá Gang Thép đến đường Lưu Nhân Chú, có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	500

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Đường Lưu Nhân Chú	
LV	(Từ đường Phố Hương qua đảo tròn Gang thép đến cổng phụ Công ty Gang thép thuộc phường Cam Giá)	
1	Ngã ba Phố Hương đến cổng sân vận động Gang thép	2.000
2	Từ cổng sân vận động Gang Thép đến đảo tròn Gang Thép	3.000
3	Từ đảo tròn Gang Thép đến Bưu điện Hương Sơn	2.000
4	Từ Bưu điện Hương Sơn đến đường sắt đi kếp	1.500
5	Từ đường sắt đi kếp đến cầu khu Nam	1.200
6	Từ cầu khu Nam đến rẽ đập Suối Cốc (UBND phường Cam Giá cũ)	800
7	Từ rẽ đập Suối Cốc đến cổng phụ Gang Thép	800
	Trục phụ	
1	Ngõ 537: vào 50m	800
2	Ngõ 499; 530: Rẽ khu dân cư lắp máy điện	
2.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 100m	1.000
2.2	Qua 100m đến 300m có đường rộng $\geq 3,5m$	700
2.3	Các nhánh khác còn lại trong khu dân cư có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	600
3	Ngõ 513: Đi gặp đường quy hoạch KDC cán 650	1.200
3.1	Các nhánh rẽ khác thuộc đoạn trên có đường rộng $\geq 4,5m$, vào 100m	600
4	Ngõ 501: Rẽ khu dân cư Cán 650 (đường chính)	
4.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 300m	1.200
4.2	Qua 300m đến 500m	1.000
4.3	Qua 500m đến 700m	800
5	Ngõ 423; 465: Rẽ đến nhà văn hoá thể thao Gang Thép, vào 150m	2.000
6	Ngõ 434: Rẽ sau Ngân hàng Lưu Xá, vào 100m	1.500
7	Rẽ cạnh nhà văn hoá tổ 27 phường Hương Sơn đi đồi Sỏi, vào 100m	800
8	Rẽ sau đất Bưu điện Hương Sơn, vào 100m	800

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9	Rẽ đi tổ 3 phường Hương Sơn vào 200m	700
10	Rẽ vào xóm Bình Dân (đối diện Bưu điện Hương Sơn), vào 100m	600
11	Rẽ khu tập thể nhà máy Luyện Gang	
11.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	700
11.2	Các nhánh rẽ từ đường vào khu tập thể nhà máy Luyện Gang có đường $\geq 3,5m$ vào 100m	500
12	Ngõ 261: Vào trường THCS Hương Sơn	
12.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào hết đất trường THCS Hương Sơn	700
12.2	Giáp đất trường THCS Hương Sơn vào 200m	500
12.3	Rẽ từ đường trường THCS Hương Sơn vào trường Tiểu học Hương Sơn	600
12.4	Các nhánh từ đường vào trường Tiểu học Hương Sơn có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 150m	500
13	Đường vào UBND phường Hương Sơn	
13.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào đến cổng UBND phường Hương Sơn	900
13.2	Các nhánh rẽ vào khu tập thể nhà máy Cốc Hoá có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 150m	600
14	Rẽ theo đường sắt đi cầu Trần Quốc Bình: vào 400m	600
15	Ngõ 59 (đường trục phường Cam Giá)	
15.1	Vào 300m	800
15.2	Qua 300m đến ngã 3 đập Suối Cốc	550
15.3	Từ ngã 3 đập Suối Cốc đến kho HTXNN Tân Hương	500
15.4	Kho HTXNN Tân Hương qua chợ Cam Giá đến hết khu tập thể Nhà máy Tấm lợp Amiăng	600
15.5	Giáp đất khu tập thể Nhà máy Tấm lợp Amiăng gặp đê Cam Giá	500
LVI	Đường Hương Sơn (Từ đường Lưu Nhân Chú đến Sông Cầu vào Soi Mít)	
1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	1.000
2	Qua 200m đến hết đất Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội thành phố Thái Nguyên	700

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Trục phụ	
1	Rẽ từ đường Hương Sơn vào khu dân cư đôi F, vào 200m	600
2	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Hương Sơn vào khu dân cư đôi F có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 150m	500
LVII	Đường Vó Ngựa (Từ Đảo tròn Gang Thép đi huyện Phú Bình)	
1	Từ đảo tròn Gang Thép đến rẽ công trường PTTG Gang Thép	3.500
2	Từ rẽ trường THPT Gang Thép đến ngã 3 gặp đường Tân Thành	2.000
3	Từ ngã 3 gặp đường Tân Thành đến hết đất phường Tân Thành	1.500
4	Từ hết đất phường Tân Thành đến giáp đất K27	1.200
5	Từ đất K27 hết đất thành phố Thái Nguyên	1.000
	Trục phụ	
1	Từ đảo tròn Gang Thép rẽ sau khách sạn 5 tầng vào xóm Bình Dân	
1.1	Từ trục chính vào 100m	1.000
1.2	Qua 100m đến 200m	800
2	Rẽ trường cấp 3 Gang Thép: Từ đường Vó Ngựa vào 100m	1.000
3	Rẽ vào khu tập thể 2 tầng bệnh viện Gang Thép cũ	
3.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	1.200
3.2	Qua 100m đến hết đường bê tông $\geq 3m$	1.000
3.3	Các nhánh khác trong khu dân cư có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	700
4	Rẽ vào khu B Trung tâm giáo dục lao động xã hội TP	
4.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	1.200
4.2	Qua 100m đến 250m đường bê tông $\geq 3m$	1.000
5	Các nhánh rẽ còn lại thuộc đoạn từ đảo tròn Gang Thép đến ngã ba đường Tân Thành vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	700
6	Rẽ đi khu miền Ninh Sơn (xã Lương Sơn), vào 200m	600
7	Rẽ đi xóm Cầu, vào 200m (xã Lương Sơn)	500
LVIII	Đường Tân Thành (Từ đường vó ngựa đến gặp đường 30/4)	

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1	Từ đường Vó Ngựa vào 150m (ngã 3 rẽ tổ 9,10 phường Tân Thành)	1.000
2	Cách đường Vó Ngựa 150m đến cổng trường Trung học cơ sở Tân Thành	700
3	Từ cổng trường THCS Tân Thành đến đường sắt Hà Thái	1.000
4	Từ đường sắt Hà Thái gặp đường 30/4	1.500
LIX	Đường Lương Sơn (Từ đường Vó Ngựa qua Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Vó Ngựa đến hết đất trạm Y tế xã Lương Sơn	700
2	Từ trạm Y tế xã Lương Sơn đến ngã ba rẽ xóm Ngân	700
3	Từ ngã ba rẽ xóm Ngân đi gặp đường 30/4	1.000
	Trục phụ	
1	Rẽ xóm Pha, vào 200m	350
2	Rẽ đối diện trạm Y tế xã Lương Sơn đi xóm Pha, vào 200m	350
3	Rẽ xóm Tân Trung: Vào đến tại chãn nuôi Hùng Chi	350
4	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Ngân, vào 200m	350
5	Rẽ đến cổng trường Cao đẳng Luyện kim	1.200
6	Từ cổng trường Cao đẳng Luyện kim đi trường Quân sự Quân khu I	
6.1	Từ cổng trường Cao đẳng Luyện kim đến kênh Núi Cốc	700
6.2	Từ kênh Núi Cốc đến cổng trường Quân sự Quân khu I	700
7	Rẽ khu dân cư xóm 5 Tân Sơn	500
	Xã Đồng Bẩm	
LX	Đường Quốc lộ 1B (cũ) (Từ cầu Gia Bảy đến hết đất HTX Cờ Hồng)	
1	Từ cầu Gia Bảy đến kiốt xăng doanh nghiệp Tiến Thịnh	3.500
2	Từ giáp đất kiốt xăng doanh nghiệp Tiến Thịnh đến hết đất HTX Cờ Hồng	3.500
	Trục phụ	
1	Rẽ vào nhà văn hoá xóm Gia Bảy vào 100m	800
2	Rẽ vào đình Đồng Tâm vào 100m	1.000

Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Rẽ vào xóm Đồng Tâm (đối diện đường đi cầu treo cũ), vào 100m	1.000
4	Rẽ đi cầu treo cũ vào 100m	1.000
5	Rẽ đến nhà văn hoá xóm Đồng Tâm	1.000
6	Rẽ xóm Đông (2 nhánh đối diện kiốt xăng dầu Tiến Thịnh), vào 100m	1.000
7	Rẽ đi Bến Tượng	
7.1	Vào đến trung tâm văn hoá xóm Đông	1.200
7.2	Từ trung tâm văn hoá xóm đông đến bến tượng	800
8	Rẽ vào xóm Văn Thánh vào 200m	1.200
9	Rẽ theo hàng rào doanh nghiệp Việt Cường vào khu dân cư Ao Voi, vào 150m	800
10	Rẽ vào nhà máy nước sạch Đồng Bầm	
10.1	Từ Quốc lộ 1B đến Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm	800
10.2	Đoạn còn lại rẽ đi các nhánh có đường bê tông $\geq 2,5$ m	800
11	Rẽ theo hàng rào Công ty CP Lâm sản Thái Nguyên, vào 150m	1.000
12	Rẽ theo hàng rào Công ty TNHH Thái Dương vào KDC Ao Voi, vào 150m	800
LXI	Đường Đồng Bầm (Từ đường quốc lộ 1B cũ qua sân bay gặp đường 259)	
1	Từ đường 1B đến trạm biến áp treo thị trấn Chùa Hang	
2	Từ trạm biến áp treo thị trấn Chùa Hang đến trạm y tế xã Đồng Bầm	800
3	Từ trạm y tế xã Đồng Bầm đến ngã 4 Tân Thành 2	800
4	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến đến gặp đường 269 (đến hết đất Đồng Bầm)	700
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào trường Mầm non Đồng Bầm đi Chùa Hang vào 100m	400
2	Các nhánh rẽ đi Nhà máy Nước Đồng Bầm có đường bê tông $\geq 2,5$ m, vào 100m	500
2.1	Đoạn còn lại rẽ đi các nhánh có đường bê tông $\geq 2,5$ m	400
3	Rẽ theo hàng rào trạm y tế xã Đồng Bầm đi sân bay vào 100m	500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4	Từ ngã 4 Tân Thành II đi bến phà Văn Thánh, vào 150m	500
5	Từ ngã 4 Tân Thành II đến nhà văn hoá Tân Thành II	500
6	Các nhánh rẽ còn lại từ ngã tư Tân Thành 2 đến gặp đường 269 có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	400
LXII	Từ đường tròn Núi Voi đi Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn.	
1	Từ giáp đất TT Chùa Hang đến cổng Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn	800
	Trục phụ	
1	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Lộc vào 150m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	300
2	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Thành, vào 150m (đường đất)	250
3	Rẽ đi hết đất UBND xã Cao Ngạn	250
LXIII	Quốc lộ 1B (Đoạn nối QL3 với QL 1B qua địa phận xã Cao Ngạn)	
1	Từ cầu Cao Ngạn đến rẽ xóm Quyết Thắng	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ qua Công ty Cổ phần gạch Cao Ngạn đến cổng Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn	250
2	Rẽ cạnh Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn đến cổng Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn	280
3	Rẽ qua xóm Thành Công gặp ngã 4 đi Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn	300
4	Rẽ đi xóm Góc Vôi	
4.1	Từ đường nối QL 3 với QL 1B, vào 150m	600
4.2	Qua 150m đến ngã 3 Góc Vôi	400
4.3	Từ ngã 3 Góc Vôi đến cầu cáp Cao Ngạn (hết đường bê tông)	300
4.4	Từ ngã 3 Góc Vôi đến hết đất Tiểu đoàn 23 Quân khu I	250

* Trường hợp các vị trí đất ở tại đô thị thành phố Thái Nguyên chưa được kê trên, giá đất không áp dụng được theo hướng dẫn tại tiết 2 mục II phần B: hướng dẫn áp dụng bảng giá các loại đất, thì giá đất được áp dụng theo bảng sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Giá đất ở thành phố Thái Nguyên

Vị trí	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
4A	1000	700	500
4B	800	600	400
4C	600	500	300

Nhóm 1: Gồm các phường Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung.

Nhóm 2: Gồm các phường Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán

Nhóm 3: Gồm các phường còn lại.

(Các vị trí: 4A, 4B, 4C theo hướng dẫn tại điểm 2.2 tiết 2 mục I phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá các loại đất).

Phụ lục số 02:**VỀ GIÁ ĐẤT Ở BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ SÔNG CÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I		QUỐC LỘ 3	
A		Trục chính	
1		Từ Km 45/H9 + 50m (Giáp đất Phổ Yên) đến Km 46/H3-65m (Đường rẽ nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	2.000
2		Từ Km 46/H3-65m (Đường rẽ nhà văn hoá Tổ dân phố 1) đến Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ)	2.200
3		Từ Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ) đến Km 47 + 26m (Đường rẽ phía Bắc TDP 2A)	2.500
4		Từ Km 47 + 26m (Đường rẽ phía Bắc tổ dân phố 2A) đến Km 47/H2 (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công)	2.200
5		Từ Km 47/H2 (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công) đến Km 47/H4 + 6m (Kênh N12-10)	2.000
6		Từ Km 47/H4 + 6m (Kênh N12-10) đến Km 48/H2-20m (Cầu Quyên)	1.700
7		Từ Km 48/H2-20m (Cầu Quyên) đến Km 48/H6-40m (Cầu Lu)	2.000
8		Từ Km 48/H6-40m (Cầu Lu) đến Km 49/H9-20m (Cầu Béo)	1.800
9		Từ Km 49/H9-20m (Cầu Béo) đến Km 51/H8 + 50m (Giáp đất Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên)	1.600
10		Từ Km 54/H9-70m (Đối diện công nhà xưởng HTX Toàn Diện) đến Km 55/H5 (Trạm biến áp Tân Thành)	1.500
11		Từ Km 55/H5 (Trạm biến áp Tân Thành) đến Km 55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành)	1.650
12		Từ Km 55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành) đến Km 56/H2 (Giáp đất thành phố Thái Nguyên)	1.900

Giá đất ở thị xã Sông Công

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
B		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
		Phường Phố Cò	
1		Km 46 + 30m (Đường rẽ vào đồi tên lửa) đến hết đất thị xã Sông Công (Giáp đất xã Đắc Sơn)	500
2		Km 46/H3 + 65m (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	
2.1		- Vào 50m	500
2.2		- Từ sau 50m đến 150m	300
3		Km 46/H7 (Đường rẽ vào tổng kho 3 cũ)	
3.1		- Vào 170m	700
3.2		- Từ sau 170m đến hết các đường quy hoạch mới của khu dân cư tổ dân phố 2B	500
4		Km 46/H5 (Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố 3)	
4.1		- Vào 100m	500
4.2		- Từ sau 100m đến cổng sau chợ Phố Cò	400
4.3		- Từ sau 100m đến hết đất đền Thanh Lâm	300
4.4		- Từ hết đất đền Thanh Lâm đến hết đất trường Đãng cũ	350
5		Km 46/H5 (Đường rẽ vào tổ dân phố 2B)	
5.1		- Vào 180m	600
5.2		- Từ sau 180m đến 150m	400
6		Km 47 + 20m (Đường rẽ phía Nam vào nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất nhà văn hoá	550
7		Km 47/H2 (Đường rẽ phía Bắc vào nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất nhà văn hoá	500
8	5521002	Km 47/H4-25 (Đường rẽ trường THCS Thắng Lợi)	
8.1		- Từ Km 47/H4-25m đến hết đất trường Mầm non số 2	550
8.2		- Từ giáp đất trường Mầm non số 2 đến 200m	400
		Phường Cải Đan	

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9	5515021	Km 47/H5-10m (Đường rẽ Tổ dân phố Ao Ngo) đến 150m	400
10	5515012	Km 47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon) đến kênh N12-10	400
11	5515016	Km 47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Quán) đến 50m	400
12	5515017	Km 48/H4 (Đường rẽ tổ dân phố Nguyên Bấy)	
12.1		- Vào 150m	850
12.2		- Từ sau 150m đến hết đất nhà văn hoá	550
13	5515020	Km 48/H6 + 40m (Đường vào phân hiệu trường dân lập Lương Thế Vinh) đến 150m	500
14		Km 48/H9-15m (Đường vào chùa Cải Đan) đến 150m	400
15	5515024	Km 48/H7 + 40m (Đường rẽ TDP Phố Mới - Đường rẽ nhà ông Canh) đến 100m	300
16	5515023	Km 49-20m (Đường rẽ Tổ dân phố Phố Mới - Đường rẽ vào nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới)	400
16.1		- Từ sau nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới đến 100m	300
16.2		- Từ sau 100m đến 200m	250
17	5515025	Km 49/H6 + 30m (Đường rẽ TDP Nguyên Giả đến hết đất nhà máy Việt Trung)	450
18		Km49/H5 (đường rẽ vào lô 2 sau KDC Khuynh Thạch) đến 100m	400
19	5515030	Km 49/H7 (Đường Tổ dân phố Khuynh Thạch cạnh nhà ông Long Tiến) đến 100m	350
20	5515029	Km 50/H1-20m (Đường rẽ TDP Khuynh Thạch cạnh nhà ông Bộ) đến 100m	350
		Xã Tân Quang	
21	5527006	Km 50/H1 + 50m (Đường Dọc Dài - Cầu Gáo - Mỏ Chè)	
21.1		- Vào 50m	500
21.2		- Từ sau 50m đến 150m	400
21.3		- Từ sau 150m đến 250m	300

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
22		Km 50/H3 + 80m (Đường rẽ nhà văn hoá Tân Dương từ nhà ông Thành đến hết đất nhà ông Châu)	
22.1		- Vào 50m	500
22.2		- Từ sau 50m đến 150m	400
22.3		- Từ sau 150m đến 300m	250
23		Km 50/H4 + 60m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương từ nhà bà Năm đến nhà ông Thái)	
23.1		- Vào 50m	350
23.2		- Từ sau 50m đến 100m	250
24		Km 51/H2 + 20m (Đường đi xóm Mãn Chiêm cạnh nhà bà Thìn đến hết khu dân cư quy hoạch mới) vào 100m	400
25		Km 51/H3 + 10m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương 2 từ Quốc lộ 3 cạnh nhà bà Tuyên)	
25.1		- Vào 100m	400
25.2		- Từ sau 100m đến 200m	250
26	5527011	Km 54/H8 + 50m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Sơn đến bờ kênh)	
26.1		- Vào 50m	400
26.2		- Từ sau 50m đến 150m	300
27	5527012	Km 55 + 30m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Muôn đến bờ kênh)	
27.1		- Vào 50m	400
27.2		- Từ sau 50m đến 150m	300
28		Km 55/H1 + 40m (Đường bê tông Tân Thành 2 cạnh nhà ông Hùng đến hết đường bê tông)	
28.1		- Vào 50m	400
28.2		- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	300
29		Km55/H2 + 20m (đường bê tông cạnh nhà ông Hưng đến hết đường bê tông)	
29.1		- Vào 50m	300
29.2		- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	250

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
30	5527013	Km 55/H4 (Đường Tân Thành 2 từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Điềm)	
30.1		- Vào 50m	400
30.2		- Từ sau 50m đến hết đường bê tông	300
31	552766	Km 55/H5 + 60m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Khanh đến nhà ông Vinh)	
31.1		- Vào 50m	450
31.2		- Từ sau 50m đến 150m	350
31.3		- Từ sau 150m đến 220m	250
32	5527014	Km 55/H7 + 80m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Xuân đến nhà bà Hồng)	
32.1		- Vào 50m	400
32.2		- Từ sau 50m đến 150m	300
33	165004	Km 55/H9 + 80m (Đường quốc lộ 3 - Tân Tiến)	
33.1		- Vào 50m	800
33.2		- Từ sau 50m đến mương thoát nước	600
33.3		- Từ sau mương thoát nước đến 500m	350
33.4		- Từ sau 500m đi qua NVH xóm Tân Tiến đến đường Gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	330
II	165014	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8	
A		Trục chính	
1		Từ ngã ba Phó Cò đến đường rẽ Xây lắp 3	2.500
2		Từ đường rẽ Xây lắp 3 đến đường rẽ Tổ dân phố Tân Huyện	2.300
3		Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến đường rẽ TDP Nguyên Gon	2.100
4		Từ đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon đến đường rẽ trường Tiểu học Phó Cò	2.300
5		Từ đường rẽ trường Tiểu học Phó Cò đến đường rẽ khu dân cư 3,5 ha	3.000
6		Từ đường rẽ khu dân cư 3,5 ha đến cầu Ghênh	2.600
7		Từ cầu Ghênh đến đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đổi diện Đài tượng niệm thị xã)	3.000

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8		Từ đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tượng niệm thị xã) đến đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Lập	3.500
9		Từ đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập đến tường rào phía Nam Bưu điện	4.500
10		Từ tường rào phía Nam Bưu điện đến ngã ba Mỏ Chè	5.500
11		Từ ngã ba Mỏ Chè đến tường rào phía Nam trường Hướng nghiệp dạy nghề	6.500
12		Từ tường rào phía nam trường Hướng nghiệp dạy nghề đến hết đất Ngân hàng Chính sách	5.500
13		Từ giáp đất Ngân hàng Chính sách đến ngã ba Bãi Đổ	4.000
B		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
		<i>Bên phường Mỏ Chè</i>	
1		Đường rẽ TDP 2 (cạnh nhà ông Thêm) đến 100m	1.600
2		Đường rẽ TDP 3 (cạnh nhà ông Hoàn) đến 100m	1.400
3		Đường rẽ TDP 3 đối diện Ngân hàng Chính sách (đường rẽ cạnh nhà Chính Loan) đến 150m	1.500
4		Đường rẽ vào trường Mầm non tư thục (đường rẽ cạnh nhà bà Bình) đến 100m	1.600
5		Đường rẽ đối diện trường Hướng nghiệp Dạy nghề (Đường rẽ cạnh nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Hưng Vân)	1.600
6	5512002	Đường chợ Mỏ Chè đi Trường tiểu học Mỏ Chè (Từ đường CMT8 đến Trường Tiểu học Mỏ Chè)	
6.1		- Từ sau lô 1 đến đường rẽ hồ Xây lắp 3	1.500
6.2		- Từ đường rẽ hồ Xây lắp 3 đến 200m	1.200
6.3		- Từ sau 200m đến giáp nhà văn hoá An Châu 2	800
6.4		- Từ nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp lô 1 đường Góc Đa	900
6.4.1		Các đường nhánh quy hoạch mới của đoạn từ nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp đất lô 1 đường Góc Đa	750
7		Ngõ phía bắc Ngân hàng Công thương	2.500

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8		Ngõ phía bắc chợ Trung tâm (từ đất nhà ông Thiện đến hết đất nhà ông Kỳ)	1.500
9		Đường rẽ đi nhà văn hoá xóm Đồi đến đường Thanh Niên	
9.1		- Vào 100m	900
9.2		- Từ sau 100m đến 200m	700
9.3		- Từ sau 200m đến đường Thanh Niên	500
10		Các đường phân khu còn lại của khu tập thể XN Xây lắp 3 cũ	700
11		Đường rẽ vào khu dân cư tổ dân phố 1 (đường rẽ phía nam Ngân hàng Chính sách) đến 200m	1.000
		<i>Bên phường Thắng Lợi</i>	
12		Đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tưởng niệm thị xã)	
12.1		- Đến khu văn hoá thể thao	1.200
12.2		- Từ tường rào phía đông khu Văn hoá thể thao đến đường rẽ phía Tây sân vận động thị xã	900
12.3		- Từ sau đường rẽ phía Tây sân vận động thị xã vào 300m	600
12.4		- Từ sau 300m đến NVH TDP Du Tân	400
13		Đường rẽ vào khu 3,5 ha	
13.1		- Vào 180m	1.400
13.2		- Từ sau 180m đến 380m	1.200
13.3		- Từ sau 380m đến cách tường rào phía Đông trường Cao đẳng Việt Đức 40m	1.000
13.4		- Từ sau 380m đến hết đất khu dân cư mới tổ 13	800
14		Đường rẽ vào tổ dân phố 12 (Đối diện nhà văn hoá Xuân Miếu 2)	
14.1		- Vào 100m	700
14.2		- Từ sau 100m đến 200m	550
15		Đường rẽ phía Bắc tổ dân phố 12	
15.1		- Vào 100m	700

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
15.2		- Từ sau 100m đến 200m	550
16		Đường rẽ tổ dân phố 10 (giáp Thị đội Sông Công) đến hết đất Thị đội Sông Công	600
17		Đường rẽ vào xóm Mỏ Chè	
17.1		- Đến hết đất Bưu điện cũ	1.200
17.2		- Từ giáp đất Bưu điện cũ đến đường rẽ cạnh Toà án thị xã (giáp đất lô 1 đường CMT8)	800
18		Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập (đối diện Bưu điện thị xã)	
18.1		- Vào 100m	1.000
18.2		- Từ sau 100m đến 300m	800
19		Các đường quy hoạch khu dân cư Tân Lập mới	1.500
		<i>Bên phường Cải Đan</i>	
20		Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (đối diện đường vào UBND thị xã)	
20.1		- Vào 100m	900
20.2		- Từ sau 100m đến 250m	600
21		Đường rẽ cạnh nhà văn hoá Xuân Miếu 2 (Đường rẽ cạnh nhà bà Cây) đến 150m	600
22	5515004	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (Đường rẽ vào nhà văn hoá Xuân Miếu 1 đến hết đất nhà văn hoá)	500
23	5515003	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (Đường rẽ vào nhà ông Đồng)	
23.1		- Vào 100m	500
23.2		- Sau 100m đến 200m	350
24		Đường rẽ cạnh nhà văn hoá Xuân Thành đến 100m	500
25	5515011	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Thành (Đường rẽ vào tổ dân phố Nguyên Gon)	
25.1		- Vào 100m	500
25.2		- Từ sau 100m đến 150m	400
26	5515010	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Thành (đường vào nhà ông Thắng) đến 100m	400

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
		<i>Bên phường Phố Cò</i>	
27		Từ đường rẽ cạnh nhà Hương Tài đến hết đường bê tông	400
28		Đường rẽ cạnh Trạm Y tế P.Phố Cò đến hết đất nhà ông Lợi Vượng	450
29	5521012	Đường rẽ tổ dân phố Thanh Xuân 1 đến hết đất trường Tiểu học Phố Cò	
29.1		- Vào 100m	700
29.2		- Từ sau 100m đến hết đất trường Tiểu học Phố Cò	600
30		Đường rẽ vào trại chăn nuôi Thắng Lợi đến cổng trại	500
31	5521008	Đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến nương Núi Cốc	700
32		Từ nương Núi Cốc đến đường rẽ NVH Tân Huyện	400
33		Từ đường rẽ NVH Tân Huyện vào 500m	300
34	5521005	Đường vào nhà văn hoá tổ dân phố 4A đến 100m	600
35	5521004	Đường bê tông đi vào Xí nghiệp 1/5	
35.1		- Từ đường đường cách mạng Tháng Tám đến ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3	750
35.2		- Từ ngã ba vào Xí nghiệp Xây lắp 3 đến nương Núi Cốc	500
35.3		- Từ nương Núi Cốc đến hết đất NVH TDP 5	350
35.4		- Từ cổng Xí nghiệp 1/5 (Công ty CP kết cấu thép Hà Nội) đến cổng sau chợ Phố Cò	500
35.5		- Từ ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3 đến hết đất nhà bà Phụng (Tổ dân phố 4A)	400
36		Đường rẽ vào trường THCS Thắng Lợi đến 100m	600
III	165019	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 10	
A		Trục chính	
1		Từ cổng Nhà máy Nước đến ngã ba đường 3/2	900
2		Từ ngã ba đường 3/2 đến đường rẽ Xưởng Cơ khí đúc (Ông Sự)	1.300
3		Từ đường rẽ Xưởng cơ khí Đúc (Ông Sự) đến đường rẽ Ban Kiến thiết	1.600

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4		Từ đường rẽ Ban Kiến thiết đến kênh thoát nước An Châu	1.900
5		Từ kênh thoát nước An Châu đến đường rẽ 262	2.400
6		Từ đường rẽ 262 đến đường Thanh Niên	3.200
7		Từ đường Thanh Niên đến đường rẽ xóm Đồi	2.300
8		Từ đường rẽ xóm Đồi đến đường rẽ xóm La Đình (cạnh nhà ông Chung)	2.000
9		Từ đường rẽ xóm La Đình (cạnh nhà ông Chung) đến đường quốc lộ 3	1.500
B		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
		<i>Bên phường Lương Châu</i>	
1		Đường rẽ tường rào phía Tây nhà máy Diesel đến hết tường rào	500
2		Đường phía Đông hàng rào nhà máy Diesel đến kênh dẫn nước	700
3		Đường vào khu dân cư Ban Kiến thiết đến kênh Núi Cốc	900
		<i>Bên phường Mỏ Chè</i>	
4		Đường rẽ khu dân cư Làng May tổ dân phố 6 đến 100m	900
5		Đường rẽ chợ Bãi Đổ đi Đài tưởng niệm Mỏ Chè đến 200m	1.000
		<i>Bên xã Tân Quang</i>	
6	5527001	Đường Thanh Niên	
6.1		- Vào 100m	700
6.2		- Từ sau 100m đến nhà văn hoá xóm Đồi	500
7	5527010	Đường rẽ xóm Đồi phía nam dọc kênh N12-56	
7.1		- Vào 50m	400
7.2		- Từ sau 50m đến NVH xóm Đồi	300
8		Đường rẽ xóm Đồi phía Bắc dọc kênh N12-56 (đi Làng Sắn)	
8.1		- Vào 50m	600
8.2		- Từ sau 50m đến 150m	450

Giá đất ở thị xã Sông Công

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8.3		- Từ sau 150m đến 250m	300
9		Đường vào xóm La Đình về 2 phía (Nam – Bắc)	
9.1		- Vào 50m	500
9.2		- Sau 50m đến 150m	400
10	5527008	Đường vào NVH xóm La Đình (Khu dân cư Tái định cư La Đình)	
10.1		-Trục dọc (Từ đường CMT10 rẽ vào khu dân cư)	1.100
10.2		- Trục ngang (Song song với đường CMT10)	1.000
11	552007	Đường bê tông vào nhà văn hoá xóm Cầu Gáo	
11.1		- Vào 50m	500
11.2		- Từ sau 50m đến 100m	450
11.3		- Từ sau 100m đến 300m	350
12		Đường bê tông đi xóm Cầu Gáo (giáp khu công nghiệp)	
12.1		- Vào 50m	490
12.2		- Từ sau 50m đến 100m	450
12.3		- Từ sau 100m đến 300m	350
13		Đường vào xóm Làng Mới	
13.1		- Vào 50m	450
13.2		- Từ sau 50m đến 150m	350
14		Đường vào xóm Dọc Dài (cạnh Công ty May)	
14.1		- Vào 50m	490
14.2		- Từ sau 50m đến 100m	440
14.3		- Từ sau 100m đến 300m	340
15	5527002	Đường Làng Mới - Chương Lương - Làng Vai - Khu Yên	
15.1		- Vào 50m	490
15.2		- Từ sau 50m đến 100m	440
15.3		- Từ sau 100m đến 300m	340
16		Đường rẽ cạnh nhà ông Tráng đi nhà văn hoá Chương Lương	

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
16.1		- Vào 50m	490
16.2		- Từ sau 50m đến 100m	440
16.3		- Từ sau 100m đến 300m	340
16.4		- Từ sau 300m đến 500m	300
17		Đường phân khu KCN, từ sau lô 1 đến hết hàng rào phía Tây Nhà máy Kẽm điện phân	650
18		Đường nối góc phía Tây bắc Nhà máy Kẽm điện phân đi xóm Cầu Sắt (bao gồm cả trục ra phía cầu Sắt và đi NVH Chương Lương)	300
19		Đường liên xã Tân Quang	
20.1		- Từ đường CMT10 đi UBND xã Tân Quang đến đường rẽ UBND xã Tân Quang	500
20.2		- Từ đường rẽ UBND xã Tân Quang đến đường rẽ trường THCS Tân Quang	400
20.3		- Từ đường rẽ trường THCS Tân Quang đến ngã ba Chùa Đổ	350
20.4		- Từ ngã ba Chùa Đổ (Đình Tân Yên) đến đường Gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	300
20.5		Từ nhà ông Lập Sỹ đến nhà ông Luật Oanh	250
IV	165017	ĐƯỜNG THẮNG LỢI	
A		Trục chính	
1		Từ ngã ba Mỏ Chè đến hết đất Ngân hàng Công thương	5.500
2		Từ giáp đất Ngân hàng Công thương đến hết đất Bảo hiểm Xã hội	4.500
3		Từ giáp đất Bảo hiểm Xã hội đến hết đất UBND phường Mỏ Chè	4.000
4		Từ giáp đất UBND phường Mỏ Chè đến đường rẽ TDP An Châu	3.000
5		Từ đường rẽ tổ dân phố An Châu đến hết đất nhà tầng số 8	2.500
6		Từ giáp đất nhà tầng số 8 đến đường rẽ Công ty Cổ phần Mêinfra	3.000
Số	Mã	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ

Giá đất ở thị xã Sông Công

TT	đường		
7		Từ đường rẽ Công ty Cổ phần Mêinfaf đến ngã ba đường rẽ Ko	2.000
8		Từ ngã ba đường rẽ Ko đến đầu cầu treo Sông Công	1.000
B		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
		Bên phường Thắng Lợi	
1		Đường rẽ ngã ba Mỏ Chè vào trường Lý Tự Trọng	
1.1		- Vào 150m	1.400
1.2		- Từ sau 150m đến hết đất nhà văn hoá khối phố 3 cũ	1.100
1.3		- Từ giáp đất nhà văn hoá khối phố 3 cũ đến giáp đường rẽ phía đông Trường cấp 3 đi bến Vượng	1.200
1.4		- Từ ngã ba (đường rẽ đối diện nhà ông Đình) đến đường rẽ TDP Tân Lập	700
2		Đường vào tổ dân phố 8,9 đến giáp trường Tiểu học Lý Tự Trọng	1.000
3	5518003	Đường rẽ cạnh trường cấp 3 đi bến Vượng	
3.1		- Từ sau lô 1 đến ngã ba (cạnh nhà ông Long)	1.400
3.2		- từ ngã ba đường rẽ bến Vượng đến hết đất nhà ông Trung Phúc	700
3.3		- Từ ngã ba đường rẽ bến Vượng đi TDP Du Tân vào đến hết đất nhà ông Trung Thêu	500
4		Đường rẽ khu dân cư đôi Yên ngựa (phía đông phường Thắng Lợi) vào 200m	1.000
4.1		- Các nhánh của trục phụ đường rẽ KDC đôi Yên Ngựa vào 100m	600
5		Đường rẽ cạnh trụ sở Công an phường Thắng Lợi (Đường vào nhà văn hoá TDP 4)	
5.1		- Vào 100m	1.000
5.2		- Từ sau 100m đến 200m	750
5.3		- Từ sau 200m đến hết đường bê tông	500
5.4		- Các nhánh của trục phụ đường rẽ cạnh trụ sở Công an phường vào 100m	500

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6		Đường rẽ phía Tây chợ đến hết chợ Thắng Lợi	1.800
6.1		- Từ sau chợ rẽ về 2 đường nhánh đến 100m	1.000
6.2		Đường rẽ phía Tây của NVH khối phố 1 cũ vào 100m	800
7		Đường rẽ vào tổ dân phố Vượng	
7.1		- Vào 100m	900
7.2		- Từ sau 100m đến 300m	500
8	5518009	Đường đi núi Tảo	
8.1		- Vào 200m	500
		<i>Bên phường Mỏ Chè</i>	
9		Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 1 đến 100m (Cạnh nhà ông Hà Lượng)	600
10		Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 2 đến 150m (Cạnh nhà bà Bích)	600
11		Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 3 đến 200m (Cạnh nhà ông Lâm)	700
12	5512004	Đường góc đa (từ giáp lô 1 đường Thắng Lợi đến giáp lô 1 đường CMT10)	1.100
13	5512006	Đường rẽ tổ dân phố 7 (Từ đường rẽ nhà ông Hào đến hết đất nhà ông Sơn)	800
14		Đường rẽ vào trường Mầm non số 1 đến hết đất trường Mầm non số 1	800
15		Đường rẽ phía Tây nhà tầng số 8 đến 200m	800
16		Đường giáp tường rào phía Tây Công ty Mani đến 100m	700
16.1		Từ sau 100m đến 200m	500
V	165018	ĐƯỜNG 3/2 (TOÀN TUYẾN)	
1		Từ ngã 3 y cụ đến giáp cổng chính Công ty Phụ tùng máy số 1	2.000
2		Từ cổng Công ty Phụ tùng máy số 1 đến ngã 3 đường CMT10	1.500
A		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
1		Đường rẽ phía Bắc nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	600
2		Đường rẽ phía Nam nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	700
3		Đường rẽ phía Nam nhà ông Thắng (Thanh) đến 100m	600
4		Đường rẽ cạnh nhà ông Lưu (Tâng) đến 100m	600
IV		ĐƯỜNG KO	
A		Trục chính	
1		Từ đường Thắng Lợi đến đường rẽ Nhà máy Nước	700
2		Từ đường rẽ Nhà máy Nước đến giáp đất Bá Xuyên	500
B		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
		Bên phường Mỏ Chè	
1		Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 1 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Đắc) đến 80m	400
2		Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 2 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Ngô Trí Nguyễn) đến 80m	400
3		Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 3 (Đường rẽ phía Nam nhà bà Lý Khôi) đến 80m	400
4		Đường đi bến Bùn đến bờ sông	500
5		Từ đường rẽ nhà ông Thứ đến hết đất nhà ông Hoà	350
		Bên phường Lương Châu	
5		Từ cổng Nhà máy nước đi qua khu bê tông đúc sẵn đến giáp đường KO	650
VII		ĐƯỜNG 262 ĐI THỊNH ĐỨC	
A		Trục chính:	
1		Từ Km11/H2 + 35 (ngã ba đường cách mạng tháng 10) đến Km11/H1 + 10 (hết đất Trạm Y tế phường Lương Châu)	1.800
2		Từ Km11/H1 + 10 (giáp đất Trạm Y tế phường Lương Châu) đến Km10/H5 + 50 (đường rẽ tổ dân phố 3)	1.200

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3		Từ Km10/H5 + 50 (đường rẽ tổ dân phố 3) đến Km8 + H9 (cầu Khoang)	900
4		Từ Km8 + H9 (Cầu Khoang) đến Km9 + 90 (đường rẽ phía nam xóm Bãi Hát)	800
5		Từ Km8 + H9 (đường rẽ phía nam xóm Bãi Hát) đến Km9 + 90 (kênh N12-56)	700
6		Từ Km8 + H9 (kênh N12-56) đến Km7 + 400 (cầu La Giang)	500
6		Từ Km7 + 400 (Cầu La Giang) đến Km5 + H5 (giáp đất Thịnh Đức)	400
B		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
		Phường Lương Châu	
1		Trạm y tế phường Lương Châu đến ngã tư TDP 4	800
2		Từ ngã tư TDP 4 đến giáp đất TT văn hoá phường Lương Châu	600
3		Từ TT văn hoá phường vào 300m (giáp đất nhà ông Tuấn)	550
4		Từ sau 300m (giáp đất nhà ông Tuấn) đến cầu Đấp	500
5		Từ cầu Đấp đến đường Ko	450
		Xã Bá Xuyên	
6	5533014	Km9/H5 + 30 (Đi La Cảnh 1)	
6.1		- Vào 100m	300
6.2		- Sau 100m đến hết đường bê tông	250
7	5533015	Km9/H2 + 70 (Đi xóm Chùa)	
7.1		- Vào 100m	300
8	5533016	Km9/H2 + 60 (Đi xóm Đờ) (đi La Đàng)	
8.1		- Vào 100m	300
9	5533017	Km8 + H7/30 (Đi Na Chùa)	
9.1		- Vào 200m	300
9.2		- Từ sau 200m đến nhà văn hoá	250
10	5533018	Km6/H1 + 50 (Đi xóm Chũng Na -Nhà văn hoá)	
10.1		- Vào 300m	250

Giá đất ở thị xã Sông Công

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
10.2		- Từ sau 300m đến hết đường bê tông	200
11	5533022	Km6 + 00 (Đi Ao Cang) (từ nhà ông Bê đến nhà ông Đức)	
11.1		- Vào 100m	250
12	5533023	Km7/H6 + 40 (Đi xóm La Giang)	
12.1		- Vào 100m	250
13	5533025	Km6/H3 + 10 (Đi Lý Nhân) (qua Nghiêm)	
13.1		- Vào 100m	250
14	5533026	Km9/H5 + 30 (Xứ Đào đi xóm Chùa) (Đường Bầu)	
14.1		- Vào 200m	300
14.2		- Từ sau 200m đến hết đường bê tông	250
15		Km9 + 90 (Đường rẽ phía nam xóm Bãi Hát)	
15.1		- Vào 200m	350
15.2		- Từ sau 200m đến nhà văn hoá	300
16		Km8/H3 + 50 (Đường rẽ phía bắc đi xóm Bãi Hát)	
16.1		- Vào 200m	300
16.2		- Từ sau 200m đến nhà văn hoá	250
VIII	165012	ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (ĐƯỜNG QL3 ĐI 209)	
A.1		Trục chính - đường nhựa (Đường QL3 đi E209) (Trừ lô 1 đường Quốc lộ 3 và đường CMT8)	
1		Từ Quốc lộ 3 đến cách ngã tư Xuân Thành 100m	2.200
2		Từ ngã tư Xuân Thành về 2 phía đến 100m	3.000
3		Qua ngã tư Xuân Thành 100m đến đường vào Tổ dân phố Tân Mới	2.000
4		Từ đường vào TDP Tân Mới đến cổng Trung đoàn 209	2.200
A.2		Trục chính - đường đất (từ cổng E209 đi bến Kè)	
5		Từ cổng Trung đoàn 209 mới đến cầu Thống Nhất	600
6		Từ cầu Thống Nhất đến bến Kè	400
B		Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
		<i>Bên phường Phố Cò</i>	
1	5521007	Đường tổ dân phố Tân Mới - Tân Huyện đến ngã ba	800
		<i>Bên phường Cải Đan</i>	
2	5515005	Đường vào tổ dân phố Xuân Gáo đến 150m	1.000
3	5515015	Đường tổ dân phố Nguyên Gon đến 150m	1.000
		<i>Bên phường Thắng Lợi</i>	
4		Đường vào tổ dân phố Hợp Thành đến cách đường bê tông 3,5 ha 30m	800
5		Đường phía đông Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức	
5.1		- Từ đường Thống nhất vào đến hết tường xây trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	1.300
5.2		- Từ giáp tường xây trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đi theo bờ ao vào đến hết thửa số 1 tờ bản đồ số 62-IV phường Phố Cò	1.000
6		Đường rẽ phía tây trường CĐ Việt Đức vào 150m	800
7		Đường vào TDP Ứng vào 200m (cạnh nhà Ca Tơ)	400
IX		CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ VINH SƠN	
1		Đường trung tâm xã Vinh Sơn đi cầu treo Sông Công	
1.1		- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	400
1.2		- Từ cách ngã tư 100m đến 250m	300
1.3		- Từ cách ngã tư 250m đến cầu treo Sông Công	250
2		Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi xã Bình Sơn	
2.1		- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến hết núi Mãn	450
2.2		- Từ hết núi Mãn đến đường rẽ nhà văn hoá Bờ Lở	400
2.3		- Từ đường rẽ nhà văn hoá Bờ Lở đến giáp đất xã Bình Sơn	300
3	5524009	Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi hồ Núc Nác	
3.1		- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	350

Giá đất ở thị xã Sông Công

Số TT	Mã đường	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3.2		- Từ cách ngã tư 100m đến 150m	300
3.3		- Từ cách ngã tư 150m đến cầu Tân Sơn	250
4	165002	Trục đường Vinh Sơn - Thu Quang - Minh Đức	
4.1		- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	350
4.2		- Từ cách ngã tư 100m đến 150m	300
4.3		- Từ cách ngã tư 150m đến 250m	250
X		CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ BÌNH SƠN	
1		Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi UBND xã Vinh Sơn	
1.1		-Từ cổng UBND xã Bình Sơn + 100m	750
1.2		-Từ sau 100m đến 200m	600
1.3		-Từ sau 200m đến 300m	450
1.4		- Từ sau 300m đến đường bê tông rẽ xóm Xuân Đăng 1	300
1.5		- Từ đường bê tông rẽ xóm Xuân Đăng 1 đến giáp đất xã Vinh Sơn	350
2		Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Ghềnh Chè, Linh Sơn	
2.1		- Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến 150m	750
2.2		- Từ sau 150m rẽ về hai phía đến 250m	500
2.3		- Từ sau 250m đến cách ngã ba Bá Vân 2 (100m)	300
3		Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Trung tâm nghiên cứu phát triển chăn nuôi miền núi	
3.1		- Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến 100m	550
3.2		- Từ sau 100m đến 200m	350
3.3		- Từ sau 200m đến Cầu Treo	250
3.4		Từ ngã ba Cầu treo Bá Vân đi hướng ngầm (đến giáp đất Trung tâm phát triển chăn nuôi miền núi)	200
4		Ngã ba Bá Vân 2 đi Bình Định, Linh Sơn và UBND xã Bình Sơn	
4.1		- Vào 50m	500
4.2		- Từ sau 50m đến 100m	300

Phụ lục số 03:**VỀ GIÁ ĐẤT Ở BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHỔ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 3 (Thái Nguyên - Hà Nội)	
I	Trục chính	
1	Từ giáp đất TP Thái Nguyên đến nhà Tùng-Nhung (Km 51 + 230 - Km 50 + 250)	2.000
2	Từ nhà Tùng - Nhung đến cầu Béo Sông Công (Km 50 + 250 - Km 49 + 885)	1.500
3	Từ cầu Béo Sông Công đến Trạm điện 35KV (Km 49 + 885 - Km 47 + 512)	1.500
4	Từ Trạm điện 35KVA đến hết đất Sông Công (Km 47 + 512 - Km 45 + 925)	1.800
5	Từ giáp đất Sông Công đến đường rẽ XN XM Đồng Tiến (Km 45 + 925 - Km 44 + 982)	2.000
6	Từ đường rẽ XN XM Đồng Tiến đến giáp đất TT Ba Hàng (Km 44 + 982 - Km 44 + 208)	2.300
7	Từ đất Thị trấn Ba Hàng đến đường rẽ chợ Ba Hàng cũ (Km 44 + 208 - Km 43 + 705)	3.000
8	Từ đường rẽ chợ Ba Hàng cũ đến cách ngã tư Ba Hàng 100m (Km 43 + 705 - Km 43 + 550)	4.000
9	Ngã tư Ba Hàng + 100m về hai hướng HN – TN (Km 43 + 550 - Km 43 + 350)	5.000
10	Cách ngã tư Ba Hàng 100m đến đường rẽ vào trường Đỗ Cận (Km 43 + 350 - Km 43 + 45)	6.000
11	Từ đường rẽ vào trường Đỗ Cận đến đường rẽ trường TH Ba Hàng (Km 43 + 45 - Km 42 + 845)	7.500
12	Từ đường rẽ trường TH Ba Hàng đến đường rẽ vào Viện 91 (Km 42 + 845 - Km 42 + 700)	6.000
13	Từ đường rẽ vào Viện 91 đến hết TT Ba Hàng (Km 42 + 700 - Km 42 + 268)	5.000

STT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
14	Từ giáp đất thị trấn Ba hàng đến đường rẽ vào Trung tâm Chính trị (Km 42 + 268 - Km 41 + 486)	3.500
15	Từ đường rẽ vào Trung tâm Chính trị đến hết đất Nam Tiến (Km 41 + 486 - Km 40 + 240)	2.500
16	Từ giáp đất Nam Tiến đến hết đất thổ cư nhà ông Luân lớp (Km 40 + 240 - Km 37 + 957)	2.000
17	Từ giáp đất nhà ông Luân lớp đến đường rẽ vào UBND xã Trung thành + 150m (Km 37 + 957 - Km 37 + 270)	2.500
18	Từ đường rẽ vào UBND xã Trung Thành + 150m đến đường bê tông vào xóm Thượng Thuận Thành (Km37 + 270-Km35+ 475)	2.000
19	Từ đường bê tông vào xóm Thượng Thuận Thành đến đầu cầu Đa Phúc (Km 35 + 475 - Km 33 + 400)	1.500
II	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 3	
1	Từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Thư xóm Giếng xã Hồng Tiến	
1.1	- Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt	700
1.2	- Từ đường sắt đến nhà ông Thư	400
2	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Hiệp Đồng xã Hồng Tiến (Vào 500m)	300
3	Từ Quốc lộ 3 đến đồi Tên lửa xóm Đài xã Đắc Sơn (Đến đồi Tên lửa)	600
4	Từ Quốc lộ 3 đến nhà văn hoá xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến (Đoạn đi qua trạm điện xóm Đông Sinh)	400
5	Từ Quốc lộ 3 đến nhà văn hoá xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến (Đoạn đi qua xóm Đức Sinh)	400
6	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà văn hoá xóm Âm xã Hồng Tiến	400
7	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Xí nghiệp Xi măng Đồng Tiến	500
8	Từ Quốc lộ 3 (Nhà ông Thích thôn Thành Lập) đến đường 261 đi Phú Bình	
8.1	Từ Quốc lộ 3 (Nhà ông Thích thôn Thành Lập) đến hết đất Nhà văn hoá thôn Thành Lập	600
8.2	Từ giáp đất Nhà văn hoá thôn Thành Lập đến đường 261 đi Phú Bình (Cổng nhà bà Vạn)	500
9	Từ Quốc lộ 3 (Đường rẽ chợ cũ) đến đất nhà ông Kiên tiểu khu 3 (Giáp đất Đồng Tiến)	600
10	Từ Quốc lộ 3 đi trường Mầm non Sơn Ca đến hết đất nhà bà Bình (Tiểu khu 4)	700

STT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
11	Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc (Công Trung tâm Y tế huyện)	3.000
12	Từ Quốc lộ 3 đi trường THCS Đỗ Cận đến đường Ba Hàng - Tiên Phong	3.500
13	Từ Quốc lộ 3 đến cổng trường Tiểu học Ba Hàng	2.500
14	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính Bệnh viện Quân y 91	
14.1	- Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc + 100m	2.000
14.2	- Từ bờ kênh Núi Cốc + 100m đến cổng Bệnh viện Quân y 91	1.500
15	Từ Quốc lộ 3 đi thôn Kim Thái (Vào 200m)	1.500
16	Từ QL3 đến cổng chính UBND xã Nam Tiến + 100m đi 2 tuyến	500
17	Từ Quốc lộ 3 đi UBND xã Tân Hương	
17.1	- Từ Quốc lộ 3 đến hết đất thổ cư nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương	800
17.2	- Từ giáp đất thổ cư nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương đến Đường sắt	450
17.3	- Từ Đường sắt đến hết đất trạm xá xã Tân Hương	400
17.4	- Từ giáp đất Trạm xá xã Tân Hương đến cổng UBND xã + 100m đi về 2 phía	450
17.5	- Từ cổng UBND xã + 100m đến hết đất thổ cư nhà ông Hào xóm Đông	300
	Nhánh của trục phụ Quốc lộ 3 đi UBND xã Tân Hương	
	+ Từ Trạm xá xã đến cổng tường cấp I, II xã Tân Hương	250
	+ Từ cổng UBND xã + 100m đi Cẩm Na đến giáp đất xã Đông Cao	300
18	Từ Quốc lộ 3 đi nghề ông Đại đi đến cầu treo bến Vạn + 100m	250
19	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính K602	750
20	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu Sơn	
20.1	- Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc	600
20.2	- Từ bờ kênh Núi Cốc đến Cầu Sơn	350
21	Từ Quốc lộ 3 qua UBND xã Đông Cao đến Đê Chã	
21.1	- Từ Quốc lộ 3 đến đường rẽ thôn Thanh Hoa xã Trung Thành	1.500
21.2	- Từ đường rẽ thôn Thanh Hoa xã Trung Thành đến Đường sắt	800
21.3	- Từ Đường sắt đến cổng trường Tiểu học xã Đông Cao	500

Giá đất ở huyện Phổ Yên

STT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
21.4	- Từ công trường Tiểu học xã Đông Cao đến đường rẽ xóm Trại Đông Hạ xã Đông Cao	600
21.5	- Từ đường rẽ xóm Trại Đông Hạ xã Đông Cao đến chân Đê Chã	800
Nhánh trực phụ từ Quốc lộ 3 đến Đê Chã		
a	- Từ Đường sắt qua cổng Trường Xây lắp điện đến hết đất Trung Thành	
	+ Từ đường sắt đến Bãi sỏi	500
	+ Từ Bãi sỏi đến Sân bóng trường Xây lắp điện	800
b	- Từ Trạm xá xã Đông Cao đến giáp đất xã Tân Hương	300
22	Từ Quốc lộ 3 đến chân đê Tứ Thịnh	
22.1	- Từ Quốc lộ 3 đến cổng chợ Thanh Xuyên + 50m	1.200
22.2	- Từ cổng chợ Thanh Xuyên + 50m đến + 200m	700
22.3	- Từ cổng chợ Thanh Xuyên + 250m đến chân đê Tứ Thịnh	300
23	Từ Quốc lộ 3 đoạn Công ty Sữa đến Cổng Táo	
23.1	- Từ Quốc lộ 3 đến Đường sắt Hà Thái	300
23.2	- Từ đường sắt Hà Thái đến Cổng Táo	250
24	Từ Quốc lộ 3 đến Cổng Sư 312	500
25	Từ Quốc lộ 3 (Núi Sáo) đến Đường Ngâm	350
26	Từ Quốc lộ 3 đoạn qua UBND xã Thuận Thành đến Cổng Táo	
26.1	- Từ Quốc lộ 3 đến cổng UBND xã Thuận Thành	600
26.2	- Từ cổng UBND xã Thuận Thành đến Đường sắt Hà Thái	400
26.3	- Từ Đường sắt Hà Thái đến Cổng Táo Thuận Thành	300
B	CÁC TUYẾN TỈNH LỘ	
I	Đường Tỉnh lộ Phổ Yên đi Phú Bình	
	Trực chính	
1	Từ Quốc lộ 3 đến ngã 3 xe trâu + 120m đi 2 tuyến	3.500
2	Từ ngã 3 xe trâu + 120m đến Đường sắt Hồng Tiến	1.500
3	Từ đường sắt Hồng Tiến đến hết chợ Hồng Tiến	2.000
4	Từ giáp đất chợ Hồng Tiến đến hết đất thổ cư nhà ông Tiêu	1.500
5	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Tiêu đến cổng chính K602	800
6	Từ cổng chính K602 đến đường rẽ Cổng Thượng	600

Giá đất ở huyện Phổ Yên

STT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
7	Từ đường rẽ Công Thượng đến kênh giữa Núi Cốc	500
8	Từ kênh giữa Núi Cốc đến giáp đất Phú Bình	300
	Trục phụ	
1	Từ ngã 3 dốc Xe Trâu + 120m đến nhà ông Trung Trạm	
1.1	Từ ngã 3 dốc Xe Trâu + 120m đến đường sắt	1.500
1.2	Từ đường sắt đến ngã 3 nhà ông Trung Trạm	1.500
2	Từ ngã 3 Vòng Bi đến cổng nhà máy Vòng Bi	500
II	Đường 261 đi Phúc Thuận Đại Từ	
	Trục chính	
1	Từ quốc lộ 3 đến hết đất thị trấn Ba Hàng	3.500
2	Từ giáp đất Thị trấn Ba Hàng đến cổng phụ Bệnh viện Quân y 91	2.000
3	Từ cổng phụ Bệnh viện Quân y 91 đến Cầu Trâu II	1.000
4	Từ Cầu Trâu II đến cách ngã 3 Giếng Đồn + 100m về 2 phía	1.000
5	Từ cách ngã 3 Giếng Đồn + 100m đến cầu Đầm	800
6	Từ cầu Đầm đến giáp đất Minh đức	400
7	Từ đất Minh Đức đến cách cổng UBND xã Minh Đức 150m	300
8	Từ cổng UBND xã Minh đức + 150m về 2 phía	600
9	Từ cổng UBND xã Minh Đức + 150m đến hết địa phận xã Minh Đức	450
10	Từ địa phận xã Minh đức đến hết hạt giao thông số 5	600
11	Từ Hạt giao thông số 5 đến cách cổng chính chợ Bắc Sơn 50m	1.000
12	Cổng chính chợ Bắc Sơn + 50m về hai phía (Đường 261)	1.400
13	Từ cách cổng chính chợ Bắc Sơn 50m đến đường rẽ UBND TT Bắc Sơn + 300m đi Phúc Thuận	1.000
14	Từ đường rẽ UBND TT Bắc sơn + 300m đến cách cổng chợ Phúc Thuận 50m	600
15	Cổng chợ Phúc Thuận + 50m về 2 phía	1.000
16	Từ cách cổng chợ Phúc Thuận 50m đến cây đa Bến Đông + 200m	600
17	Từ cây đa bến đông + 200m đến cầu số 1	500
18	Từ cầu số 1 đến hết đất Phúc Thuận giáp đất Đại Từ	300

STT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
	Trục phụ	
1	Từ nhà ông Vy (Giáp đường 261) qua Nhà văn hoá thôn Yên Ninh đến kênh Núi Cốc (Nhà ông Quang tiểu khu 5)	500
2	Từ nhà ông Uyển Cần (Tiểu khu 3) đến ngã 3 nhà ông Lưu (Tiểu khu 3)	600
	-Từ ngã 3 nhà ông Lưu (Tiểu khu 3)- đến kênh mương Núi Cốc hết đất thị trấn Ba Hàng	500
3	Từ nhà ông Bình tiểu khu 3 (Giáp đường 261) đến ngã 3 nhà ông Luyện (Tiểu khu 3)	600
4	Từ nhà ông Dần thôn Yên Ninh (Giáp đường 261) qua thôn Yên Ninh đến đường nhựa đi Bệnh viện Quân y 91	600
5	Từ Giếng Đồn + 100m đến Hồ Suối Lạnh	
5.1	Từ Giếng Đồn + 100m đến Cầu Nhái	700
5.2	Từ Cầu Nhái đến hết đất thổ cư nhà ông Phúc xóm Thượng Vụ	500
5.3	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Phúc xóm Thượng Vụ đến cầu Lai xã Thành Công	600
5.4	Từ cầu Lai đến cách ngã 3 chợ Long Thành 50m	800
5.5	Từ ngã 3 chợ Long thành + 50m về 3 phía	1.000
5.6	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m đến Gò Tròn	500
5.7	Từ Gò Tròn đến Gò Đồn	400
5.8	Từ Gò Đồn đến cách chân đập Hồ Suối Lạnh 300m	500
5.9	Cách chân đập Hồ Suối Lạnh 300m đến chân đập	800
6	Từ Trung tâm Thương nghiệp đi xóm 3 TT Bắc Sơn (Vào 200m)	800
7	Từ trung tâm Thương nghiệp đến cổng trường THPT Bắc Sơn	1.000
8	Từ ngã 3 UBND thị trấn Bắc Sơn đến trạm biến thế Công ty Chè Bắc Sơn	800
9	Từ ngã 3 chợ Phúc Thuận đi Quân Cay (Vào 200m)	300
10	Từ Ngã 3 chợ Phúc Thuận đi xóm Chăng (Vào 200m)	250
	Các nhánh của trục phụ từ Giếng Đồn đến Hồ Suối Lạnh	
1	Từ ngã 3 Bến Nhái đến cách UBND xã Vạn Phái 200m	250
2	Từ Trung tâm UBND xã Vạn Phái + 200m về các phía	400
3	Từ ngã 3 nhà ông Quang Chiến đến cổng trường Tiểu học 2 xã Thành Công	400

STT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4	Từ cổng Làng Đanh + 50m về 2 phía	400
5	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m đến cổng trường THCS xã Thành Công	600
III	Từ Quốc lộ 3 đi Tiên Phong	
	Trục chính	
1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất thổ cư nhà Ngân Dân	6.000
2	Từ giáp đất thổ cư nhà Ngân Dân đến đường sắt	4.500
3	Từ Đường sắt đến đường rẽ nhà máy Z131 + 50m tuyến đi Tiên Phong	2.500
4	Từ đường rẽ nhà máy Z131 + 50m đến ngã 3 kho dự trữ C203 + 200m đi tuyến Tiên Phong	1.500
5	Từ ngã 3 kho dự trữ C203 + 200m đến ngã 3 Cao Vương	800
6	Từ ngã 3 Cao Vương đến giáp đất Tiên Phong	500
7	Từ giáp đất Tân Hương đến hết đất thổ cư nhà ông Hà Trọng Đại	400

Phụ lục số 04:
VỀ GIÁ ĐẤT Ở BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI
GIAO THÔNG KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	TRỤC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 37	
1	Từ giáp đất Hiệp Hoà đến cách ngã tư Cầu Ca 200m	500
2	Cách ngã tư Cầu Ca 200m đến qua ngã tư Cầu Ca 300m	800
3	Cách ngã tư Cầu Ca 300m đến cầu Chợ Đồn	500
4	Cầu Chợ Đồn đến ngã tư Chợ Đồn	800
5	Từ ngã tư Chợ Đồn đến cách cổng UBND xã Kha Sơn 100m	800
6	Từ cách cổng UBND xã Kha Sơn 100m đến qua cổng UBND xã Kha Sơn 200m	700
7	Cách cổng UBND xã Kha Sơn 200m đến hết đất Kha Sơn	600
8	Từ giáp đất Kha Sơn đến cách cổng Công an huyện 200m	800
9	Từ cách cổng Công An huyện 200m đến cổng Công an huyện	1.500
10	Từ cổng Công an huyện đến giáp đất Ngân hàng Chính sách	1.700
11	Từ đất Ngân hàng Chính sách đến cầu bằng chợ Úc Sơn	2.200
12	Từ cầu bằng Úc Sơn đến hết đất Kiốt xăng dầu số 15	2.200
13	Từ giáp đất xăng dầu số 15 đến giáp cổng Trung tâm Y tế huyện	1.800
14	Từ cổng Trung tâm Y tế huyện, qua cổng Trung tâm Y tế huyện (+) 100m đi Thái Nguyên	1.300
15	Cách cổng Trung tâm Y tế huyện 100m đến hết đất TT Hương Sơn	800
16	Giáp đất TT Hương Sơn đến ngã ba đường mới (Cầu Mây)	600
17	Từ ngã ba đường mới đến hết đất Xuân Phương (đầu Cầu Mây)	800

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
18	Từ cầu mây giáp địa phận xã Xuân Phương + 100m đi Thái Nguyên	600
19	Cách cầu mây 100m đến cổng UBND xã Nhã Lộng	450
20	Từ cổng UBND xã Nhã Lộng đến hết đất chợ Cầu	500
21	Từ giáp đất chợ Cầu đến hết đất Nhã lộng	350
22	Từ giáp đất Nhã Lộng đến đường rẽ vào xóm Thuận Pháp xã Diềm Thụy	350
23	Từ đường rẽ vào xóm Thuận Pháp xã Diềm Thụy đến đường rẽ vào trường Tiểu học Diềm Thụy	450
24	Từ đường rẽ vào trường Tiểu học Diềm Thụy đến đường rẽ vào Trường Tiểu Học Thượng Đình	400
25	Từ đường rẽ vào trường Tiểu học Thượng Đình đến giáp đất thành phố Thái Nguyên	500
II	THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN	
1	Từ QL 37 (Trạm thuế) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	1.000
2	Từ QL 37 (đường vào Huyện uỷ) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	1.200
3	Từ QL 37 (Bưu điện) đến hết đất Giáo dục	1.200
4	Từ QL 37 (Viện Kiểm sát) đến hết đất Trung tâm Chính trị	1.200
5	Từ QL 37 (đường nhà bà Liên Nhuận) đến cổng làng xóm Hoà Bình	400
6	Từ QL 37 + 80m đi trường THCS Hương Sơn (Đường La Sơn)	500
6.1	- Từ cách QL 37(80m) đến cổng trường THCS Hương Sơn	300
7	Từ QL 37 đến giáp đất sân vận động	700
8	Từ Quốc lộ 37 đi vào Ban Chỉ huy Quân sự	
8.1	Từ Quốc lộ 37 + 30m đi vào Ban Chỉ huy Quân sự	800
8.2	Từ cách quốc lộ 37: 30m đến cổng Ban Chỉ huy Quân sự	500
9	Từ cầu Bằng đi xuôi sông Đào đến cầu Vòng cũ	2.200
9.1	- Từ cầu Vòng cũ đến cổng UBND TT Hương Sơn	1.700
10	Từ cầu Vòng cũ + 200m đi xóm Hoà Bình	400

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
10.1	- Từ cách Vòng cũ 200m đến cổng xóm Hoà Bình	300
11	Từ đầu cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ) Đi ngược dòng chảy	
11.1	- Từ cầu Bằng Úc Sơn + 500m	700
11.2	- Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 500m đến cách đầu cầu Đoàn Kết 100m	300
11.3	- Từ cầu Đoàn Kết đi xuôi, ngược dòng 100m	600
11.4	Từ cầu Đoàn Kết vào xóm Đoàn kết	
-	Từ cầu Đoàn Kết vào 100m	500
-	Từ cách cầu Đoàn Kết 100m vào đến nhà văn hoá xóm Đoàn Kết	350
12	Từ cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ) đi xuôi dòng chảy 400m	500
13	Từ cầu Bằng Úc Sơn đi Tân Thành	
13.1	- Từ cầu Bằng Úc Sơn + 100m	2.000
13.2	- Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 100m đến 400m	1.500
13.3	- Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 400m đến 600m	800
13.4	- Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 600m đến 1000m	400
14	Từ cầu Mỹ Sơn đi các phía 100m	300
15	Từ cầu Vườn Nhanh (sau UBND huyện) đến cổng trường THCS Hương Sơn	300
16	Vị trí đất phía sau giáp đất chợ Úc Sơn từ phía Đông đến phía Bắc (phía đông giáp bờ sông, phía bắc cách đường Tân Thành 20m)	500
III	XÃ KHA SƠN	
1	Ngã tư Cầu Ca đi Hà Châu	
1.1	- Ngã tư Cầu Ca + 150 m	800
1.2	- Cách ngã tư Cầu Ca 150 m đến hết đất xã Kha Sơn	300
2	Ngã tư Cầu Ca đi Thanh Ninh	
2.1	- Ngã tư Cầu Ca + 100m	600
2.2	- Từ cách ngã tư Cầu Ca 100m đến ngã ba xóm Hoà Bình xã Thanh Ninh	500

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2.3	- Từ ngã ba xóm Hoà Bình đi Thanh Ninh đến hết đất Kha Sơn	400
3	Từ quốc lộ 37 (ngã tư chợ Đồn) đi Lương Phú	
3.1	- Từ quốc lộ 37 (ngã tư chợ Đồn) + 200m	400
3.2	- Từ cách quốc lộ 37 200m đi Lương Phú đến hết đất Kha Sơn	240
4	Từ quốc lộ 37 (ngã tư chợ Đồn) + 200m đi vào chợ Đồn	500
IV	XÃ DƯƠNG THÀNH	
1	Từ bưu điện văn hoá xã + 200m đi Thanh Ninh	300
2	Từ bưu điện văn hoá xã + 100m đi Phúc sơn	300
3	Từ địa giới xã Phúc Sơn + 200m đi Thanh Ninh	300
4	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã Dương Thành	
4.1	- Từ ngã ba + 100m đi UBND xã Dương Thành	300
4.2	- Cách ngã ba 100m đến 200m	240
5	Các đoạn còn lại đường Lữ Vân cầu Ca	240
V	XÃ LƯƠNG PHÚ	
1	Từ đầu cầu Thanh Lang đi 2 phía	
1.1	- Từ cầu Thanh Lang + 100m đi 2 phía	400
1.2	- Từ cách cầu Thanh Lang 100 m đến cầu Thủng	240
2	Từ cầu Lang Tạ đi Kha Sơn	
2.1	- Từ cầu Lang Tạ + 200m đi Kha Sơn	400
2.2	- Từ cách cầu lang Tạ 200 m đi Kha Sơn đến hết địa phận xã Lương Phú	240
3	Từ cầu Lang Tạ đến ngã ba đường vào xóm Phú Hương	240
4	Từ cầu lang Tạ đi ngược sông lên Cầu Thủng 150m	300
5	Từ cầu Lang Tạ đi xóm Việt Ninh (theo bờ đê)	
5.1	- Từ cầu Lang Tạ + 200m	250
5.2	- Từ cách cầu Lang Tạ 200 m đến 300m	240
6	Từ ngã tư trạm y tế xã Lương Phú + 1600m đi xóm Mảng	240

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
VI	XÃ ÚC KỲ	
1	Từ ngã 3 quán Nam đi xuôi Nga My 200m và đi ngược xã Diêm Thụy 200m	240
VII	XÃ NGA MY	
1	Từ cổng chợ quán chè đi xuôi, đi ngược đường đê 200m	300
2	Các đoạn còn lại đường tỉnh lộ 266 địa phận Nga My	240
3	Từ ngã ba đường trục 266 đến kho quán Nga My	240
4	Từ ngã ba chợ quán chè đến cổng Trạm y Tế mới	240
VIII	XÃ HÀ CHÂU	
1	Từ dốc ngã tư đến giáp đất Phổ Yên	
1.1	Từ dốc ngã tư vào xóm Ngồi Đền kè số 1	300
1.2	Từ kè số 1 đến hết đất Hà Châu (giáp Phổ Yên)	240
2	Từ dốc vào UBND xã đến ngã ba xóm Hương Chúc rẽ phải, rẽ trái 50m	240
IX	XÃ TÂN HOÀ	
1	Từ ngã tư trung tâm xã đi Thanh Lang 350m đi xóm Ngò 100m, đi xóm Trụ Sở 50m, đi Xóm Hân 50m	200
2	Từ đầu cầu Thanh Lang + 400m đi UBND xã	200
X	XÃ TÂN THÀNH	
1	Từ cổng UBND xã + 700m đi vào xã Hợp Tiến đi ra huyện qua ngã tư La Lễ 50m, đi La Tú 100m	200
2	Từ cổng UBND xã đi ra huyện qua ngã tư La Lễ 50m	200
3	Từ cổng UBND xã + 100m đi La Tú	200
XI	XÃ TÂN KIM	
1	Từ cổng UBND xã (+) 150m đi Tân Khánh	250
2	Từ cổng UBND xã đến ngã ba Môn Hạ	
2.1	Từ cổng UBND xã (+) 1000m đi cầu Mây	250
2.2	Từ cách cổng UBND xã 1000m đến ngã ba Môn Hạ	200
3	Từ ngã ba Môn Hạ + 150m đi Kim Đĩnh	200
SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ

Giá đất ở huyện Phú Bình

4	Từ ngã ba Kim Đĩnh đi các phía:	
4.1	- Vào 100m đi trại giống ;	170
4.2	- Vào 200m đi Đội 6 ;	170
4.3	- Vào 50m đi Đội 2 ;	170
4.4	- Vào 50m đi Đội 1	170
5	Từ cổng UBND xã (+) 1000m đi làng Châu	170
XII	XÃ TÂN KHÁNH	
1	Từ cổng UBND xã + 100 m đi Bảo Lý	400
2	Từ cổng UBND xã + 100 m đi Bàn Đát	400
XIII	XÃ TÂN ĐỨC	
1	Từ đầu cầu Bằng đi ngược, xuôi 100m hai bờ sông Đào	300
2	Từ cổng chính chợ đi + 200m đi xóm Diễn	400
3	Từ cổng chính chợ đi xóm Ngoài	
3.1	- Từ cổng chính chợ + 200m	400
3.2	- Từ cách cổng chính chợ 200m đến 300m	200
4	Từ cổng chính chợ đến đầu cầu Bằng	400
5	Từ ngã 3 xóm ngoài đi nhà văn hoá xóm Ngọc Lý	
5.1	Từ ngã 3 xóm ngoài + 200m đi trường tiểu học	300
5.2	Từ sau 200m đến nhà văn hoá xóm Ngọc Lý	200
XIV	XÃ XUÂN PHƯƠNG	
1	Từ cổng UBND xã đến cổng Na Oan	400
2	Từ cổng Na Oan đến QLô 37	300
3	Từ cầu bằng gốc đa đi Tân Kim hết địa phận xã	400
4	Từ ngã ba UBND xã đến chợ Đình	300
5	Từ ngã ba đường Quốc lộ 37 đến gốc đa (cầu Mây cũ)	600
6	Từ gốc đa (cầu Mây cũ) đến lò vôi (đường đi Bảo Lý)	400
XV	XÃ NHẢ LỘNG	
1	Đất phía sau giáp đất chợ	300
SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ

2	Từ QL 37 đi qua cổng nhà thờ 50m	240
XVI	XÃ ĐIỀM THUY	
1	Từ ngã tư Diềm Thụy đi quốc lộ 3 đến giáp đất Phở Yên	350
2	Từ ngã tư Diềm Thụy đến gặp đường 261 (đi Phở Yên)	300
3	Đường 266: Từ ngã ba đường rẽ 261 đi xuôi đến hết đất xã Diềm Thụy	250
4	Từ QL 37 đến cổng trường Tiểu học Diềm Thụy	250
5	Đường 261: Từ ngã ba đi Phở Yên hết đất Diềm Thụy	250
XVII	XÃ THƯỢNG ĐÌNH	
1	Quốc lộ 37 + 100m vào UBND xã	250
2	Cổng trường cấp I Thượng Đình + 150m đi hai phía	250
XVIII	XÃ BẢO LÝ	
1	Từ cổng Chi nhánh vật tư nông nghiệp (+) 200m đi UBND xã Bảo Lý	400
2	Từ cầu Vạn Giã: + 200m đi ngược UBND xã Bảo Lý; Từ cầu Vạn Giã: + 200 đi xuôi cầu Mây	250
3	Từ cầu Bằng Bảo Lý đi xuôi 200m; đi ngược Đào Xá 300m	300
4	Từ cầu Bằng Bảo Lý đến ngã 3 xóm Thượng	
4.1	Từ cầu Bằng Bảo Lý đến cổng trường mầm non	400
4.2	Từ trường mầm non đến ngã ba xóm Thượng	350
XIX	XÃ ĐÀO XÁ	
1	Từ ngã ba kè lũ yên đi xuôi 200m, đi ngược 200m	500
2	Từ cách ngã ba kè lũ yên qua 200 m đi xuôi Bảo Lý đến 400m	400
3	Từ cách ngã ba kè lũ yên 200 m đi ngược sông đến 300m	300
4	Từ đầu cầu vòng xóm Dẫy đi ngược sông 200m, đi xuôi sông 200m	300
5	Từ đầu kè lũ yên + 200m đi Bàn Đát	300
XX	XÃ THANH NINH	
1	Từ cổng UBND xã đi Cầu Ca đến hết địa phận xã	400
Số TT	TÊN ĐƯỜNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ

2	Từ cổng UBND xã đi Dương Thành đến ngã ba rẽ xóm Tiên Phong	400
2.1	- Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong đến cổng trường cấp I, cấp II Thanh Ninh	300
2.2	- Từ cổng trường cấp I, II Thanh Ninh đến giáp đất Dương Thành	250
3	Từ ngã ba + 300m đi xóm Tiên Phong	250
4	Từ cổng UBND xã + 100 m đi xóm Đồng Trong	250

Phụ lục số 05:
VỀ GIÁ ĐẤT Ở BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH,
THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP
BÀN HUYỆN ĐỒNG HỖ

KHU
TRÊN ĐỊA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	Trục quốc lộ 1B	
1	Từ cầu Cao Ngạn đến cách ngã 3 xã Hoá Thượng 200m	1.500
2	Ngã 3 xã Hoá Thượng về các phía 200m	2.000
3	Cách ngã xã Hoá Thượng 200m đến km số 7	1.500
4	Từ Km số 7 qua UBND xã Hoá Trung 100m	700
5	Cách UBND xã Hoá Trung 100m đến Km 9 + 500	500
6	Từ Km 9 + 500 đến Km số 12	400
7	Từ Km 12 đến hết địa phận xã Quang Sơn	600
B	Trục quốc lộ 1B cũ (từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến ngã ba xã Hoá Thượng)	
1	Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên (HTX Cờ Hồng) đến công Bà Tành	3.500
2	Từ công Bà Tành đến hết đất hiệu thuộc Đồng Hỷ	4.500
3	Từ giáp đất hiệu thuộc Đồng Hỷ đến hết đất kiốt xăng Trạm Vật tư Nông nghiệp	3.500
4	Từ giáp đất kiốt xăng (Trạm Vật tư NN) đến đường rẽ vào Quân khu I	3.000
5	Từ đường rẽ vào Quân khu I đến Lũ 575	2.000
6	Từ đường rẽ Lũ 575 đến cách ngã 3 xã Hoá Thượng 200m	1.800
C	Trục đường 269	
1	Đường tròn Chùa Hang đến giáp đường rẽ vào nhà văn hóa tổ 19- TT Chùa Hang	4.500
2	Từ đường rẽ vào nhà văn hóa tổ 19 đến Cầu Đò	3.000
3	Từ cầu Đò đến hết đất kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm	2.000
4	Từ giáp Kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm đến cầu Linh Nham	1.500

Giá đất ở huyện Đồng Hỷ

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
5	Từ cầu Linh Nham đến hết đất UBND xã Linh Sơn	500
6	Từ giáp đất UBND xã Linh Sơn đến cách chợ Nam Hoà 200m	300
7	Chợ Nam Hòa về hai phía 200m	700
8	Từ cách chợ Nam Hoà 200m đến cầu Thác Lạc	500
9	Từ cầu Thác Lạc đến đường tàu quặng	800
10	Từ đường tàu quặng đến cầu đợi chờ	1.000
11	Từ cầu Đợi Chờ đến đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi (cạnh nghĩa trang Trại Cau)	600
12	Từ đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi đến cầu Đã	500
13	Từ cầu Đã đến cách UBND xã Hợp Tiến 500m	500
14	UBND xã Hợp Tiến + 500m về các phía	600
15	Từ cách UBND xã Hợp tiến 500m đến hết đất xã Hợp Tiến	500
D	Các trục đường liên xã	
I	Thị trấn Chùa Hang	
1	Từ trục Quốc lộ 1B cũ nối với đường 269 (Cạnh chợ Chùa Hang)	4.500
2	Các tuyến đường rẽ từ trục Quốc lộ 1B cũ	
2.1	- Từ Quốc lộ 1B cũ đi hết đường Thanh niên	1.500
2.2	- Từ Quốc lộ 1B cũ đi Trung tâm Dạy nghề huyện	
	+ Từ Quốc lộ 1B cũ đến cổng Trung tâm Dạy nghề	1.200
	+ Từ cổng TT dạy nghề vào hết đường quy hoạch dân cư của Công ty Lâm sản	900
2.3	- Trục đường từ QL 1B cũ đến giáp đất sân bay Đồng Bầm (lối rẽ đối diện lò vôi)	1.000
2.4	- Từ Qlộ 1B cũ đến hết Núi Phấn (lối rẽ đối diện đường vào khu TTVH Chùa Hang)	1.000
2.5	- Từ Qlộ 1B cũ vào 100m đi trường cấp 2 Đồng Bầm(lối rẽ đối diện đường Thanh niên)	1.000
2.6	- Từ Qlộ 1B cũ vào 100m đối diện đường với Công ty Cổ phần VLXD Thái Nguyên	1.200

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
2.7	- Từ Quốc lộ 1B cũ đến hết đường đá vào trường cấp 2 Đồng Bầm	1.000
2.8	- Đường vào khu dân cư Đá Xẻ (sau nhà văn hoá khu vực 2 + 3)	1.000
2.9	- Các tuyến đường rẽ còn lại từ QLô 1B cũ vào 100m (đã được đổ bê tông rộng 3m trở lên)	1.000
3	Trục đường từ đường tròn Chùa Hang đi đường tròn Núi Voi	
3.1	- Từ đường tròn Chùa Hang vào 200m	3.500
3.2	- Từ cách đường tròn Chùa Hang 200m đến đường rẽ đường Thanh niên	2.000
3.3	- Từ đường rẽ đường Thanh niên đến cách đường tròn Núi Voi 100m	1.500
3.4	- Đường tròn Núi Voi + 100m về các phía (Cao ngạn, Chùa Hang, Núi Còi)	2.000
3.5	- Cách đường tròn Núi Voi 100m đi núi còi	700
3.6	- Cách đường tròn Núi Voi 100m đi Công ty CPXM Cao Ngạn (đến hết đất thị trấn)	800
3.7	- Đường tròn Núi Voi đến trạm xá Núi Voi	1.000
4	Đường Hữu Nghị TT Chùa Hang (toàn tuyến)	1.200
5	Từ đường tròn Chùa Hang vào 100m đi nghĩa trang Ấp Thái	1.200
6	Từ đường Thanh niên nối sân vận động Chùa Hang (ngõ số 4)	1.000
7	Từ đường Thanh niên nối sân vận động Chùa Hang (ngõ số 2)	1.000
8	Các trục đường bê tông còn lại thuộc TT Chùa Hang; Mặt đường bê tông $\geq 3m$	500
9	Các trục đường còn lại chưa bê tông, nhựa thuộc TT Chùa Hang; nền đường $\geq 3m$	300
II	Xã Hoá Thượng	
1	Các tuyến đường rẽ từ trục QL1B cũ	
1.1	- Từ QL1B cũ đến cổng chính Quân khu 1	1.500

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
1.2	- Từ QL1B cũ đến lò vôi Nha Trang	500
1.3	- Các tuyến đường rẽ từ quốc lộ 1B cũ vào 200m đoạn từ cổng trường cấp 3 Đồng Hỷ đến hết đường rẽ vào nhà văn hoá xóm Hưng Thái (có đường bê tông, nhựa $\geq 3m$)	600
1.4	- QL1B cũ đến hết đất trạm 88 cũ	1.000
1.5	- QL1B cũ đến hết đất bệnh xá 43	1.000
2	Các tuyến đường rẽ từ trục đường 269	
2.1	- Đường 269 đến hết đất xóm áp Thái	800
2.2	- Đường 269 đến hết đất xóm Tân Thái đi Nhị Hòa	500
2.3	- Đường 269 đến hết đất khu dân cư xóm Tân Thái (đổi diện đường rẽ vào nhà VH xóm Tân Thái)	400
2.4	- Đường 269 đến đồi bệnh viện cũ	700
2.5	- Đường 269 đến hết đất xóm áp Thái (lối rẽ cạnh kiốt xăng)	700
2.6	- Đường 269 đến cổng trại chăn nuôi Tân Thái	400
3	Từ ngã ba (đường đi Hoà Bình) đi Trung đoàn 601-Gốc Vôi	
3.1	- Từ ngã ba km số 7 QLô 1B đến ngã tư Gò Cao	800
3.2	- Từ ngã tư Gò Cao đi Gốc Vôi (Hết địa phận xã Hóa Thượng)	400
4	Từ Quốc lộ 1B lối rẽ đường đi Hoà Bình	
4.1	+ Từ ngã ba (đường đi Hoà Bình) + 100m	700
4.2	+ Từ cách ngã ba (đường đi Hoà Bình) 100m đến đỉnh dốc Văn Hữu	400
4.3	+ Từ đỉnh dốc Văn Hữu đến cầu Mơn	300
5	Trục đường ngã tư Gò Cao đi xã Minh Lập (hết địa phận xã Hóa Thượng)	300
6	Quốc lộ 1B vào 200m đoạn Km4 + 600 đi vào núi Kháo	500
7	Quốc lộ 1B vào 200m đoạn Km4 + 500 đi vào đồi Pháo cũ	500
8	Quốc lộ 1B vào 200m đoạn Km4 + 900 đi vào xóm Đồng Thái	500

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
9	Quốc lộ 1B đi Lữ 575 (hết địa phận xã Hóa Thượng)	700
10	Quốc lộ 1B đến Đài tưởng niệm liệt sỹ	500
11	Từ đường nội quốc lộ 1B đến nhà văn hoá xóm Sơn Cầu	1.000
12	Từ nhà văn hóa xóm Sơn Cầu đến đường 359 cũ	400
III	Xã Hoá Trung	
1	Từ quốc lộ 1B đến công trụ sở Công ty Chè Sông Cầu	600
2	Trục đường từ quốc lộ 1B (giáp đất Hóa Thượng) đến cổng Lữ đoàn 575	400
3	Các đường rẽ từ Quốc lộ 1B vào 200m	
3.1	Đường bê tông hoặc nhựa (mặt đường bê tông $\geq 3\text{m}$)	400
3.2	Chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,5\text{m}$)	300
IV	Xã Quang Sơn	
1	Trục đường nhựa từ km12 đi xã Tân Long (giáp đất Tân Long)	350
2	Từ Quốc lộ 1B qua UBND xã Quang Sơn đến trường cấp 3 Trần Quốc Tuấn	1.000
3	Trục đường từ xóm Na Oai đến trường tiểu học	400
4	Trục đường từ trường cấp 3 Trần Quốc Tuấn đến trường tiểu học	400
V	Xã Linh Sơn	
1	Từ Đường 269 đến cầu treo Bến Oánh (hai nhánh)	400
2	Trục đường từ ngã ba Hùng Vương đến cầu phao Ngọc Lâm	300
VI	Xã Nam Hoà	
1	Từ đường 269 đi xã Huống Thượng (đến hết địa phận xã Nam Hòa)	300
2	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m	
2.1	đường bê tông hoặc nhựa (mặt đường bê tông $\geq 3\text{m}$)	250
2.2	Chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,5\text{m}$)	200
VII	Thị trấn Trại Cau	
1	Từ ngã ba Thương nghiệp đến công Phân viện Trại Cau	800

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
2	Từ ga 48 đến ngầm xã Cây Thị	400
3	Từ đường 269 đến nhà văn hoá tổ 7,8	400
4	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m (nền đường $\geq 3m$)	
4.1	Đường bê tông hoặc nhựa (mặt đường bê tông $\geq 3m$)	400
4.2	Chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,5m$)	300
VIII	Xã Tân Lợi	
1	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m	
1.1	Đường bê tông hoặc nhựa (mặt đường bê tông $\geq 3m$)	220
1.2	Chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,5m$)	180
IX	Xã Hợp Tiến	
1	UBND xã Hợp Tiến + 500m đi Phú Bình	500
2	Từ cách UBND xã Hợp Tiến 500m đi Phú Bình đến hết đất Hợp Tiến	200
X	Xã Cây Thị	
1	Từ giáp đất Trại Cau đến UBND xã Cây Thị	300
XI	Xã Khe Mo	
1	Trục đường từ cầu Linh Nham đi Khe Mo - Đèo khế	
1.1	- Từ cầu Linh Nham đến cách ngã 3 Chợ Khe Mo 100m	500
1.2	- Ngã 3 Chợ Khe Mo + 100m về 3 phía	600
1.3	- Từ cách Ngã 3 chợ Khe Mo 100m đi Đèo Khế (hết đất xã Khe Mo)	300
2	Cách ngã 3 chợ Khe Mo + 100m đi xã Văn Hán	200
3	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Hải Hà) đến cầu sắt	200
4	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Ao Rôm II) đến tiểu đoàn I Lữ đoàn 575	200
XII	Xã Văn Hán	
1	Trục đường Khe Mo- Văn Hán từ giáp đất Khe Mo đến cách chợ Văn Hán 100m	200
2	Chợ Văn Hán + 100m về hai phía	300
3	Cách chợ Văn Hán 100m đến trường tiểu học số 1 Văn Hán	200

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
XIII	Thị trấn Sông cầu	
1	Từ Quốc lộ 1B đến công trụ sở Công ty Chè Sông Cầu	600
2	Từ công Công ty Chè Sông Cầu đến ngã tư đường tròn thị trấn	800
3	Từ ngã tư đường tròn thị trấn đến bình phong xóm Liên Cơ đi xóm 9	600
4	Từ ngã tư đường tròn thị trấn đến đôi cây Trám xóm Tân Tiến	500
5	Từ bình phong xóm Liên Cơ đi xóm 4 đến quốc lộ 1B	500
6	Từ bình phong xóm Liên Cơ đến đôi cây Giang	350
7	Từ đôi cây Trám đến hết đường nhựa xóm 5	300
8	Từ đôi cây Giang đến cầu treo xóm 7	300
9	Từ ngã ba trạm y tế đến trạm bơm nước Công ty Chè Sông Cầu	350
10	Từ ngã ba trạm y tế đến công trường cấp II Sông Cầu	400
11	Đường nội bộ thị trấn đã bê tông hoặc nhựa có mặt đường $\geq 3,5m$	300
12	Từ đường tròn đến trung tâm văn hóa thị trấn	400
13	Từ Bình Phong xóm 4 đi La Mao đến ngã ba xóm 9	300
XIV	Xã Minh Lập	
1	Chợ Trại Cài + 200m về các phía	500
2	Từ cầu Môn đến cách chợ Trại Cài 200m	400
3	Cách chợ Trại Cài 200m đi cầu Lát đến giáp đất xã Hoà Bình	400
4	Cách chợ Trại Cài 200m qua UBND xã đến giáp đất Hóa Thượng	300
5	Cách chợ Trại Cài 200m vào 250m (đi xóm Sông Cầu)	250
6	Từ dốc Trại Cài 2 + 100m vào Hang Ne	200
7	Từ công UBND xã Minh Lập + 200m vào xóm Ao Sơn	200
8	Từ ngã ba xóm Na Ca + 200m đi Gốc Đa, Tân Lập, La Dị	200

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN - TRỤC GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
9	Từ ngã ba xóm Đoàn Kết + 200m đi Làng Chu, Theo Cày	200
10	Từ ngã ba xóm Cầu Mơn 2 + 200m đi La Đà	200
11	Từ ngàm Cà Phê vào 200m đi Đồng Sẻ	200
12	Từ ngã ba xóm Bà Đanh vào 200m đi xóm Bà Đanh 1 + 2	300
XV	Xã Hoà Bình	
1	Chợ Hoà Bình về các phía 200 mét	700
2	Cách chợ Hoà Bình 200m đến giáp đất xã Văn Lãng	200
3	Cách chợ Hoà Bình 200m đến giáp đất xã Tân Long	300
4	Cách chợ Hoà Bình 200m đến cầu Trung Thành	400
5	Từ cầu Trung Thành đến giáp đất xã Minh Lập	300
XVI	Xã Tân Long	
1	UBND xã Tân Long + 250m về hai phía	600
2	Cách UBND xã Tân Long 250m đến giáp đất Hòa Bình	300
3	Cách UBND xã Tân Long 250m đến giáp đất xã Quang Sơn	300
4	Từ ngã ba cầu Tràn đến đài tưởng niệm xã Tân Long	200
XVII	Xã Văn Lãng	
1	Từ UBND xã Văn Lãng về các phía 200m	250
XVIII	Xã Huông Thượng	
1	Trục đường từ cầu treo Huông Thượng đến ngã tư xóm Hóc	400
2	Từ ngã tư xóm Hóc đến cầu treo sông Đào xóm Sộp	200
3	Từ ngã tư xóm Hóc đến giáp đất xã Nam Hoà	250
4	Từ cầu phao Huông Trung đến đội 18 xóm Huông Trung (đường đi sang xã Linh Sơn)	200
5	Từ cổng làng xóm Trám đi xóm Huông Trung (toàn tuyến)	200
6	Từ cầu treo Huông Thượng đi xóm Cậy (toàn tuyến)	200
7	Từ cổng làng xóm Bàu đến nhà văn hóa xóm Bàu	200

Phụ lục số 06:**VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN BẮM TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI TỪ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 37	
I	Trục đường chính từ giáp đất Phú Lương đến Đèo Khé giáp đất Sơn Dương Tuyên Quang	
1	Từ giáp đất Phú Lương - Đến đường rẽ vào UBND xã Cù Vân	800
2	Từ đường rẽ UBND xã Cù Vân - Đến cầu Rùm xã Cù Vân	1.000
3	Từ cầu Rùm xã Cù Vân - Đến cầu Khe Lạnh	800
4	Từ cầu Khe Lạnh - Đến đường tàu cắt ngang xóm 11 xã Hà Thượng	1.200
5	Từ đường tàu cắt ngang xóm 11 xã Hà Thượng - Đến Km số 17 (+) 200m Thái Nguyên - Đại Từ	800
6	Từ Km số 17 (+) 200m Thái Nguyên - Đại Từ - Đến Km số 19 đường rẽ vào xóm 3 xã Hà Thượng	1.100
7	Từ Km số 19 đường rẽ vào xóm 3 xã Hà Thượng - Đến hết đất xã Hà Thượng (giáp đất xã Hùng Sơn)	1.100
8	Từ giáp đất xã Hà Thượng - Đến cổng Lâm trường	1.300
9	Từ cổng Lâm trường Đại Từ - Đến đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	1.800
10	Từ đường rẽ vào Hồ Núi Cốc - Đến đầu cầu Huy Ngạc	2.500
11	Từ đầu cầu Huy Ngạc đến đường rẽ xóm Táo xã Hùng Sơn	3.500
12	Từ đường rẽ xóm Táo xã Hùng Sơn - Đến cổng cầu Bò	4.000
13	Từ cổng cầu Bò - Đến cổng Kho bạc cũ	4.700
14	Từ cổng Kho bạc cũ - Đến Ki ốt xăng số 19 (Đối diện nghĩa trang TT Đại Từ)	4.200

Giá đất ở huyện Đại Từ

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
15	Từ Ki ốt xăng số 19 (Đối diện nghĩa trang TT Đại Từ) - Đến đường rẽ vào xóm Gò	3.200
16	Từ đường rẽ vào xóm Gò - Đến cầu Đen	2.200
17	Từ cầu Đen - Đến trạm biến áp xã Tiên Hội	1.400
18	Từ trạm biến áp xã Tiên Hội - Đến đường rẽ vào nghĩa trang xã Tiên Hội	1.500
19	Từ đường rẽ vào nghĩa trang xã Tiên Hội - Đến cầu suối Nong	1.300
20	Từ cầu suối Nong - Đến đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Dốc Đỏ)	1.300
21	Từ đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Dốc Đỏ) - Đến cầu Điệp	700
22	Từ cầu Điệp - Đến hết đất xã Tiên Hội (Giáp đất xã Bản Ngoại)	800
23	Từ giáp đất xã Tiên Hội - Đến cống Tiêu Ba Giăng	1.000
24	Từ cống Tiêu Ba Giăng - Đến đường rẽ vào xã La Bằng	700
25	Từ đường rẽ vào xã La Bằng - Đến hết đất xã Bản Ngoại	600
26	Từ giáp đất xã Bản Ngoại - Đến cách ngã 3 Khuôn Ngàn 150m	700
27	Từ ngã 3 Khuôn Ngàn (+ 150m) về 2 phía	1.000
28	Từ qua ngã 3 Khuôn Ngàn (+ 150m) đến đỉnh Dốc Mon	700
29	Từ đỉnh Dốc Mon (đường rẽ vào xã La Bằng) - Đến cầu Phú Xuyên	800
30	Từ cầu Phú Xuyên - Đến qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên 300m	1.000
31	Từ qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên 300m - Đến cầu Trà	800
32	Từ cầu Trà - Đến cầu Tây xã Yên Lãng	800
33	Từ cầu Tây xã Yên Lãng - Đến cổng trường Tiểu học xã Yên Lãng	
33.1	- Từ cầu Tây xã Yên Lãng đến ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc	1.300
33.2	- Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc đến cổng trường tiểu học Yên Lãng 1	1.500

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
34	Từ cổng trường Tiểu học xã Yên Lãng - Đến qua Ki ốt xăng Đèo Khế 100m	900
35	Từ qua Ki ốt xăng Đèo Khế 100m - Đến hết đất xã Yên Lãng (giáp đất huyện Sơn Dương - Tuyên Quang)	200
II	Trục phụ quốc lộ 37	
1	Quốc lộ 37 đi vào xã An Khánh	
1.1	- Quốc lộ 37 - Đến đường rẽ trại giống lúa An Khánh	450
1.2	-Từ đường rẽ Trại Giống lúa xã An Khánh - Đến đường rẽ (cầu Sắt An Khánh)	350
1.3	-Từ đường rẽ (cầu Sắt An Khánh) - Đến suối Nam Tiên (Hết đất xã An Khánh)	250
1.4	-Từ đường rẽ (cầu Sắt An Khánh) - Đến đầu Cầu Sắt (Hết đất xã An Khánh)	450
1.5	-Từ ngã 3 Làng Ngò xã An Khánh - Đến cầu Bà Yểng (Hết đất xã An Khánh)	
1.5.1	Từ ngã 3 Làng Ngò đến cầu Xạc Bi	300
1.5.2	Từ cầu Xạc Bi đến ngã 4 xóm Tân Tiên	250
1.5.3	Từ ngã 4 xóm Tân Tiên đến cầu Bà Yểng	300
2	Quốc lộ 37 vào Kho K9 xã Cù Vân	
2.1	-Từ quốc lộ 37 vào 100m	500
2.2	- Cách QL 37: 100m đến 300m	400
2.3	- Cách QL 37: 300m đến cổng kho K9	300
3	Quốc lộ 37 đi vào Mỏ Bắc Làng Cẩm	
3.1	- Từ QL 37 - Đến phân xưởng cơ điện Mỏ than Làng Cẩm	450
3.2	-Từ phân xưởng cơ điện Mỏ than Làng Cẩm - Đến hết đất xã Hà Thượng (Đường vào Phố Cẩm xã Phục Linh)	450
3.3	- Từ giáp đất xã Hà Thượng (Đường vào Phố Cẩm xã Phục Linh) - Đến Cầu xóm Cẩm 2 xã Phục Linh	400
3.4	-Từ cầu xóm Cẩm 2 xã Phục Linh - Đến cầu Đát Ma (Giáp đất huyện Phú Lương)	300
4	Quốc lộ 37 vào Kho Muối xã Hà Thượng (xóm 6 + xóm 7)	

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4.1	- QL 37 vào 100m	460
4.2	- Cách QL 37: 100m - Đến cổng Kho Muối	345
4.3	Đường nhánh của trục đường từ QL 37 vào kho muối (xóm 6 + 7)	
4.3.1	- Từ cổng kho muối vào đến hết đất ở nhà ông Tạc Văn Long	276
4.3.2	- Từ đất nhà bà Tạc Thị Thủy đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Khuê	276
4.3.3	- Trục đường đi hai bên đường sắt từ nhà bà Đỗ Thị Ân đến hết đất ở nhà ông Đỗ Văn Toàn	299
5	Quốc lộ 37 (Đường mở Thiếc) đi qua UBND xã Phục Linh sang Tân Linh	
5.1	- QL 37 vào 100m	400
5.2	- Cách QL 37: 100m Đến cổng UBND xã Phục Linh (+) 200m (Đường đi Tân Linh)	400
5.3	- Từ cổng UBND xã Phục Linh (+) 200m đến giáp đất xã Tân Linh	300
6	QL 37 đường vào kho KV 3 - Đến Giáp đất xã Phục Linh	
6.1	- Từ QL37 - Đến giáp đất xã Phục Linh (Ngã 3 đường đi Tân Linh)	575
6.2	- Nhánh của trục đường từ QL37 đi kho KV3 (vào xóm 3 + 4 xã Hà Thượng)	
	- Từ trục đường đi kho KV3 vào đến hết đất ở nhà ông Chu Văn Doanh và ông Trần Đại Bằng (đường vào đầm Khe Vối)	276
7	Quốc lộ 37 vào xóm 1 xã Hà Thượng	
7.1	-Từ QL 37(Cạnh nhà ông Vũ Văn Luân) vào hết đất ở nhà ông Vũ Văn Mùi	299
8	Quốc lộ 37 (Cây đa Thùng Diệu cũ) vào xóm 1	
8.1	- Từ QL 37 vào 100m	345
8.2	- Cách QL 37: 100m vào đến hết đất ở nhà ông Phạm Văn Dũng; ông Nguyễn Đức Huy; ông Vũ Tiến Lãng	299

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8.3	Các nhánh của trục đường từ QL 37 (cây đa Thùng Diều cũ vào xóm 1)	
8.3.1	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Đức; ông Nguyễn Văn Đạt; ông Nguyễn Văn Tuyên	276
8.3.2	- Từ trục đường vào đến hết đất ở nhà bà Trần Thị Ong, ông Trần Thanh Bình, ông Vũ Văn Hợi	253
9	Quốc lộ 37 (Cạnh nhà bà Nguyễn Thị Tuyết) vào nhà văn hoá xóm 1	
9.1	- Từ QL 37 vào đến nhà văn hoá xóm 1	345
9.2	- Từ nhà văn hoá xóm 1 đến hết đất ở nhà ông Nguyễn Xuân Trường	322
9.3	- Từ giáp đất ở nhà ông Nguyễn Xuân Trường đến hết đất ở nhà bà Nguyễn Thị Miên	299
9.4	Các nhánh của trục đường từ QL 37 (cạnh nhà bà Nguyễn Thị Tuyết) vào xóm 1	
9.4.1	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà bà Lê Thị Chinh; ông Nguyễn Vũ Quảng	276
9.4.2	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà ông Đinh Đức Ngọc	276
9.4.3	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà ông Đỗ Huy Ân	276
9.4.4	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Sỹ; bà Trần Thị Hương; ông Nguyễn Văn Chiến	276
9.4.5	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà bà Đào Thị Liễu	276
9.4.6	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà bà Nguyễn Thị Xuyên; ông Trần Văn Dầu	276
9.4.7	- Từ trục đường vào hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Thuận; ông Nguyễn Công Canh	230
9.4.8	- Từ đường vào hết đất ở nhà bà Đinh Thị Tý	322
9.4.9	- Từ đường trục qua nhà bà Trần Thị Minh đến hết đất ở nhà ông Chu Văn Hoá	299
10	Các đường từ Quốc lộ 37 vào xóm 2 xã Hà Thượng	
10.1	- Đường từ QL 37 (Cổng Góc Sĩa) vào hết đất ở nhà bà Nguyễn Thị Hợi; ông Lê Duy Khánh	299

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
10.2	- Đường từ QL 37 (trước cửa nhà bà Nguyễn Thị Hoa) vào đến giáp đất ao cá Hợp tác xã	345
	Các nhánh của trục đường từ QL 37 (trước cửa nhà bà Nguyễn Thị Hoa) vào ao cá hợp tác xã	
10.2.1	- Đường nhánh từ ao cá hợp tác xã đến hết đất ở nhà ông Phùng Xuân Thi	322
10.2.2	- Đường nhánh từ trục đường vào hết đất ở nhà ông Vũ Xuân Thơm; ông Tăng Văn Chính; ông Tạ Quang Viên; ông Vũ Xuân Thái; ông Phạm Ngọc Quang	299
10.3	Từ Quốc Lộ 37 (Cạnh nhà ông Bùi Văn Lập; vào đến đất ở nhà ông Bùi Văn Mão; ông Bùi Văn Tuyền)	299
10.4	Đường từ QL 37 (cạnh nhà ông Đào Hồng Trang) vào	
10.4.1	- Từ QL 37 (cạnh nhà ông Đào Hồng Trang) đến hết đất ở nhà ông Phạm Văn Mùi	345
10.4.2	- Từ giáp đất ở nhà ông Phạm Văn Mùi vào đến hết đất ở nhà ông Nguyễn Xuân Trọng; ông Nguyễn Xuân Chức	299
10.5	Đường từ QL 37 (cạnh nhà bà Trần Thị Toàn) vào:	
10.5.1	- Từ QL 37 (cạnh nhà bà Trần Thị Toàn) vào hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Quảng	345
10.5.2	- Từ giáp đất ở nhà ông Nguyễn Văn Quảng đến hết đất ở nhà bà Nguyễn Thị Khiên; ông Nguyễn Văn Mạnh	299
11	Quốc Lộ 37 (cạnh nhà bà Nguyễn Thị Lý) vào kho K10 (xóm 5 Hà Thượng)	
11.1	- Từ QL 37 đến đường sắt cắt ngang	345
11.2	- Từ đường sắt cắt ngang đến hết đất ở nhà ông Tạc Văn Chung	322
11.3	- Từ giáp đất ở nhà ông Tạc Văn Chung đến cầu bê tông cửa nhà ông Nguyễn Văn Hà	299
11.4	Các nhánh của trục đường từ QL 37 (cạnh nhà bà Nguyễn Thị Lý) vào kho K10 xóm 5	
11.4.1	- Từ đường trục (ngã ba nhà ông Sái Văn Rỹ) theo đường sắt đến hết đất ở nhà bà Trần Thị Ngọc (cầu đường sắt)	288
11.4.2	- Từ đường trục vào đến hết đất ở nhà ông Nông Văn Chúc; ông Hầu Quốc Sinh	288

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
11.4.3	- Từ đường trục vào hết đất ở nhà ông Tạc Văn Lợi; bà Vũ Thị Mùi; ông Tạc Văn Ngân; ông Hoàng Văn Khoa	253
11.4.4	- Từ đường trục cửa nhà ông Nguyễn Văn Hà vào đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng	230
11.4.5	- Từ giáp đất ở nhà ông Nguyễn Văn Dũng đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Sửu; ông Hoàng Văn Dần; bà Hoàng Thị Văn	184
12	Đường từ QL 37 vào xã Tân Linh đi Phú Lạc	
12.1	- Quốc lộ 37 vào 100m	690
12.2	- Từ cách QL37: 100m - Đến đỉnh Dốc Đá	575
12.3	- Từ đỉnh Dốc Đá - Đến cách ngã ba đường rẽ xã Phục Linh 100m	350
12.4	- Từ cách ngã ba (đường rẽ xã Phục Linh) 100m - Đến nhà văn hoá xóm 12 xã Tân Linh	450
*	Nhánh từ ngã ba Tân Linh đi xã Phục Linh	
	- Từ ngã ba (+) 150m	400
	- Cách ngã ba 150m đến giáp đất xã Phục Linh	300
12.5	- Từ nhà văn hoá xóm 12 xã Tân Linh - Đến cầu vược xanh xã Tân Linh	350
12.6	- Từ cầu vược xanh xã Tân Linh - Đến cổng UBND xã Tân Linh (+) 350m	500
12.7	- Từ cổng UBND xã Tân Linh (+) 350m Đến ngã ba Kiến Ninh	400
12.8	- Từ ngã ba Kiến Ninh - Đến cầu Sắt (xóm 6)	500
12.9	- Từ cầu Sắt (xóm 6) - Đến cách ngã 4 Thái Ninh 150m	300
12.10	- Từ cách ngã 4 Thái Ninh 150m - Đến qua ngã 4 Thái Ninh 150m	500
12.11	- Từ qua ngã 4 Thái Ninh 100m - Đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất Phú Lạc)	300
13	Quốc Lộ 37 đến suối Bát xóm Liên Giới	
13.1	- Từ QL37 vào 100m	460
13.2	- Từ cách QL 37: 100m đến 350m	368

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
13.3	- Từ sau 350m đến Suối Bát xóm Liên Giới	299
13.4	Các nhánh của trục đường từ QL37 đến Suối Bát xóm Liên Giới	
13.4.1	- Từ đường trục vào hết đất ở nhà ông Đức	242
13.4.2	- Từ đường trục vào hết đất ở nhà ông Linh	207
13.4.3	- Từ đường trục vào hết đất ở nhà ông Chung	207
13.4.4	- Từ đường trục vào hết đất ở nhà bà Khanh Sỹ	242
14	Quốc Lộ 37 vào núi Chiếm xóm Liên Giới	
14.1	- Từ QL37 vào 100m	460
14.2	- Từ cách QL 37: 100m đến ngã ba đường rẽ vào nhà bà Ngôn	345
14.3	Các nhánh của trục đường của QL 37 vào núi Chiếm xóm Liên Giới	
14.3.1	- Từ trục đường vào đến hết đất ở nhà ông Tài	276
14.3.2	- Từ trục đường (ngã ba đường rẽ vào nhà bà Ngôn) đến hết đất ở nhà bà Điền	207
15	Từ quốc lộ 37 vào nhà văn hoá xóm Liên Giới đến hết đất ở nhà ông Thường	460
16	Từ quốc lộ 37 vào hết đất ở nhà ông Nhuận	288
17	QL 37 đi cầu Phà Điệp	
17.1	- QL 37 vào 100m	575
17.2	- Từ cách QL 37: 100m đến 350m	460
18	Quốc lộ 37 vào hết đất ở nhà ông Huân	460
19	Quốc lộ 37 vào hết đất ở nhà bà Tường	
19.1	- Từ QL37 vào 100m	288
19.2	- Từ cách QL 37: 100m đến hết đất ở nhà bà Tường	230
20	Đường từ quốc lộ 37 đi qua trường THCS xã Hùng Sơn đến giáp đường đi xóm Đồng Cả	
20.1	- QL 37 vào: 100m	700
20.2	- Từ cách QL37: 100m đến giáp đường đi xóm Đồng Cả xã Hùng Sơn	500

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
21	Quốc lộ 37 vào trường Tiểu học Hùng Sơn 1	
21.1	- QL37 đến cổng trường Tiểu học Hùng Sơn 1	575
21.2	Các nhánh của trục đường từ QL 37 vào trường Tiểu học Hùng Sơn 1	
21.2.1	- Từ trục đường vào đến hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Quang và ông Trần Văn An	414
21.2.2	- Từ đường trục vào đến hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Giai	460
21.2.3	- Từ đường trục vào đến hết đất ở nhà bà Phan Thị Khánh	345
21.2.4	- Từ cổng trường Tiểu học Hùng Sơn 1 đến hết đất ở nhà ông Trần Văn Minh	345
21.2.5	Từ giáp đất ở nhà ông Trần Văn Minh đến hết đất ở nhà bà Nguyễn Thị Thủy	276
22	Quốc lộ 37 đến hết đất nhà ông Nguyễn xóm Đồng Cả	
22.1	- Từ quốc lộ 37 - Đến cổng trường Mầm non Hùng Sơn I	800
22.2	- Từ cổng trường Mầm non Hùng Sơn I - Đến ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy	400
22.3	- Từ ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy - Đến hết đất ở nhà ông Nguyễn xóm Đồng Cả	300
23	Quốc lộ 37 - vào xóm Táo xã Hùng Sơn	
23.1	- Từ quốc lộ 37 - Đến nhà văn hoá xóm Táo xã Hùng Sơn	1.380
23.2	- Từ nhà văn hoá xóm Táo xã Hùng Sơn - Đến đường nam Sông Công	1.150
24	Từ quốc lộ 37 - Đến cổng trường PTTH Đại Từ	1.500
25	Đất ở thuộc lô 2 sau bên xe khách Đại Từ	1.200
26	Quốc lộ 37 vào đường Đồng Khốc - Đến giáp đường vào Trung tâm Y tế Đại Từ	
26.1	-Từ quốc lộ 37 đến đường rẽ trường Mầm non thị trấn Đại Từ	2.800
26.2	- Từ đường rẽ trường Mầm non thị trấn Đại Từ - Đến giáp đường vào Trung tâm Y Tế	1.300
27	Từ quốc lộ 37 (Cầu Tây Phố Mới) - đến cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ	1.300

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
28	Quốc lộ 37 vào đến cổng UBND huyện Đại Từ	1200
29	Đường từ quốc Lộ 37 (ngã ba bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
29.1	- Từ Quốc Lộ 37 (ngã 3 bách hoá) đến cầu Thông	1.600
29.2	- Từ cầu Thông - Đến hết đất khu di tích 27 tháng 7	1.300
29.3	- Từ hết đất khu di tích 27 tháng 7 đến đường rẽ xóm Gò	900
29.4	- Từ đường rẽ xóm Gò - Đến hết đất xã Hùng Sơn	700
29.5	- Từ giáp đất xã Hùng Sơn - Đến Bình Phong xã Khôi Kỳ	500
29.6	- Từ Bình Phong xã Khôi Kỳ - Đến đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (Đường 1) giáp nhà ông Thủy	450
29.7	- Từ đường rẽ UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thủy đến cầu Xây (giáp nhà ông Hùng)	300
29.8	- Từ cầu Xây (giáp nhà ông Hùng) xã Khôi Kỳ - Đến UBND xã Mỹ Yên (+) 200m	
29.8.1	+ Từ cầu xây (giáp nhà ông Hùng) đến trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn)	250
29.8.2	+ Từ trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn) đến UBND xã Mỹ Yên (+) 200m	400
29.9	Các nhánh của trục đường từ QL 37 (ngã ba bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
29.9.1	- Từ trục đường vào đến qua cổng Trung tâm Chính trị 50m	600
29.9.2	- Từ giáp đất 27 tháng 7 đến cổng trường cấp III cũ	500
29.9.3	- Đường bê tông từ giáp đất nhà ông Thủy đến UBND xã Khôi Kỳ	200
30	Quốc lộ 37 vào nhà máy nước	
30.1	- Từ quốc lộ 37 - Đến hết đất nhà máy nước	1.035
30.2	- Từ hết đất nhà máy nước - Đến giáp bờ sông	575
31	Quốc lộ 37 đến cổng trường Tiểu học xã Tiên Hội	450
32	Từ quốc lộ 37 (Dốc Đỏ) vào xã Hoàng Nông	
32.1	-Từ QL 37 - Đến hết đất trường THCS xã Tiên Hội	300
32.2	- Từ hết đất trường THCS Xã Tiên Hội - Đến hết đất xã Tiên Hội	300

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
32.3	- Từ giáp đất xã Tiên Hội - Đến ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông	250
32.4	- Từ ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông - Đến trạm Kiểm lâm Hoàng Nông	300
32.5	- Từ Trạm Kiểm lâm Hoàng Nông - Đến đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông	200
32.6	- Từ đỉnh dốc Thủy điện cũ xã Hoàng Nông - Đến cống qua đường (giáp nhà ông Ngôn)	200
32.7	Từ UBND xã Hoàng Nông (+) 200m về hai phía	160
33	Từ quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) - Đến cầu Treo xã Phú Lạc	350
34	Từ quốc lộ 37 (cổng Trạm Y tế) - Đến ngã tư xóm Phồ xã Bản Ngoại	250
35	Từ quốc lộ 37 - Đến khu di tích lịch sử xóm Đàm Mua xã Bản Ngoại	160
36	Từ quốc lộ 37 đi vào xã La Bằng	
36.1	- Từ QL 37 - Đến hết xã Bản Ngoại (giáp đất xã La Bằng)	350
36.2	- Từ giáp đất xã Bản Ngoại - Đến trạm biến áp xóm Lau Sau	200
36.3	- Từ trạm biến áp xóm Lau Sau - Đến cổng trường mầm non	200
36.4	- Từ cổng trường mầm non - Đến ngã ba cây si (+) 100m (đi Phú Xuyên)	550
36.5	- Từ cách ngã ba cây Si (100m) đường đi xã Phú Xuyên - Đến hết đất xã La Bằng	200
36.6	- Từ cách ngã ba cây Si (100m)- Đến Trạm điện xóm Rừng Vân	550
36.7	Nhánh của trục đường từ QL 37 đi xã La Bằng	
	- Từ trục đường đến khu di tích thành lập Đảng (xã La Bằng)	160
37	Từ quốc lộ 37 (Dốc Mon) - Đến hết đất xã Phú Xuyên (Giáp xã La Bằng)	300
38	Quốc lộ 37 (Cây Đa đôi) vào UBND xã Na Mao	
38.1	-Từ quốc lộ 37 (Cây Đa đôi) đi xã Na Mao (+) 200m	300
38.2	- Cách quốc lộ 37: 200m - Đến UBND xã Na Mao	160

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
39	- Từ quốc lộ 37 (Đường đi Tượng đài Thanh niên Xung phong) đến hết đất xã Yên Lãng	160
40	Từ quốc lộ 37 (đường Nguyễn Huệ) - Đến ngã tư xóm Giữa xã Yên Lãng	200
41	Từ quốc lộ 37 - Đến nhà văn hoá xóm Khuôn Nanh	200
42	Từ quốc lộ 37 đi vào Mỏ than Núi Hồng xã Yên Lãng	
42.1	- QL 37 (từ ngã ba Chợ Yên Lãng) - Đến hết đất chi nhánh Ngân hàng	1.000
42.2	- Từ giáp đất chi nhánh Ngân hàng - Đến cổng Văn phòng Mỏ	800
42.3	- Từ cổng văn phòng Mỏ - Đến đường rẽ vào Bàn Cân	500
42.4	- Từ đường rẽ vào Bàn Cân - Đến núi đá Vôi (xóm cây Hồng)	350
42.5	- Nhánh từ cổng Văn phòng Mỏ - Đến (Khu B) tập thể Mỏ	300
B	TRỤC TỈNH LỘ	
I	Đường 270 (Từ quốc lộ 37 đi Hồ Núi Cốc)	
1	Từ quốc lộ 37 vào 300m	800
2	Cách QL37: 300m - Đến hết đất xã Hùng Sơn	500
3	Từ giáp đất xã Hùng Sơn - Đến suối Lạc	400
4	Từ suối Lạc - Đến giáp UBND xã Tân Thái	600
5	Từ UBND xã Tân Thái - Đến cổng qua đường (Nhà ông Ninh xóm gốc Mít)	800
6	Từ cổng qua đường (Nhà ông Ninh xóm Gốc Mít) - Đến hết đất xã Tân Thái	700
II	Đường 261 (ngã ba bưu điện đi Quân Chu)	
1	Từ quốc lộ 37 - Đến cầu Gò Sơn	4.500
2	Từ cầu Gò Sơn - Đến ngã 3 sân vận động	1.500
3	Từ ngã 3 sân vận động - Đến cầu Suối Tám	1.700
4	Từ cầu Suối Tám - Đến cầu Cỏ Trâu	1.000
5	Từ cầu Cỏ Trâu - Đến hết đất xã Bình Thuận	700

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
6	Từ giáp đất xã Bình Thuận - Đến cầu Đầu xã Lục Ba	500
7	Từ cầu Đầu xã Lục Ba (Km 3 + 600) - Đến đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm Đồng Mưa xã Lục Ba (Km 4 + 300)	700
8	Từ đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa (km 4 + 300) - xóm đồng Mưa xã Lục Ba - Đến đường rẽ vào xóm Gò Lớn xã Lục Ba (giáp nhà bà Trần Thị Liên) (km5 + 500)	600
9	Từ đường rẽ vào xóm Gò Lớn (Km 5 + 500) - Đến hết đất xã Lục Ba (Km 7 + 100)	450
10	Từ giáp đất xã Lục Ba - Đến đường rẽ vào xã Vạn Thọ	400
11	Từ đường rẽ vào xã Vạn Thọ - Đến đầu cầu Xí nghiệp Ký Phú	700
12	Từ đầu cầu Xí nghiệp - Đến đường rẽ cầu treo (xóm Cả) Ký Phú	700
13	Từ đường rẽ cầu Treo (Xóm Cả) - Đến hết đất xã Ký Phú	500
14	Từ giáp đất xã Ký Phú - Đến đường rẽ vào xóm Đồng Mương xã Cát Nê	300
15	Từ đường rẽ vào xóm Đồng Mương - Đến suối Đầu Cầu Cát Nê	350
16	Từ suối Đầu Cầu xã Cát Nê - Đến suối Đồng Dao hết địa phận xã Cát Nê	
16.1	- Từ suối Đầu Cầu xã Cát Nê - đến cầu Đồng Dao (xóm 3)	300
16.2	- Từ cầu Đồng Dao (xóm 3) đến đường rẽ UBND xã Quân Chu	350
17	Từ đường rẽ UBND xã Quân Chu - Đến suối đền xã Quân Chu	400
18	Từ suối đền xã Quân Chu - Đến đường rẽ xóm 2 thị trấn Quân Chu	500
19	Từ đường rẽ xóm 2 thị trấn Quân Chu - Đến cổng trường Tiểu học thị trấn Quân Chu	
19.1	- Từ đường rẽ xóm 2 thị trấn Quân Chu đến cầu sắt ông Đốc (xóm 9)	350
19.2	- Từ cầu sắt ông Đốc (xóm 9) đến cổng trường tiểu học thị trấn Quân Chu	300
20	Từ cổng trường Tiểu học thị trấn Quân Chu - Đến cầu suối Đồi	450

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
21	Từ cầu tràn suối Đồi - Đến cầu suối Liêng xã Quân Chu (xen kẽ với TT Quân Chu)	350
22	Các nhánh của trục đường 261	
22.1	Từ trục đường 261 vào Trung tâm Y tế Đại Từ	
22.1.1	- Từ đường 261 vào đến cổng Trung tâm Y tế Đại Từ	1.300
22.1.2	- Từ cổng Trung tâm Y tế đến nhà Khí tượng cũ	700
22.1.3	Các đường còn lại trong khu quy hoạch dân cư Trung tâm Y tế	400
22.2	Từ đường 261 vào trường cấp III cũ (Xóm Phú Thịnh xã Hùng Sơn)	
22.2.1	- Từ đường 261 vào 100m	900
22.2.2	- Từ đường 261 vào 100m đến giáp sân thể thao trường cấp III cũ	600
22.3	Từ đường 261 vào 300m (đi xóm Bình Xuân) xã Bình Thuận	300
22.4	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Trại) xã Bình Thuận	300
22.5	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Chùa) xã Bình Thuận	300
22.6	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thanh Phong) xã Bình Thuận	300
22.7	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thuận Phong) xã Bình Thuận	300
22.8	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Tiến Thành) xã Bình Thuận	300
22.9	Từ đường 261 vào 350m đi trường mầm non, tiểu học Bình Thuận	300
22.10	Từ đường 261 vào đến trường THSC xã Lục Ba	
22.10.1	- Từ đường 261 vào đến trường THCS Lục Ba	300
22.10.2	- Từ giáp đất trường THCS đến Trạm biến áp xóm Thành Lập	160
22.10.3	- Từ giáp đất trường THCS đến Trạm biến áp xóm Văn Thanh	160
22.11	Từ đường 261 (ngã 3 rẽ xóm 2) đến đường rẽ nhà văn hoá xóm 9 thị trấn Quân Chu	200
SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ

Giá đất ở huyện Đại Từ

22.12	Từ đường 261 + 100m vào xóm Chiếm	200
22.13	Từ đường 261 vào xã Vạn Thọ	
22.13.1	- Từ đường 261 vào đến Cầu Treo	300
22.13.2	- Từ cầu treo đến UBND xã Vạn Thọ (+) 500m	180
22.13.3	- Từ cách UBND xã Vạn Thọ 500m đến hết đất xã Vạn Thọ	160
22.14	Từ đường 261 vào xã Văn Yên	
22.14.1	- Từ đường 261 đến ngã tư Gò Quếch	250
22.14.2	- Từ ngã tư Gò Quếch đến đường vào khu dân cư xóm Đình (giáp trường tiểu học)	450
22.14.3	- Từ đường rẽ vào khu dân cư xóm đình (giáp trường tiểu học) đến đường vào khu dân cư (cửa ông Tính Hoàn)	300
22.14.4	- Từ đường vào khu dân cư (cửa ông Tính Hoàn) đến hết đất xã Văn Yên (giáp đất xã Mỹ Yên)	250
22.15	Từ đường 261 vào đến giáp hồ Gò Miếu xã Ký Phú	400
22.16	Từ đường 261 đến UBND xã Quân Chu + 100m	200
III	Đường 264 Từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Minh Tiến	
1	Từ QL37 (ngã ba Khuôn Ngàn) - Đến hết đất trường THPT Nguyễn Huệ	900
2	Từ hết đất trường THPT Nguyễn Huệ - Đến hết đất trường THCS xã Phú Thịnh	400
3	Từ giáp đất trường THCS xã Phú Thịnh - Đến cầu tràn Phú Minh	300
4	Từ cầu tràn Phú Minh - Đến ngã ba Phú Minh	450
5	Từ ngã ba Phú Minh - Đến hết đất xã Phú Thịnh (Giáp đất xã Phú Cường)	350
6	Từ giáp đất xã Phú Thịnh - Đến Km số 5 (+) 800m	300
7	Từ Km số 5 (+) 800m - Đến Km 6 (+) 200m	200
8	Từ Km 6 (+) 200m - Đến Km 8 (+) 300m	250
9	Từ Km 8 (+) 300m - Đến hết đất xã Phú Cường (Km 8 + 900)	200
10	Từ giáp đất xã Phú Cường - Đến đầm Thảm Mỡ xã Minh Tiến	160

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
11	Từ đằm Thảm Mỡ xã Minh Tiến - Đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	300
12	Từ Trạm bơm điện xã Minh Tiến - Đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất huyện Định Hoá)	200
13	Nhánh rẽ từ ngã ba chợ Minh Tiến - Đến trạm điện xóm 8 xã Minh Tiến	250
IV	Đường 263 Từ ngã ba Phú Minh - Đi huyện Phú Lương	
1	Từ ngã ba Phú Minh - Đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp xã Phú Lạc)	260
2	Từ giáp đất xã Phú Thịnh - Đến cầu Thông xóm Trại tre xã Phú Lạc	350
3	Từ cầu Thông xóm Trại tre xã Phú Lạc - Đến hết đất xã Phú Lạc	300
4	Từ UBND xã Phú Lạc đến cầu Đá xóm cây Nhừ	250
5	Từ Cầu Đá xóm Cây Nhừ đến hết đất xã Phú Lạc (giáp đất xã Tân Linh)	200
7	Từ giáp đất xã Phú Lạc - Đến cách UBND xã Đức Lương 200m	160
8	Từ UBND xã Đức Lương (+) 200m về 2 phía	300
9	Qua UBND xã Đức Lương 200m - Đến ngầm cầu Tuất xã Phúc Lương	160
10	Từ ngầm cầu Tuất - Đến hết khu quy hoạch (giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương)	250
11	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương - Đến cách UBND xã Phúc Lương 300m	160
12	Từ UBND xã Phúc Lương (+) 300m về 2 phía	200
13	Qua UBND xã Phúc Lương 300m đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất huyện Phú Lương)	160

Phụ lục số 07:**VỀ GIÁ ĐẤT Ở BẨM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính : 1.000 đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ	
I	QUỐC LỘ 3	
1	Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến Km 76	3.500
2	Từ Km 76 đến Km76 + 600	3.500
3	Từ Km76 + 600 đến Km77 + 500	2.800
4	Từ Km 77 + 500 đến Km 78 + 200 (Đến hết đất Sơn Cẩm)	2.200
5	Từ Km 78 + 200 đến Km 79 + 400	1.900
6	Từ Km 79 + 400 đến Km 80	2.100
7	Từ Km 80 đến Km81 + 600	1.800
8	Từ Km 81 + 600 đến Km83 + 300 (Cầu Giang Tiên)	1.500
9	Từ Km 83 + 300 đến Km 83 + 700	1.800
10	Từ Km 83 + 700 đến Km 84 + 800	2.000
11	Từ Km 84 + 800 đến Km 85 + 660	1.800
12	Từ Km 85 + 660 đến Km 86 + 500 (Cổng nghĩa trang Liệt sỹ Phấn Mễ)	2.000
13	Từ Km 86 + 500 đến Km 89 + 400	2.000
14	Từ Km89 + 400 đến Km90 + 400	3.000
15	Từ Km 90 + 400 đến Km 91 + 500	3.500
16	Từ Km 91 + 500 đến cầu Thác Lở	2.500
17	Từ cầu Thác Lở đến Km 93 + 100 (Hết đất TT - Đu)	2.000
18	Từ Km93 + 100 đến Km 94 + 500 (Hết đất Đuôm)	1.000
19	Từ Km 94 + 500 đến Km 96 + 800	800
20	Từ Km96 + 800 đến Km 97 + 500	700

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
21	Từ Km97 + 500 đến Km 99	800
22	Từ Km 99 đến Km 99 + 900	500
23	Từ Km 99 + 900 đến Km 100 + 100 (Ngã ba cây số 31)	800
24	Từ Km 100 + 100 đến Km 104 + 700	500
25	Từ Km 104 + 700 đến Km 108 + 300	300
26	Từ Km108 + 300 đến Km110 + 600 (Đến đường vào xã Yên Trạch)	350
27	Từ Km 110 + 600 đến Km 112	500
28	Từ Km 112 đến Km 113 + 250 (Đến đường vào xóm Bắc Bé)	350
29	Từ Km 113 + 250 đến Km 113 + 800	500
TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 3		
1	Từ quốc lộ 3 đường đi cầu Bến Giềng xã Sơn Cầm	
1.1	Từ quốc lộ 3 đi bến Giềng vào hết đất chợ	1.800
1.2	Từ giáp đất chợ Góc Bàng đến ngã ba sau UBND xã Sơn Cầm	1.500
1.3	Từ ngã ba rẽ Bến Giềng đến cầu Bến Giềng	800
1.4	Từ ngã ba rẽ Bến Giềng đến Trường Đào tạo Mỏ	900
1.5	Từ ngã ba rẽ công Trường Đào tạo mỏ + 500m Đồng Xe	400
2	Từ quốc lộ 3 (đoạn trạm kiểm soát lâm sản) đến đường rẽ Bến Giềng (ngã ba sau UBND xã)	1.000
3	Đường vào Mỏ than Khánh Hoà	
3.1	Từ quốc lộ 3 đến đường sắt (đi Mỏ than Khánh Hoà)	3.000
3.2	Từ đường sắt đến Văn phòng Mỏ than Khánh Hoà	2.000
3.3	Từ Văn phòng Mỏ đến ngân tư chợ Mỏ than Khánh Hoà	1.500
3.4	Từ ngã tư chợ Mỏ than Khánh Hoà + 200m đi 3 phía	1.100
4	Từ quốc lộ 3 đến cầu Trắng 2 (đường đi trại giam Phú Sơn 4)	1.500
5	Từ QL3 đến trường Tiểu học Sơn Cầm I	1.500
6	Từ quốc lộ 3 + 150m đi kho gạo cũ	1.000
7	Từ quốc lộ 3 Km0 + 180 đến cầu Lồng Bồng (đường đi Phú Đô)	800

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
8	Từ quốc lộ 3 đến Bàn Cân mỏ than Phấn Mễ	500
9	Từ quốc lộ 3 đến chân đồi Chủ nhất	500
10	Từ quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên	1000
11	Từ quốc lộ 3 đến cầu Suối Mán (đường vào UBND xã Phấn Mễ)	800
12	Từ cầu Suối Mán đến ngã tư làng Bò Phấn Mễ	400
13	Từ quốc lộ 3 đến Cầu treo làng Cọ Phấn Mễ	1.200
14	Từ quốc lộ 3 đến công Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương	1.800
15	Từ quốc lộ 3 đến hết đất khu dân cư Ngân hàng, Thương nghiệp	1.800
16	Từ Bưu điện Phú Lương đến hết đất TT- Đu (đi xã Yên Lạc)	1.200
17	Từ quốc lộ 3 đi TT Bồi dưỡng Chính trị huyện đến giáp đường đi Yên Lạc	1.200
18	Từ quốc lộ 3 vào cổng Huyện đội	800
19	Từ quốc lộ 3 đến + 1500m (đường đi Phú Đô)	200
20	Đoạn còn lại đến giáp đất Yên Lạc	160
21	Từ quốc lộ 3 đến đường rẽ xóm Kém xã Yên Đô	350
22	Từ quốc lộ 3 đến cầu Trần (đi Yên Trạch)	160
23	Từ cầu Trần đến hết đất Yên Ninh	100
II	ĐƯỜNG TRÁNH QUỐC LỘ 3 ĐẾN CẦU QUÁN TRIỀU (CẦU CAO NGẠN)	
1	Từ ngã tư quốc lộ 3 + 600 m	2.000
2	Từ cách ngã tư QL3 (600m) đến 1.200m	1.300
3	Từ cách ngã tư QL3 (1.200m) đến đầu cầu Quán Triều (Cao Ngạn)	1.500
III	QUỐC LỘ 37	
1	Từ ngã ba Bờ Đậu Km0 + 100m	1.800
2	Từ cách ngã ba Bờ Đậu Km 0 + 100m đến Km0 + 500m	1.200
3	Từ cách ngã ba Bờ Đậu Km 0 + 500m đến cầu Lò Bát	800
4	Từ cầu Lò Bát đến hết đất xã Cổ Lũng (giáp đất Đại Từ)	500

Giá đất ở huyện Phú Lương

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
B	CÁC TRỤC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
I	TRỤC ĐƯỜNG 263	
1	Từ Km 0 đến Km0 + 700	1.500
2	Từ Km 0 + 700 đến Km2 (giáp đất Phủ Lý)	800
3	Từ Km 2 đến Km3 (hết đất Động Đạt)	500
4	Từ Km 3 đến Km 4	200
5	Từ Km4 đến Km6 + 800 (giáp đất Hợp Thành)	120
6	Từ Km 6 + 800 đến Km 7 + 300	120
7	Từ Km 7 + 300 đến Km 7 + 800	400
8	Từ Km 7 + 800(cầu Bến Gió) đến ngã tư Ôn Lương	500
9	Từ ngã tư Ôn Lương + 100 đi Phú Thịnh	500
10	Từ cách ngã tư Ôn Lương 100m đến hết đất ao cá Bác Hồ	350
11	Từ giáp đất ao các Bác Hồ đến hết đất Ôn Lương	300
II	TRỤC ĐƯỜNG 268	
1	Từ Km 0 đến Km0 + 100	500
2	Từ Km 0 + 100 đến Km 2	200
3	Từ Km2 đến Km 2 + 400	300
4	Từ Km 2 + 400 đến giáp đất Định Hoá	200
C	CÁC TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ	
I	XÃ SƠN CẨM	
1	Từ ngã ba công trường tiểu học Tân Long đến công trường Cao đẳng Công nghiệp	1000
II	XÃ CỔ LŨNG	
1	Từ quốc lộ 3 đi làng Ngói	
1.1	Từ quốc lộ 3 + 150m	500
1.2	Từ cách quốc lộ 3 (150m) đến + 500m	300
2	Từ quốc lộ 3 + 200m đi Công trường 06	500
3	Từ quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên	1000

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
III	THỊ TRẤN GIANG TIÊN	
1	Từ quốc lộ đi cầu Đất Ma Giang Tiên	
1.1	Từ quốc lộ 3 + 200m	500
1.2	Từ cách quốc lộ 3 (200m) đến nhà văn hoá tiểu khu Giang Long	250
1.3	Từ nhà văn hoá Giang Long đến cầu Đất Ma	150
2	Từ cổng chợ Giang Tiên đi Bãi Bông	
2.1	Từ cổng chợ Giang tiên + 100m	1.000
2.2	Từ cách cổng chợ 100m đến + 300m đi Bãi Bông	350
3	Từ quốc lộ 3 + 200m đi khu hầm lò	250
4	Các trục đường không nằm trên các trục đường kể trên có mặt đường $\geq 3,5m$	160
5	Các trục đường không nằm trên các trục đường kể trên có mặt đường $< 3,5m$ nhng $> 2,5m$	120
IV	XÃ PHẤN MỄ	
1	Từ cầu làng Giang Phấn mẽ + 200m đi 2 phía	200
2	Từ quốc lộ 3 + 200m đi Tân Bình (Vô Tranh)	600
3	Từ quốc lộ 3 + 100m đi dốc Ông Thọ (đi Tức Tranh)	300
4	Từ cầu treo làng Cọ đến nhà Văn hoá làng Cọ 1	200
5	Từ quốc lộ 3 đến cầu suối máng đi UBND xã	800
6	Từ cầu Suối Máng đến ngã tư làng Bò	400
7	Từ quốc lộ 3 đến trường Tiểu học Phấn Mễ 1	600
8	Từ cầu làng Giang + 200m đi hai phía	200
V	THỊ TRẤN ĐU	
1	Từ quốc lộ 3 + 100m đi Thọ Lâm	800
2	Từ quốc lộ 3 đến cổng Trường tiểu học TT - Đu	1.200
3	Các trục đường không nằm trên các trục đường kể trên có mặt đường $\geq 3,5m$	400
4	Các trục đường không nằm trên các trục đường kể trên có mặt đường $< 3,5m$ nhng $\geq 2,0m$	250

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
VI	XÃ ĐỘNG ĐẠT	
1	Từ giáp đất TT - Đu + 500m (đường đi Yên Lạc)	700
2	Từ cách TT - Đu 500m đến Km số 3	200
3	Từ km số 3 đến hết đất Động Đạt (giáp Yên Lạc)	160
VII	XÃ YÊN ĐỒ	
1	Từ đường rẽ xóm Kèm đến Hội trường xóm Khe Lác	150
2	Từ hội trường xóm Khe Lác đến hết đất Yên Đồ	200
VIII	XÃ YÊN NINH	
1	Từ quốc lộ 3 + 200m đi Quảng Chu	300
2	Từ quốc lộ 3 + 300m đi Bắc Bé	250
3	Từ QL3 đến cầu Trần đi Yên Trạch	160
4	Từ cầu Trần đến hết đất Yên Ninh	100
IX	XÃ YÊN TRẠCH	
1	Trục đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến (Định Hoá)	
2	Từ cổng trường cấp II + 100m đi 2 phía	160
3	Các đoạn còn lại của trục đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến (thuộc địa phận xã Yên Trạch)	100
4	Từ cách cổng trường 200m đến đường rẽ cổng chợ	120
X	XÃ HỢP THÀNH	
1	Từ ngã ba chợ Hợp Thành + 300m đi UBND xã Hợp Thành	300
2	Từ ngã 3 Phú Thành đến nhà Bru điện VH xã	200
3	Từ Bru điện VH xã đến ngã ba đi tuyến đường B	150
4	Từ ngã 3 xóm làng mới đi về 3 phía 100m	200
5	Tuyến trục B Phú Thành đến làng mới	100
XI	XÃ ÔN LƯƠNG	
1	Từ trục đường 263 đến cổng UBND xã	500
2	Từ trục đường 263 + 200m đi trạm Y tế xã	300
3	Từ ngã ba sau UBND xã + 200m đi 3 phía	300
4	Đoạn đường còn lại thuộc đường làng nghề xã Ôn Lương	

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4.1	Từ Km1 + 250m đến hết nhánh 1	250
4.2	Nhánh 2 từ Km0 + 200m hết nhánh 2 đường làng nghề Ôn Lương	200
4.3	Nhánh 3 từ nối nhánh 2 Km1 + 150	200
4.4	Từ Km1 + 150 đến hết nhánh 3	250
XII	XÃ VÔ TRANH	
1	Trục đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
1.1	Từ km0 + 180 đến Km0 + 650	600
1.2	Từ Km 0 + 650 đến Km 2	400
1.3	Từ Km 2 đến Km 4 + 700	250
2	Trục đường liên thôn, liên xóm	
2.1	Từ ngã ba Bình Long + 100m đi UBND xã Vô Tranh	400
2.2	Từ ngã ba chợ cũ + 300m đi 2 phía (đi Giang Tiên, Toàn Thắng)	350
2.3	Đoạn còn lại đi Giang Tiên (đường bê tông)	200
2.4	Từ ngã ba chợ cũ + 300m đi trại giam Phú Sơn 4	350
2.5	Từ ngã tư đi xóm 3 Tân bình + 150m đi 3 phía (trừ phía xóm 4 Tân Bình)	150
XIII	XÃ TỨC TRANH	
1	Trục đường Giang Tiên - Phú Đô- Núi Phấn	
1.1	Từ Km 4 + 700 đến Km 5	250
1.2	Từ Km 5 đến Km 5 + 200	300
1.3	Từ Km 5 + 200 đến Km 6 + 100	450
1.4	Km 6 + 100 đến Km 7 + 300	500
1.5	Từ Km7 + 300 đến Km 8 + 200	300
2	Trục từ QL3 đi Tức Tranh	
2.1	Đoạn từ ngã 3 nối đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn + 100m đi Khe Cốc	300
2.2	Từ ngã 3 đường Giang Tiên, Phú Đô, Núi Phấn + 100m đi cầu Trắng	160

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2.3	Từ cầu Trắng + 500m đi Phấn Mễ	200
2.4	Từ cầu Trắng + 500m giáp đất Phấn Mễ	160
XIV	XÃ PHÚ ĐÔ (Trục đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn)	
1	Từ giáp đất Túc Tranh đến cầu Khe Vàng	160
2	Từ cầu Khe Vàng đến cầu Khe Đỏ	250
3	Từ cầu Khe Đỏ đến tràn Làng Vu 2	160
4	Tràn Làng Vu 2 đến giáp đất Yên Lạc	120
XV	XÃ YÊN LẠC	
1	Trục đường Giang Tiên - Phú Đô- Núi Phấn	
1.1	Từ Km 16 + 600 đến Km 17 + 800	160
1.2	Từ Km 17 + 800 đến Km 18 + 300	200
1.3	Từ Km18 + 300 đến Km19 + 300	120
1.4	Từ Km19 + 300 đến hết đất Yên Lạc	160
2	Trục đường liên thôn, liên xóm	
2.1	Từ ngã ba xóm Ao Lác + 200m đi UBND xã Yên Lạc	200
2.2	Từ trung tâm UBND xã Yên Lạc + 150m đi 2 phía	250
2.3	Từ trung tâm UBND xã + 100m đến cầu Yên Thủy 1	200
2.4	Từ cách ngã ba Ao Lạc + 200 đến cách UBND xã Yên Lạc 250m	160
2.5	Từ cách UBND xã 250m đến hết đất Yên Lạc	160
2.6	Từ trung tâm xóm Ó + 300m đi về 3 phía	200
2.7	Từ trung tâm xóm Ó + 300m đi phố Trào	200

Phụ lục số 08:**VỀ GIÁ ĐẤT Ở BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỊNH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
I	TRỤC ĐƯỜNG 268	
1	Xã Phú Tiến	
1.1	Từ Km 2 + 950 (giáp đất Phú Lương) đến Km 3 + 870	160
1.2	Từ Km 3 + 870 đến Km 4	200
1.3	Từ Km 4 đến đầu cầu Đen	250
1.4	Từ đầu cầu Đen đến Km 5	300
1.5	Từ Km 5 đến Km 5 + 120	250
1.6	Từ Km 5 + 120 đến Km 8 + 820 (giáp đất Bộc Nhiêu)	200
2	Xã Bộc Nhiêu	
2.1	Từ Km 8 + 820 (giáp đất Phú Tiến) đến Km 9 + 500	200
3	Xã Trung Hội	
3.1	Từ Km 9 + 500 (giáp đất Bộc Nhiêu) đến Km 10 + 900)	220
3.2	Từ Km 10 + 900 đến Km 11 + 600	230
3.3	Từ Km 11 + 600 đến Km 12 + 200	300
3.4	Từ Km 12 + 200 đến Km 12 + 400	350
3.5	Từ Km 12 + 400 đến Km 12 + 630	350
3.6	Từ Km 12 + 630 đến Km 13 + 30	420
3.7	Từ Km 13 + 30 đến Km 13 + 270	520
3.8	Từ Km 13 + 270 đến Km 13 + 500	750
3.9	Từ Km 13 + 500 đến Km 13 + 900	1.200
3.10	Từ Km 13 + 900 đến Trung tâm ngã ba Quán Vương (Km 14 + 50)	1.700
3.11	Từ Km 14 + 50 đến Km 14 + 100	1.800
3.12	Từ Km 14 + 100 đến Km 14 + 200	1.600
3.13	Từ Km 14 + 200 đến Km 14 + 300	1.300

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3.14	Từ Km 14 + 300 đến Km 14 + 500	1.000
3.15	Từ Km 14 + 500 đến Km 14 + 800	900
3.16	Từ Km 14 + 800 đến Km 15 + 500	700
3.17	Từ Km 15 + 500 đến Km 16 + 400 (giáp đất Bảo Cường)	500
4	Xã Bảo Cường	
4.1	Từ Km 16 + 400 (giáp đất Trung Hội) đến đường rẽ UBND xã Bảo Cường (nhà ông Thao)	700
4.2	Từ đường rẽ Bảo Cường (nhà ông Thao) đến đường rẽ xóm Đồng Mản (nhà ông Nhân)	800
4.3	Từ đường rẽ Đồng Mản (nhà ông Nhân) đến ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh (nhà ông Sơn)	950
4.4	Từ ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh (nhà ông Sơn) đến đường rẽ vào thôn Khẩu Bảo	1.000
4.5	Từ đường rẽ thôn Khẩu Bảo đến cầu Ba Ngạc	1.100
5	Thị trấn Chợ Chu	
5.1	Từ cầu Ba Ngạc đến đường rẽ vào xóm Thâm Tý Bảo Cường	2.000
5.2	Từ đường rẽ xóm Thâm Tý Bảo Cường đến đường rẽ xóm Bãi Á 2	3.000
5.3	Từ đường rẽ xóm Bãi Á 2 đến hết đất trạm Vật tư huyện	2.800
5.4	Từ giáp đất trạm Vật tư đến hết đất chợ Tân Lập	3.200
5.5	Từ giáp đất chợ Tân Lập đến đường rẽ vào khối cơ quan đoàn thể	3.500
5.6	Từ đường rẽ khối cơ quan đoàn thể đến cách ngã tư trung tâm huyện 50 m	4.000
5.7	Ngã tư trung tâm huyện + 50 m đi các phía (UBND huyện; Ngã ba Lương thực; Thái Nguyên)	4.500
5.8	Từ cách ngã tư trung tâm huyện 50 m đến đường rẽ vào trường PTTH	4.000
5.9	Từ đường rẽ vào trường PTTH đến đầu cầu Mới	3.200
5.10	Từ đường đầu cầu Mới đến cách ngã ba lương thực 50 m	3.300
5.11	Ngã ba lương thực + 50 m đi các phía	3.500
5.12	Từ cách ngã ba Lương thực 50 m đến hết cửa hàng xăng dầu số 22	2.000

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
5.13	Từ cửa hàng xăng dầu số 22 đến cách ngã ba xóm Nà Lài 50 m	1.200
5.14	Ngã ba Nà Lài + 50 m đi các phía	1.500
5.15	Từ cách ngã ba Nà Lài 50 m đến đường rẽ vào xóm Nà Lài (đường rẽ vào nhà ông Thịnh)	450
5.16	Từ cách ngã ba Nà Lài 50 m đến đường rẽ Ao Nặm Cắm	400
5.17	Từ đường rẽ Ao Nặm Cắm đến Km 20 + 600 (giáp đất Kim Sơn)	300
6	Xã Kim Sơn	
6.1	Từ Km 20 + 600 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 24 + 300	300
6.2	Từ Km 24 + 300 đến Km 24 + 700 (cách ngã ba Quy Kỳ 50 m)	350
6.3	Từ Km 24 + 700 đến Km 24 + 800	400
6.4	Từ Km 24 + 800 đến Km 25	350
6.5	Từ Km 25 đến Km 25 + 300 (giáp đất Quy Kỳ, đường đi Chợ Đồn)	300
7	Xã Quy Kỳ	
7.1	Từ Km 25 + 300 đến giáp đất huyện Chợ Đồn	120
II	Trục phụ đường 268	
1	Xã Bảo Cường	
1.1	Từ đường 268 (cạnh nhà ông Thao) rẽ vào UBND xã Bảo Cường	
1.1.1	Từ đường 268 vào 50 m	400
1.1.2	Cách đường 268 50 m + 150 m tiếp theo	350
1.1.3	Đoạn còn lại đến cách ngã tư trung tâm xã 50 m	300
1.2	Đường liên xã Bảo Cường - Đồng Thịnh	
1.2.1	Từ đường 268 vào 50 m	400
1.2.2	Cách đường 268 50m + 150 m tiếp theo	350
1.2.3	Đoạn còn lại đến cách ngã tư trung tâm xã 50 m	300
1.2.4	Ngã tư trung tâm xã + 50 m về phía đường 268 (cả 2 đường)	350
1.3	Đoạn rẽ về phía xã Đồng Thịnh	
1.3.1	Ngã tư trung tâm xã Bảo Cường + 50 m đi Đồng Thịnh	200

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2	Thị trấn Chợ Chu	
2.1	Từ đường 268 rẽ vào đường bê tông công khối cơ quan đoàn thể	2.500
2.2	Cách đường 268: 50 m đến cổng UBND huyện	3.000
2.3	Cổng UBND huyện đến giáp Đài tưởng niệm	2.000
2.4	Ngã tư trung tâm huyện đi phố Tân Thành	
2.5	Ngã tư trung tâm huyện vào 30 m	2.500
2.6	Cách ngã tư trung tâm huyện 30 m đến ngã ba Dốc Châu	1.800
2.7	Từ đường 268 đến cổng trường P.T.T.H	1.800
2.8	Từ cổng trường P.T.T.H đến hết xóm Hợp Thành	700
2.9	Cách ngã ba lương thực 50 m đến đường rẽ vào TT Y tế huyện	2.000
2.10	Đường rẽ vào đến cổng Trung tâm Y tế	2.000
2.11	Từ đường rẽ vào Trung tâm Y tế + 50 m về phía cầu Góc Găng	2.000
2.12	Đoạn còn lại đến đầu cầu Góc Găng	1.000
2.13	Từ cầu Góc Găng đến cách góc đa Chợ Chu 50 m	1.200
2.14	Từ Góc đa Chợ Chu + 50 m đi các phía	1.500
2.15	Các đoạn đường còn lại đi các phố Hoà Bình, Thống Nhất, Đoàn Kết	1.000
2.16	Từ cách góc đa Chợ Chu 50 m đến đỉnh Dốc Châu	1.000
2.17	Từ đỉnh Dốc Châu đến Hạt Kiểm lâm huyện	700
2.18	Từ cổng Hạt Kiểm lâm huyện đến đường 268 (đường cũ)	500
2.19	Đoạn đường bê tông (từ đường vào trường T.H.P.T sang đến đường vào UBND huyện)	1.500
2.20	Các đường còn lại thuộc thị trấn Chợ Chu	
	- Đường rộng $\geq 3,5$ m	300
	- Đường rộng $\leq 3,5$ m nhưng lớn hơn 2,5 m	200
3	Xã Kim Sơn	
3.1	Từ ngã ba Quy Kỳ + 50 m (Đi chợ Quy Kỳ)	400
3.2	Cách ngã ba Quy Kỳ 50 m đến giáp đất Quy Kỳ (đường vào chợ Quy Kỳ)	300
SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ

Giá đất ở huyện Đình Hó

III	Đường 264 (hướng Bình Thành đi Quán Vuông)	
1	Xã Bình Thành	
1.1	Từ Km 12 + 800 (giáp Đại Từ) đến Km 13 + 700	250
1.2	Từ Km 13 + 700 đến Km 14 + 600	230
1.3	Từ Km 14 + 600 đến Km 15 + 700	240
1.4	Từ Km 15 + 700 đến Km 16 + 500	220
1.5	Từ Km 16 + 500 đến Km 17 + 200	300
1.6	Từ Km 17 + 200 đến Km 17 + 900	270
1.7	Từ Km 17 + 900 đến Km 19 + 100	300
1.8	Từ Km 19 + 100 đến Km 19 + 600 (giáp đất Sơn Phú)	250
2	Xã Sơn Phú	
2.1	Từ Km 19 + 600 (giáp đất Bình Thành) đến Km 21 + 300	250
2.2	Từ Km 21 + 300 đến Km 21 + 700	350
2.3	Từ Km 21 + 700 đến Km 22 + 200	380
2.4	Từ Km 22 + 200 đến Km 22 + 700	150
2.5	Từ Km 22 + 700 đến Km 23 + 400 (giáp đất Trung Lương)	200
3	Xã Trung Lương	
3.1	Từ Km 23 + 400 (giáp đất Sơn Phú) đến Km 24 + 200	250
3.2	Từ Km 24 + 200 đến Km 24 + 900	350
3.3	Từ Km 24 + 900 đến Km 26 + 100	450
4	Xã Bình Yên	
4.1	Từ Km 26 + 100 đến Km 26 + 200	520
4.2	Từ Km 26 + 200 đến Km 26 + 250	550
4.3	Từ Km 26 + 250 đến Km 26 + 300	800
4.4	Từ Km 26 + 300 đến trung tâm ngã ba Bình Yên	1.100
4.5	Từ trung tâm ngã ba Bình Yên + 100 m đi Phú Đình	1.10
4.6	Từ trung tâm ngã ba Bình Yên + 100 m đi Quán Vuông (Km 26 + 500)	1.100
4.7	Từ Km 26 + 500 đến Km 26 + 600	1.000
4.8	Từ Km 26 + 600 đến Km 26 + 700	950
4.9	Từ Km 26 + 700 đến Km 26 + 800	900

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
4.10	Từ Km 26 + 800 đến Km 27 + 200	850
5	Xã Trung Lương (tiếp)	
5.1	Từ Km 27 + 200 đến Km 28 + 800	700
5.2	Từ Km 28 + 800 đến Km 29 + 300	800
5.3	Từ Km 29 + 300 đến Km 29 + 800 (giáp đất Trung Hội)	750
6	Xã Trung Hội	
6.1	Từ Km 29 + 800 (giáp đất Trung Lương) đến Km 30 + 400	800
6.2	Từ Km 30 + 400 đến Km 30 + 500	700
6.3	Từ Km 30 + 500 đến Km 30 + 850	1.000
6.4	Từ Km 30 + 850 đến Km 30 + 900	1.200
6.5	Từ Km 30 + 900 đến Km 31 (ngã ba Quán Vuông)	1.400
IV	Đường ATK Bình Yên - Phú Đình (Đường 264B)	
1	Xã Bình Yên	
1.1	Từ Km 0 + 100 đến Km 0 + 300	650
1.2	Từ Km 0 + 300 đến Km 0 + 600	300
1.2	Từ Km 0 + 600 đến Km 1 + 500	200
1.3	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 900	300
1.4	Từ Km 1 + 900 đến Km 2 (Ngã ba Đá Bay)	370
1.5	Từ Km 2 (Ngã ba Đá Bay) + 100 về các phía	370
1.6	Từ Km 2 + 100 đến Km 3 (giáp đất xã Diêm Mặc)	150
2	Xã Diêm Mặc	
2.1	Từ Km 3 (giáp đất Bình Yên) đến Km 4 + 400	160
2.2	Từ Km 4 + 400 đến Km 4 + 600	200
2.3	Từ Km 4 + 600 đến Km 4 + 900	160
2.4	Từ Km 4 + 900 đến Km 5 + 500	500
2.5	Từ Km 5 + 500 đến Km 5 + 600	450
2.6	Từ Km 5 + 600 đến Km 5 + 800	400
2.7	Từ Km 5 + 800 đến Km 5 + 900	350
2.8	Từ Km 5 + 900 đến Km 6 + 00	300
2.9	Từ Km 6 + 00 đến Km 6 + 400	250
2.10	Từ Km 6 + 400 đến Km 6 + 800	200

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
2.11	Từ Km 6 + 800 đến giáp đất xã Phú Đình (Km 6 + 900)	160
3	Xã Phú Đình	
3.1	Từ Km 6 + 900 (giáp đất Diềm Mặc) đến Km 7 + 100	160
3.2	Từ Km 7 + 100 đến Km 7 + 200	190
3.3	Từ Km 7 + 200 đến đầu cầu Nạ Tiên	240
3.4	Từ đầu cầu Nạ Tiên đến Km 7 + 750	200
3.5	Từ Km 7 + 750 đến Km 8 + 300	240
3.6	Từ Km 8 + 300 đến Km 8 + 900	260
3.7	Từ Km 8 + 900 đến Km 9 + 200	280
3.8	Từ Km 9 + 200 đến Km 9 + 600	350
3.9	Từ Km 9 + 600 đến Km 9 + 900	280
3.10	Từ Km 9 + 900 đến Km 10 + 150	260
3.11	Từ Km 10 + 150 đến Km 11 + 800	250
3.12	Từ Km 11 + 800 đến Km 11 + 950	270
3.13	Từ Km 11 + 950 đến Km 12 + 500	320
3.14	Từ Km 12 + 500 đến Km 13 + 400	300
3.15	Từ Km 13 + 400 đến Km 13 + 750 (Ngã ba đi Tuyên Quang)	320
3.16	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100 m đi các phía	260
3.17	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100 m đi Khuôn Tát (đến cây đa)	160
3.18	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100 đến giáp đất Tuyên Quang	160
V	Đường liên xã Chợ Chu - Lam Vỹ	
1	Từ cầu Gốc Sung đến đường rẽ vào Chùa Hang + 50 m đi vào Phụng Tiến	400
2	Cách đường rẽ Chùa Hang 50 m đến giáp đất Phụng Tiến	200
3	Từ đất Phụng Tiến đến ngã ba cầu Trần Tân Dương	290
4	Từ cầu Trần Tân Dương đến Km 2	210
5	Từ Km 2 đến ngã ba đường vào xóm 5A, 5B	220
6	Từ ngã ba đường xóm 5A, 5B đến Km 3	230
7	Từ Km 3 đến Km 4	220
8	Từ Km 4 đến Km 5 (giáp đất Tân Thịnh)	210

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9	Từ Km 5 (giáp đất Tân Dương) đến cầu Đồng Khiếu	150
10	Từ cầu Đồng Khiếu đến cột điện cao thế 98 đường dây 376	175
11	Cột điện cao thế 98 đường dây 376 đến trạm biến áp trung tâm	200
12	Từ trạm biến áp trung tâm đến cầu tràn Hát Mây	130
13	Từ cầu tràn Hát Mây đến giáp đất Lam Vỹ	110
14	Từ đất Lam Vỹ đến Cầu Nghiu	100
15	Từ Cầu Nghiu đến cột điện hạ thế (nhà ông Thanh)	130
16	Từ cột điện hạ thế (nhà ông Thanh) đến cột điện thoại (nhà ông Xanh)	170
17	Từ cột điện thoại (nhà ông Xanh) đến cổng chợ Lam Vỹ	250
18	Từ cổng chợ Lam Vỹ đến cột hạ thế (nhà ông Hiệp)	200
19	Từ cột hạ thế đến cầu Trung Tâm	200
20	Từ cầu Trung Tâm đến đường rẽ trường Tiểu học (ngã ba Trung Tâm)	170
21	Từ đường rẽ trường Tiểu học đến cổng qua đường (nhà ông Hoàn)	130
22	Từ cổng qua đường (nhà ông Hoàn) đến cổng qua đường (nhà ông Quý)	150
23	Từ cổng qua đường (nhà ông Quý) đến giáp đất xã Linh Thông	100
24	Từ ngã ba trung tâm đến cổng trường trung học cơ sở xã Lam Vỹ	180
VI	Đường liên thôn xóm (Từ đầu cầu treo Tân Thịnh đến hết đất làng Duyên xã Tân Thịnh)	
1	Từ đầu cầu treo đến cột hạ thế trung tâm số 69	100
VII	Trục đường liên xã Thanh Định - Bảo Linh	
1	Từ đầm Đá bay đến cột cao thế 473/04 (xóm Khuẩn Nghè)	200
2	Từ cột cao thế 473/04 đến cột cao thế 473/07 (xóm Khuẩn Nghè)	160
3	Từ cột cao thế 473/07 (xóm Khuổi Nghè) đến cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thắm Thìa)	200
Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ

4	Từ cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thảm Thia) đến cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao	250
5	Từ cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao đến cầu Phươn Thanh Xuân	200
6	Từ cầu Phươn Thanh Xuân đến ngã ba Văn Lang + 100 m hướng đi xã Bảo Linh	250
7	Từ ngã ba Văn Lang + 100 m đến cột hạ thế số 5 (xóm Nạ Chèn)	200
8	Từ cột hạ thế số 5 xóm Nạ Chèn đến giáp đất Bảo Linh	160
VIII	Trục đường liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ	
1	Từ giáp đất Kim Sơn đến kho lương thực cũ	300
2	Từ kho lương thực cũ đến Km 4 + 200 (giáp đất Linh Thông)	160
3	Từ Km 4 + 200 đến Km 7 + 350	100
4	Từ Km 7 + 350 đến Km 10 + 200	160
5	Từ Km 10 + 200 đến Km 11 (giáp đất Lam Vỹ)	100
IX	Trục đường liên xã Phúc Chu - Bảo Linh	
1	Cách ngã ba Nà Lài 50 m đến hết đất nhà ông Bạch	900
2	Từ nhà ông Bạch đến giáp đất Phúc Chu	400
3	Từ Km 0 + 660 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 1 + 130	180
4	Từ Km 1 + 130 đến Km 1 + 850	200
5	Từ Km 1 + 850 đến Km 6 + 200 (giáp đất Bảo Linh)	160
6	Từ Km 6 + 200 đến đường rẽ đi Khuổi Trao	160
7	Từ đường rẽ đi Khuổi Trao đến cầu đập chính	200
8	Từ cầu đập chính đến cách ngã ba Đồng Rằm 50 m	160
9	Từ ngã ba Đồng Rằm đi các phía 50 m	200
10	Từ ngã ba Đồng Rằm + 50 m đến giáp đất Bảo Linh	160
11	Từ giáp đất Định Biên đến cách ngã ba trạm điện số 1 (100m)	160
12	Từ công chợ Trung tâm Cụm xã Bảo Linh đi Định Biên 50 m; Đi UBND xã Bảo Linh 100 m	200
13	Cách chợ trung tâm cụm xã 100 m đến cách ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh 100 m	170
14	Từ ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh về các phía 100 m	200

SỐ TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
15	Từ ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh đi các phía 40 m	200
16	Từ ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh + 40 m đến giáp đất Thanh Định	160
17	Cách ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh 40 m đến cổng trường Tiểu học	160
X	Đường liên xã Nà Guồng - Đồng Thịnh	
1	Từ Km 0 đến Km 0 + 500	200
2	Từ Km 0 + 500 (giáp đất Trung Lương) đến Km 1 + 300 (cách chợ 100 m)	200
3	Từ Km 1 + 300 đến Km 1 + 500	160
4	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 700	350
5	Từ Km 1 + 700 đến Km 2 + 100	300
6	Từ Km 2 + 100 đến Km 3 + 200 (giáp đất Định Biên)	160
7	Từ Km 3 + 200 đến giáp đường liên xã Phúc Chu-Bảo Linh	160
XI	Đường liên xã Bảo Cường - Đồng Thịnh	
1	Từ ngã tư trung tâm xã Bảo Cường + 50 m đến giáp đất Đồng Thịnh	160
2	Từ giáp đất Bảo Cường đến cổng trường T.H.C.S Đồng Thịnh	160
3	Từ cổng trường T.H.C.S đến đập tràn Thác Lầm	200
4	Từ đập tràn Thác Lầm đến ngã ba An Thịnh 1	160
XII	Đường liên xã Tân Dương - Phụng Tiến - Trung Hội	
1	Từ Km 0 (cầu Trần Tân Dương) đến Km 2 (cầu Nạ Nàng)	260
2	Từ Km 2 (cầu Nạ Nàng) đến Km 4	230
3	Từ Km 4 đến Km 6 + 400	200
4	Từ Km 6 + 400 đến Km 9	160
5	Từ Km 9 đến giáp đường 268	250
XIII	Đường liên xã Chợ Chu - Kim Phụng	
1	Từ ngã ba đường rẽ Kim Phụng đến hết đất Chợ Chu	200
2	Từ cột điện số 7 (giáp Chợ Chu) đến Trạm BT Cạm Phước + 200 m	160

Số TT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
3	Cách trạm biến thế Cạm Phước + 200 m đến đầu Cầu treo liên xã Kim Phượng - Lam Vỹ	200
4	Từ cầu treo liên xã Kim Phượng đến Bản Lác (bia di tích lịch sử thành lập chính quyền huyện Định Hóa)	160
5	Từ cầu treo liên xã Kim Phượng đến giáp đất Lam Vỹ (Đèo Bồn)	160
XIV	Đường liên xã Bộc Nhiêu - Bình Thành	
1	Từ trục đường 268 rẽ đi Bộc Nhiêu + 50 m đến cột điện cao thế số 38	180
2	Từ cột điện cao thế số 38 đến đường rẽ lên Eo Đèo	200
3	Từ đường rẽ Eo Đèo lên hết đất Việt Nhiêu	160
4	Từ cầu trung tâm xã + 500 m đi các phía	200
5	Từ trục rẽ Nạ Lặng đến hết đất Vân Nhiêu	180
XV	Xung quanh các chợ nông thôn còn lại có mặt tiền bám chợ (chợ thành lập theo quyết định của UBND tỉnh)	300

Phụ lục số 09:
VỀ GIÁ ĐẤT Ở BĂM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG KHU VỰC THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP HUYỆN VĨ NHAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG VÀ KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
A	TUYẾN QUỐC LỘ 1B	
I	Từ giáp đất Lạng Sơn đến ngã tư thị trấn Đình Cả	
1	Từ giáp đất Lạng Sơn km100 + 500 đến cách cầu Phụng Hoàng 200m km 102 + 200	150
2	Cách cầu Phụng Hoàng 200m km102 + 200 đến km103	500
3	Từ km 103 đến cầu Vẽ km 106	300
4	Từ cầu Vẽ km 106 đến cầu Suối Cạn km 107 + 150	450
5	Từ cầu Suối Cạn km 107 + 150 đến cầu Nà Trang km107 + 550	1.200
6	Từ cầu Nà Trang km107 + 550 đến ngã tư TT Đình Cả km 107 + 750	1.400
II	Từ ngã tư TT Đình Cả đến giáp đất huyện Đông Hỷ	
1	Từ ngã tư Đình Cả km 107 + 750 đến đường rẽ vào trường Tiểu học TT Đình Cả km 108 + 120	1.800
2	Từ đường rẽ vào trường Tiểu học Đình Cả km 108 + 120 đến cầu Rắn km 108 + 700	1.400
3	Từ cầu Rắn km 108 + 700 đến đường rẽ vào trường THPT Võ Nhai km 109 + 400	650
4	Từ đường rẽ vào trường THPT Võ Nhai km 109 + 400 đến cổng trường Tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng km109 + 900	420
5	Từ km 109 + 900 đến km111 + 800	300
6	Từ km111 + 800 đến đường rẽ vào trường THCS Lâu Thượng km112 + 400	500
7	Từ đường rẽ vào Trường THCS Lâu Thượng km112 + 400 đến cách đường rẽ vào trường THCS Trúc Mai 200m (km119)	300
8	Cách đường rẽ vào trường THCS Trúc Mai 200m (km119 đến km 119 + 400)	300

Giá đất ở huyện Đình Hóa

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG VÀ KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
9	Từ km 119 + 400 đến Trạm Y tế La Hiên km124 + 100	200
10	Từ Trạm Y tế La Hiên km124 + 100 đến đường rẽ vào trường THCS La Hiên km 124 + 800	400
11	Từ đường rẽ vào trường THCS La Hiên km 124 + 800 đến đường rẽ vào UBND xã La Hiên km 125 + 80	800
12	Từ đường rẽ vào UBND xã La Hiên km 125 + 80 đến cầu La Hiên km125 + 200	1.200
13	Từ cầu La Hiên km125 + 200 đến Nhà máy Nước khoáng La Hiên km 126 + 300	700
14	Từ Nhà máy Nước khoáng La Hiên km 126 + 300 đến giáp đất huyện Đồng Hỷ km 128 + 100	550
B	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 1B	
I	Từ quốc lộ 1B (km 108 + 120) đến cổng trường Tiểu học Thị trấn Đình Cả	700
II	Từ quốc lộ 1B km 108 + 650 đến cổng Trung tâm Y tế Võ Nhai	700
III	Từ quốc lộ 1B (km 109 + 400) đến cổng Trường THPT Võ Nhai	400
IV	Từ quốc lộ 1B đến cổng Hạt Kiểm lâm Võ Nhai	700
C	TUYẾN TỈNH LỘ	
I	Đường Đình Cả - Bình Long (ĐT 265)	
1	Từ ngã tư Đình Cả km0 đến cầu Sông Đào km0 + 245	2.500
2	Từ cầu Sông Đào km0 + 245 đến cầu Đá Mài km0 + 750	400
3	Từ cầu Đá Mài km0 + 750 đến cầu Suối Lũ km2 + 280	200
4	Từ cầu Suối Lũ km 2 + 280 đến cổng trường Tiểu học Tràng Xá km 7	200
5	Từ km7 đến cầu Bắc Bén km8	250
6	Từ cầu Bắc Bén km8 đến Bưu điện VH xã Tràng Xá km8 + 400	700
7	Từ Bưu điện VH xã Tràng Xá km8 + 400 đến Km10 + 400	450
8	Từ Km10 + 400 đến Km10 + 800 (Cổng trường THCS Tràng Xá + 200m về 2 phía)	350
9	Từ Km10 + 800 đến Km14 + 600	250
10	Từ Km14 + 600 đến Km15 + 100	200

Giá đất ở huyện Đình Hóa

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG VÀ KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
11	Từ Km15 + 100 đến Km15 + 500 (Cổng chợ Dân Tiến mới + 200m về 2 phía)	400
12	Từ Km15 + 500 đến Km16 + 100	350
13	Từ Km16 + 100 đến Km16 + 500 (Cổng trường THCS Dân Tiến mới + 200m về 2 phía)	350
14	Từ Km16 + 500 đến Km21 + 100	150
15	Từ Km21 + 100 đến Km21 + 700 (Cổng chợ Bình Long + 300m về 2 phía)	300
16	Từ Km21 + 700 đến giáp đất huyện Hữu Lũng - Lạng Sơn	150
D	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHÁC	
I	Từ đường ĐT 265 (hiệu thuốc Tràng Xá) đến cổng UBND xã Tràng Xá và đường vào Trạm đa khoa khu vực	350
II	Đường Tràng Xá - Phương Giao	
1	Cổng Chợ Mũng + 250m về 2 phía	300
2	Các đoạn còn lại của đường Tràng Xá - Phương Giao	150
III	ĐƯỜNG ĐÔNG BO XÃ TRÀNG XÁ	
1	Cổng chợ Đông Bo + 200m về hai phía	300
IV	Đường La Hiên - Vũ Chấn	
1	Từ quốc lộ 1B đến Km0 + 150	800
2	Từ Km0 + 150 đến dốc Suối Đát Km1	400
3	Từ dốc Suối Đát Km1 đến Km7 + 600 đường rẽ vào trường THPT Trần Phú	150
4	Từ Km7 + 600 đến ngã ba Cúc Đường Km8 + 100	400
5	Từ ngã ba Cúc Đường Km8 + 100 đến Trạm y tế Km9	280
6	Các vị trí còn lại	130
V	Khu vực chợ Đình Cả	
1	Từ đường Đình Cả Bình Long tại Km0 + 200m đến trạm bơm nước TT Đình Cả	900
2	Từ đường Đình Cả Bình Long vòng ra cổng chợ sau chợ (cổng phía Đông)	900
3	Từ cổng sau chợ (cổng phía Đông) + 150m đường đi Bãi Lai	800
4	Đoạn còn lại đường Bãi Lai đến QL 1B	450

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG VÀ KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
VI	Đường từ ngã 4 Đình Cả - Công Huyện uỷ	
1	Từ ngã 4 Đình Cả đến giáp đất Ban Chỉ huy Quân sự huyện	800
2	Từ đất Ban Chỉ huy Quân sự huyện đến hết đất Huyện uỷ	600
VII	Các vị trí đất nằm trên đường bao quanh chợ Thượng Nung, Liên Minh.	200
VIII	Các đoạn còn lại trên tuyến đường liên thôn, liên xã chưa quy định trên, áp dụng theo mức giá đất quy định tại bảng giá đất ở nông thôn	